DNP
A Member of Tasco

KIẾN TẠO

HÀNH TRÌNH MỚI

—

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



Mục lục

CHƯƠNG 01

Điểm nhấn năm 2025

06 Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi

08 Điểm nhấn tài chính và hoạt động

14 Sự kiện tiêu biểu năm 2024

CHƯƠNG 02

Tổng quan

22 Thông tin tổng quát

24 Lịch sử hình thành và phát triển

26 Lĩnh vực kinh doanh

30 Địa bàn kinh doanh

32 Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị

34 Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán

39 Định hướng chiến lược phát triển

50 Các yếu tố rủi ro

CHƯƠNG 03

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

56 Tổng quan kinh tế vĩ mô 2025 và dự báo 2026

58 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

64 Tình hình tài chính

66 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026

CHƯƠNG 04

Quản trị Doanh nghiệp

72 Tổng quan về mô hình Quản Trị DNP

73 Báo cáo của Hội đồng Quản trị

79 Thông tin Cổ phiếu và quan hệ Cổ đông

82 Hoạt động quan hệ Cổ Đông (IR)

CHƯƠNG 05

Phát triển bền vững

86 Tổng quan Chiến lược Phát triển Bền vững

88 Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường và Xã hội

96 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

CHƯƠNG 06

Báo cáo tài chính hợp nhất

104 Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

108 Báo cáo Kiểm Toán Độc Lập

110 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

114 Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

115 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

117 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Chương 01

Điểm Nhấn Năm 2025

06 Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi

08 Điểm Nhấn Tài chính và Hoạt động

14 Sự kiện tiêu biểu năm 2025

01



Tầm Nhìn, Sứ Mệnh và Giá Trị Cốt Lõi

Tầm nhìn

DNP là lựa chọn số 1 của khách hàng trong lĩnh vực nước sạch, môi trường, sản phẩm gia dụng cao cấp và vật liệu xây dựng hoàn thiện.

Sứ mệnh

Nâng cao chất lượng, trải nghiệm sống và tham gia giải quyết các thách thức về môi trường với các giải pháp toàn diện, sáng tạo về nước sạch, vật liệu xây dựng, hàng gia dụng cao cấp.

Giá trị cốt lõi 3T

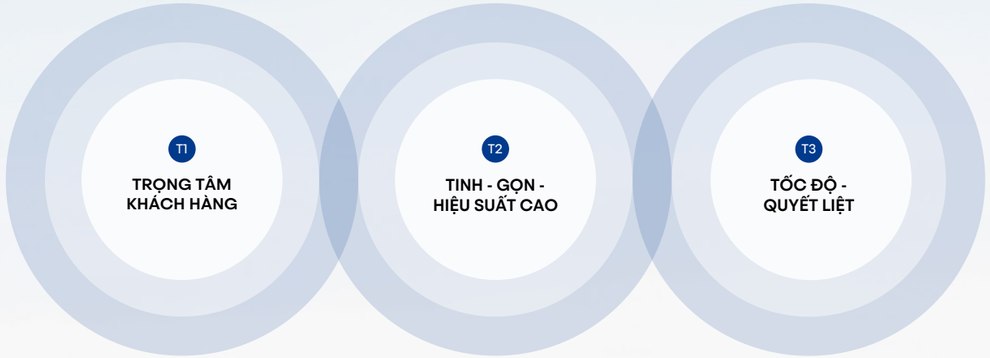



Điểm Nhấn Tài chính và Hoạt động

Điểm nhấn 2025

Tổng doanh thu thuần
9.504
tỷ đồng

Tổng tài sản
19.194
tỷ đồng

Tăng trưởng doanh thu thuần
(CAGR 2012-2025)
30,25%

Tăng trưởng lợi nhuận gộp
(CAGR 2012-2025)
31,26%

Tổng số nhân viên
(tại ngày 31/12/2025)
4.078
người

Vốn hóa thị trường
(tại ngày 31/12/2025)
3.045
tỷ đồng

Vị thế trên thị trường

Top 1
Nhà đầu tư tư nhân ngành nước tại Việt Nam

Top 1
Vật tư thiết bị ngành nước

Top 1
Dẫn đầu phân khúc Gạch Granite cao cấp

Top 5
Sản xuất bao bì tại Việt Nam

Top 3
Nhà sản xuất ngói tráng men lớn nhất Việt Nam

Top 1
Thương hiệu gia dụng cao cấp được yêu thích nhất trên kênh phân phối hiện đại (Modern trade)



Sở hữu thế mạnh trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi

Nước sạch & môi trường

Tổng công suất thiết kế nước sạch

1 triệu m^3/ ngày đêm

Nước sạch đạt chuẩn cung cấp cho các hộ dân năm 2025

159 triệu m^3/ ngày đêm

Cung cấp nước tại

10 tỉnh thành

Vệ sinh môi trường tại

5 tỉnh thành

Sản phẩm gia dụng

Thị trường xuất khẩu

20 quốc gia

Công suất sản phẩm gia dụng

5.500 tấn/ năm

Tổng số mã sản phẩm: 1.000 SKU

Vật liệu xây dựng

Công suất gạch ốp lát và ngói

26 triệu m^2/năm

Sở hữu danh mục sản phẩm đa dạng

1.500 mẫu thiết kế

Bao bì

Công suất bao bì mềm

30.000 tấn/ năm

Công suất bao bì cứng

18.000 tấn/ năm

Hệ sinh thái ngành nước

Công suất ống và phụ kiện nhựa

60.000 tấn/ năm

Ống nhựa và vật tư thiết bị ngành nước, gạch ngói ốp lát hiện diện tại

34/34 tỉnh thành



Quy mô Tổng tài sản qua các năm

(Đơn vị: Tỷ đồng)

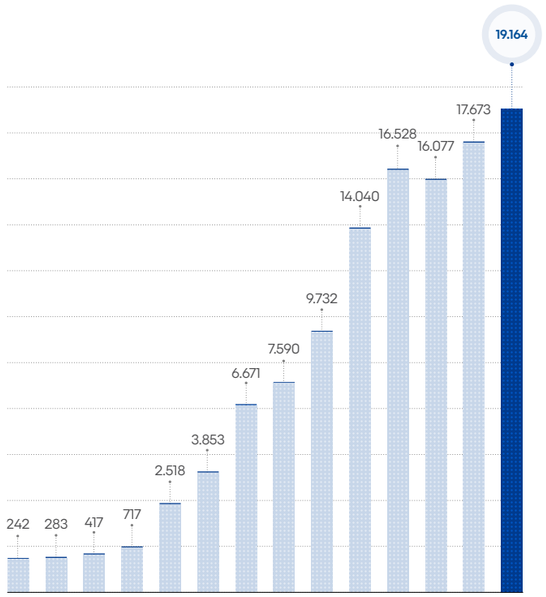

Quy mô Vốn chủ sở hữu qua các năm

(Đơn vị: Tỷ đồng)

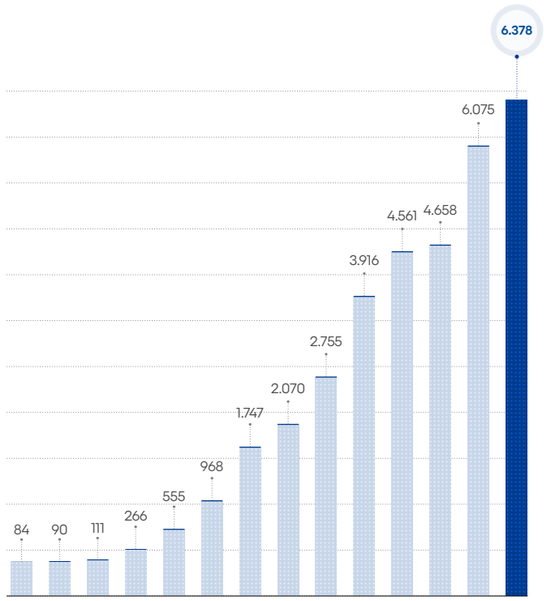

Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

(Đơn vị: Tỷ đồng)

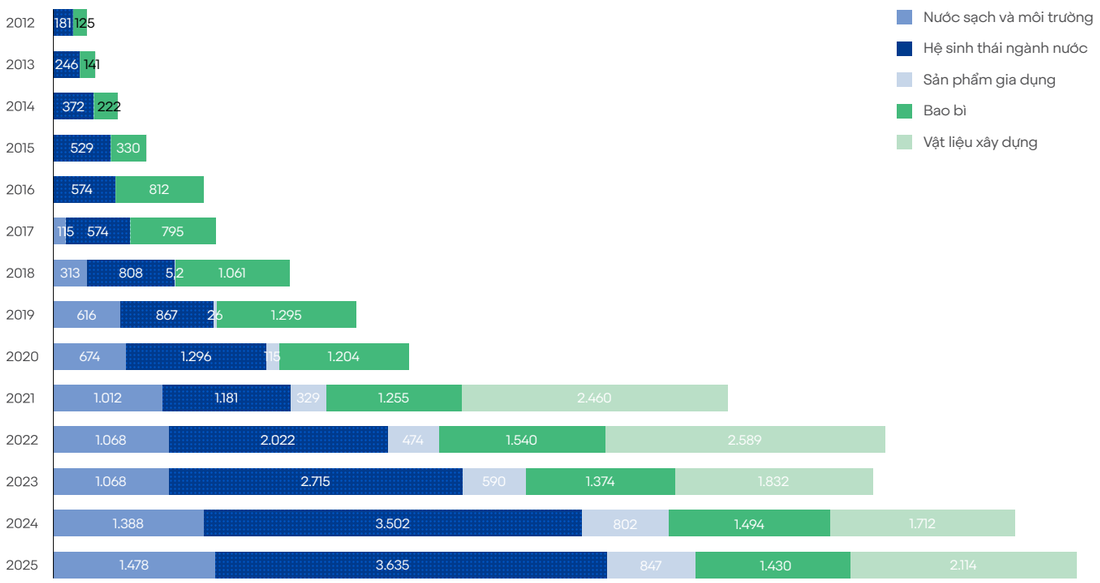

Doanh thu thuần qua các năm

(Đơn vị: Tỷ đồng)

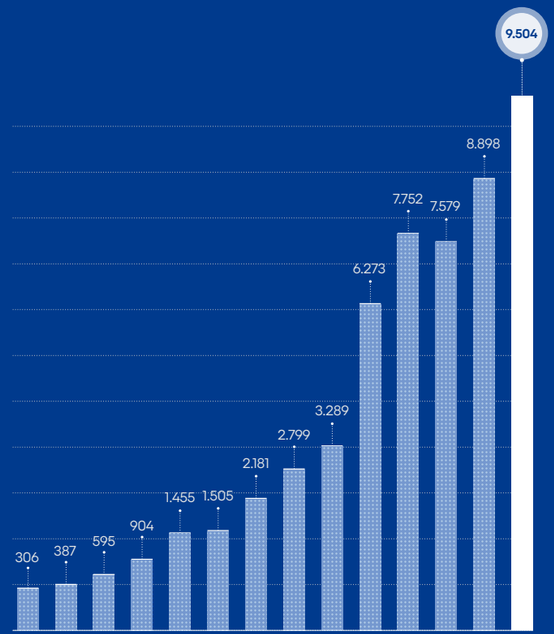

EBITDA thực hiện qua các năm

(Đơn vị: Tỷ đồng)

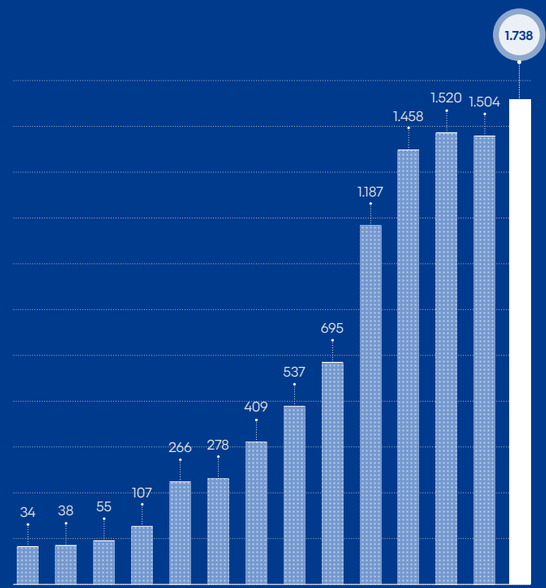

Cơ cấu doanh thu thuần 2025

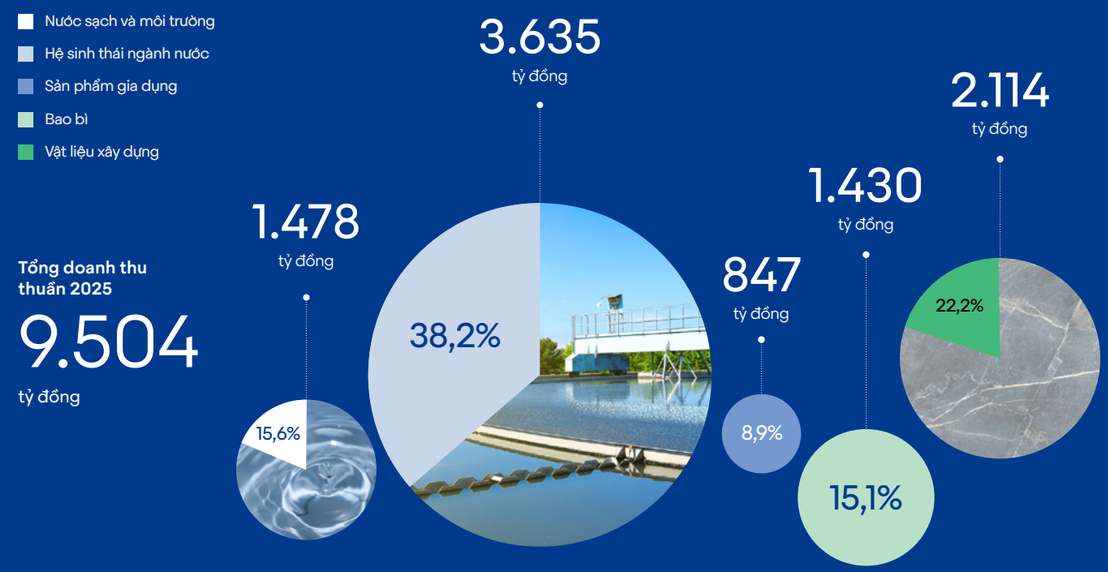

Sự Kiện Tiêu Biểu Năm 2025

01

DNP Holding thuộc Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2025, thăng hạng và giữ vị trí Top 3 ngành nhựa

DNP Holding tự hào tiếp tục ghi danh trong bảng xếp hạng Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500 năm 2025 với những con số ấn tượng: Xếp hạng 162/500, tăng 9 bậc so với năm 2024 và Khẳng định vị thế top 3 toàn ngành nhựa, phản ánh vị thế vững chắc của doanh nghiệp trong lĩnh vực vật liệu công nghiệp – một trong những mảng hoạt động nền tảng của DNP.

Việc tiếp tục thăng hạng trong VNR500, giữ vị trí cao trong ngành nhựa và duy trì đà tăng trưởng doanh thu trong năm 2025 được xem là những tín hiệu cho thấy nền tảng hoạt động ổn định của DNP Holding, cũng như dư địa phát triển trong giai đoạn tiếp theo, đặc biệt khi doanh nghiệp bước vào một chu kỳ mới với sự hậu thuẫn từ hệ sinh thái Tasco.

TOP 500
Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam



02

DNP Holding chính thức trở thành công ty con của Tasco

Tháng 12/2025 đánh dấu cột mốc DNP Holding chính thức trở thành Công ty con của Tasco sau khi Tasco Investment sở hữu 57,2% vốn điều lệ của DNP Holding. Việc đầu tư và nắm quyền chi phối tại DNP Holding là bước đi chiến lược của Tasco trong việc thực hiện đầu tư vào các lĩnh vực thiết yếu như nước sạch, năng lượng tái tạo, đồ gia dụng.... Đây là những lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng bền vững và ít chịu ảnh hưởng bởi chu kỳ kinh tế.

Thông qua việc tận dụng thế mạnh quản trị, nguồn lực tài chính và hệ sinh thái sẵn có, Tasco kỳ vọng sẽ cùng DNP Holding thúc đẩy tăng trưởng bền vững và tạo ra giá trị dài hạn cho cổ đông, cộng đồng và xã hội.

Tasco Investment sở hữu
57,2% vốn điều lệ của DNP Holding



03

Khởi công dự án Nhà máy nước thô liên vùng đầu tiên trên cả nước, giải pháp căn cơ bền vững về nước ngọt cho các tỉnh Đồng Tháp – Tây Ninh – Vĩnh Long

Mức đầu tư giai đoạn 1
1.820 tỷ đồng

Tổng công suất cấp nước của DNP Water
1 triệu m^3/ngày đêm

Ngày 24/10, tại xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp, Công ty TNHH Nước thô DNP – Sông Tiền (thành viên DNP Water) đã tổ chức Lễ khởi công Dự án Trạm bơm nước thô Nhà máy nước Đồng Tâm và hệ thống tuyến ống truyền tải. Công trình được xem là "dấu mốc đầu tiên" trong mô hình cấp nước liên vùng của Việt Nam, mở ra hướng đi căn cơ để giải quyết tình trạng khan hiếm nước ngọt tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

Dự án có tổng mức đầu tư giai đoạn 1 hơn 1.820 tỷ đồng, công suất thiết kế 300.000 m^3/ngày đêm, dự kiến hoàn thành và đưa vào vận hành Quý IV/2026. Hệ thống gồm các trạm bơm chính và tuyến ống khoảng 115 km, đảm bảo truyền tải nước thô không nhiễm mặn từ sông Tiền và kênh Nguyễn Tấn Thành đến các nhà máy nước sạch hiện hữu tại Đồng Tháp, Tây Ninh và Vĩnh Long.

Khi hoàn thành, nhà máy sẽ đảm bảo năng lực truyền tải nguồn nước thô không nhiễm mặn từ sông Tiền và kênh Nguyễn Tấn Thành đến các nhà máy nước sạch hiện hữu tại Đồng Tháp, Tây Ninh và Vĩnh Long, với công suất đáp ứng nhu cầu hơn 2 triệu người dân, phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trọng điểm của vùng. Ở giai đoạn 2, dự án dự kiến mở rộng tuyến ống và trạm bơm từ khu vực Cái Bè – cầu Mỹ Thuận, nâng công suất lên 600.000 m^3/ngày đêm, hình thành mạch truyền dẫn nước ngọt liên hoàn giữa các tỉnh khu vực sông Tiền.

Với hơn 23 công ty thành viên và liên kết, tổng công suất cấp nước hơn 1 triệu m^3/ngày đêm, DNP Water tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong trong lĩnh vực hạ tầng nước và môi trường. Dự án Nhà máy nước thô liên vùng tỉnh Đồng Tháp – Tây Ninh – Vĩnh Long không chỉ là một công trình hạ tầng, mà là quyết tâm về phát triển bền vững, tiên phong giải quyết các thách thức về an ninh an toàn nước sạch, đặc biệt các khu vực khó khăn về nguồn nước.



04

DNP vận hành nhà máy trọng điểm tại Đất Đỏ - Khởi đầu hành trình mới

Cuối năm 2025, DNP đã khẩn trương hoàn thiện công tác xây dựng, lắp đặt để đưa nhà máy sản xuất tại Đất Đỏ (Bà Rịa – Vũng Tàu) - một dự án có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, chính thức đi vào vận hành, đánh dấu bước ngoặt chiến lược trong giai đoạn phát triển mới.

Với quy mô 18ha, nhà máy là nền tảng sản xuất trọng điểm cho các dòng sản phẩm Ống và phụ kiện nhựa Đồng Nai, bao bì cứng, bao bì mềm và thương hiệu gia dụng Inochi. Đáng chú ý, dự án ghi dấu ấn "thần tốc" khi rút ngắn 14 tháng triển khai so với thông thường và tiết kiệm tới 57% dự toán ban đầu. Việc mở rộng không gian vận hành và nâng cao năng lực sản xuất này giúp DNP đáp ứng tuyệt đối tiến độ và mọi đơn hàng khắt khe nhất của khách hàng.



05

Nhựa Đồng Nai tiếp tục nhận chứng nhận Green Building Product Certificate

Nhựa Đồng Nai tiếp tục được trao chứng nhận Green Building Product Certificate – một tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm xây dựng "xanh" do Hội đồng Công trình Xanh Singapore (SGBC) ban hành, giúp xác định các vật liệu thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, đồng thời đảm bảo chất lượng không khí và sức khỏe người dùng trong công trình. Chứng nhận này phản ánh cam kết của Nhựa Đồng Nai trong việc phát triển sản phẩm bền vững và an toàn, phù hợp xu hướng xây dựng xanh tại Việt Nam, đồng thời góp phần thúc đẩy mục tiêu sử dụng vật liệu thân thiện môi trường trong các dự án kiến trúc tiêu chuẩn quốc tế.



06

Inochi Studio - mô hình mua sắm mới trong chiến lược mở rộng chuỗi bán lẻ của Inochi



Inochi Studio được phát triển dựa trên nền tảng vững chắc và năng lực sản xuất vượt trội từ Inochi - thương hiệu gia dụng cao cấp đã và đang đồng hành cùng người Việt trong hành trình kiến tạo không gian sống gọn gàng, tích cực và bền vững hơn mỗi ngày.

Khác với mô hình bán lẻ truyền thống, Inochi Studio không chỉ dừng lại ở việc cung cấp sản phẩm đơn lẻ, mà tập trung vào việc "combo giải pháp" cho từng không gian sống. Mỗi cửa hàng được thiết kế như không gian trải nghiệm mở, nơi khách hàng có thể trực tiếp nhìn, chạm, dùng thử sản phẩm và nhận tư vấn dựa trên nhu cầu sử dụng, thói quen sinh hoạt và phong cách sống của từng gia đình.

Với triết lý "Giải pháp cho mọi phong cách sống", Inochi Studio mang đến một hệ giá trị khác biệt:

- Tư vấn "may đo" cho từng gia đình: từ bếp ăn, phòng khách, tủ lạnh đến các khu vực lưu trữ nhỏ, giúp khách hàng mua đúng, chọn đúng, dùng hiệu quả để tránh bị lãng phí.
- Đội ngũ tư vấn chuyên sâu: được đào tạo bài bản, am hiểu không gian sống và hành vi tiêu dùng, không chỉ giới thiệu sản phẩm mà còn đồng hành cùng khách hàng trong quá trình sắp xếp, tối ưu cho tổ ấm của mình.
- Không gian trải nghiệm truyền cảm hứng: khuyến khích khách hàng khám phá các giải pháp tổng thể thay vì mua sắm rời rạc, ngẫu hứng.
- Sản phẩm độc quyền: Bên cạnh những sản phẩm đạt các tiêu chuẩn quốc tế, Inochi Studio còn giới thiệu những sản phẩm riêng chỉ có tại Inochi Studio.

Inochi Studio không chỉ đơn thuần là chuỗi cửa hàng mới mà còn là bước tiến chiến lược, thể hiện tầm nhìn dài hạn của Inochi trong việc kiến tạo trải nghiệm bán lẻ khác biệt, lấy khách hàng làm trung tâm và hướng đến sự phát triển bền vững trong tương lai. Đồng thời, khẳng định sự đồng hành cùng các gia đình Việt trong hành trình nâng tầm chất lượng sống thông qua những giải pháp toàn diện và tinh tế.

07

DNP Holding hợp tác chiến lược với các đối tác lớn, kiến tạo tương lai hạ tầng & môi trường bền vững.

Chiều ngày 22/07/2025 tại Hà Nội, DNP Holding đã chính thức ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện cùng Viettel Construction và Tổng Công ty Thăng Long, hình thành liên minh chiến lược nhằm kiến tạo các dự án hạ tầng quy mô lớn. Trong sự kết hợp này, DNP Holding đóng vai trò là đơn vị cung cấp hệ sinh thái sản phẩm và các giải pháp công nghiệp chất lượng cao, cùng các đối tác hiện thực hóa các dự án từ đô thị thông minh, nhà máy xử lý nước đến hạ tầng khu công nghiệp hiện đại.

Thông qua liên minh, DNP Holding không chỉ phát huy năng lực cung ứng vật liệu nền tảng mà còn khẳng định cam kết trong việc ứng dụng công nghệ quản lý tiên tiến và thúc đẩy vật liệu thân thiện môi trường. Hợp tác chiến lược lần này là minh chứng cho tầm nhìn phát triển bền vững, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế dẫn đầu của doanh nghiệp trong chu kỳ phát triển mới của ngành hạ tầng Việt Nam.



08

CMC ra mắt bộ sưu tập gạch sân vườn chống trơn 2025, mang thông điệp “An toàn trong từng bước chạm”

CMC Tiles đã chính thức giới thiệu Bộ sưu tập Gạch sân vườn chống trơn 2025 với thông điệp “An toàn trong từng bước chạm”, tập trung vào giải pháp lát nền ngoài trời vừa an toàn – bền bỉ – thẩm mỹ cho sân vườn, sân thượng và lối đi ngoài trời. Bộ sưu tập ứng dụng công nghệ bề mặt men Matt chống trơn trượt vượt trội, kết hợp khả năng chịu lực, chống mài mòn và kháng tia UV, cùng thiết kế vân đá tự nhiên tinh tế phù hợp với nhiều phong cách kiến trúc hiện đại, từ biệt thự đến nhà phố và resort cao cấp. Các sản phẩm trong bộ sưu tập tuân theo tiêu chuẩn chất lượng cao, dễ thi công và bảo trì, đồng thời phản ánh cam kết của CMC Tiles trong việc đồng hành xây dựng không gian sống an toàn, bền vững và đậm nét thẩm mỹ.



DNP Holding không chỉ phát huy năng lực cung ứng vật liệu nền tảng mà còn khẳng định cam kết trong việc ứng dụng công nghệ quản lý tiên tiến và thúc đẩy vật liệu thân thiện môi trường



Chương 02

Tổng Quan

22 Thông tin tổng quát

24 Lịch sử hình thành và phát triển

26 Lĩnh vực kinh doanh

30 Địa bàn kinh doanh

32 Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị

34 Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán

39 Định hướng chiến lược phát triển

50 Các yếu tố rủi ro

02



Thông Tin Tổng Quát

DNP Holding là đơn vị đầu tư vào lĩnh vực nước sạch và môi trường, hệ sinh thái ngành nước, vật liệu xây dựng cho giai đoạn hoàn thiện công trình, sản phẩm gia dụng cao cấp và bao bì.

Tên giao dịch

Công ty Cổ phần DNP Holding

Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Mã chứng khoán
1.410 tỷ đồng	6.378 tỷ đồng	DNP
(tại ngày 31/12/2025)	(tại ngày 31/12/2025)	Niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - HNX

Trụ sở chính

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

DNP khát vọng xây dựng một cộng đồng tốt đẹp hơn thông qua việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp chất lượng cao góp phần giải quyết các thách thức xã hội và hiện thực hóa cam kết mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho con người.



Lịch Sử Hình Thành Và Phát Triển

1976

Thành lập với mô hình công ty Nhà nước



2004

Cổ phần hóa doanh nghiệp

2006

Niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) - mã chứng khoán DNP



2012

Tái cấu trúc toàn diện theo mô hình DNP, thay đổi Hội đồng quản trị và Ban điều hành

2014

Trở thành nhà sản xuất và cung cấp ống nhựa hạ tầng số 1 Việt Nam

2015

Đầu tư sở hữu nhà máy nước Bình Hiệp công suất 50.000 m^3/ngày đêm.

Tăng vốn điều lệ lên 135 tỷ đồng.



2016

Tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

Đầu tư sở hữu Nhựa Tân Phú (đã đổi tên thành Tân Phú Việt Nam).

Đầu tư sở hữu nhà máy nước Đồng Tâm công suất 90.000 m^3/ngày đêm.

2017

Thành lập DNP Water với vốn điều lệ 1.100 tỷ đồng.

Trở thành công ty tư nhân đầu tiên trong ngành nước ở Việt Nam được IFC cam kết đầu tư 24,9 triệu USD.

2018

Xây dựng Nhà máy nước sạch DNP - Bắc Giang, hoàn thành giai đoạn 1 công suất 30.000 m^3/ngày đêm.

Tăng vốn điều lệ của DNP thêm 500 tỷ đồng, DNP Water thêm 680 tỷ đồng.

Chính thức ra mắt thương hiệu gia dụng cao cấp INOCHI.

2019

Huy động thành công nguồn vốn lên tới 20 triệu USD từ trái phiếu chuyển đổi với Olympus Capital Asia.

Ra mắt DNP Hawaco – công ty liên doanh giữa 2 thương hiệu hàng đầu lĩnh vực vật tư ngành nước tại Việt Nam.



2021

DNP trở thành cổ đông lớn sở hữu 51,14% CTCP CMC – một trong những công ty sản xuất gạch ốp lát lớn nhất Việt Nam.

DNP trở thành nhà cung cấp số 1 Việt Nam về quy mô và sự đa dạng của vật liệu khâu hoàn thiện các công trình (giải pháp và thiết bị điện, thoát nước, bơm, van, gạch ốp lát...)

Nâng vốn điều lệ lên 1.189 tỷ đồng.

2022

DNP cùng lúc đạt 3 thương hiệu quốc gia cho 3 sản phẩm thuộc các lĩnh vực trụ cột: Vật tư ngành nước (Nhựa Đồng Nai), gạch ngói xây dựng (CMC), sản phẩm gia dụng tiện ích (INOCHI/thuộc Tân Phú Việt Nam).

Tháng 06/2022, Samsung Engineering tiếp nối Tập đoàn Tài chính Quốc tế IFC trở thành đối tác đầu tư chiến lược của DNP Water. Vốn điều lệ của DNPWater được tăng thêm 562 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được đổi tên thành Công ty Cổ phần DNP Holding từ tháng 04/2022.

2023

Thương hiệu gia dụng cao cấp Inochi ra mắt Hệ sinh thái bình sữa và phụ kiện Aoi dành riêng cho mẹ và bé.

DNP Holding xuất sắc ghi danh trong top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023.



2024

Lần thứ 2 liên tiếp, 3 thương hiệu lớn của DNP (Đồng Nai Plastics, CMC và Tân Phú Việt Nam) được vinh danh Thương hiệu quốc gia Việt Nam; DNP hiện diện trong danh sách VNR500, và nằm trong Top 4 trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhựa tại Việt Nam.

Khánh thành Nhà máy nước Sơn Thạnh (công suất giai đoạn 1: 25.000 m^3/ngày đêm).

Vốn điều lệ của DNP tăng lên 1.410 tỷ đồng.

2025

Ngày 01/12/2025, DNP Holding (DNP Holding) chính thức trở thành Công ty con của CTCP Tasco thông qua Công ty TNHH Tasco Investment.

Khởi công Dự án Trạm bơm nước thô Nhà máy nước Đồng Tâm và hệ thống tuyến ống truyền tải có công suất thiết kế 300.000 m^3/ngày đêm Giai đoạn 1.



Lĩnh Vực Kinh Doanh

Nước sạch và môi trường

- Cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo tiêu chuẩn cho người sử dụng.
- Đầu tư tăng công suất và hiệu quả của các nhà máy nước hiện hữu.
- Phát triển các dự án xây dựng nhà máy nước mới với quy mô lớn, các dự án xây dựng mạng lưới cấp nước sạch đến các khu vực đô thị và cận đô thị.
- Tiên phong phát triển các giải pháp cấp nước tại nông thôn, biển đảo và những khu vực chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu.
- Tham gia đầu tư và vận hành các dự án nước thải.

Hệ sinh thái ngành nước

Phục vụ hơn

500 khách hàng chiến lược hàng năm

DNP Hawaco là đơn vị số 1 về cung cấp đồng hồ đo nước trong ngành cấp nước tại Việt Nam

60% thị phần

Vật tư thiết bị, giải pháp ngành nước

- DNP Hawaco là đơn vị hàng đầu cung cấp giải pháp công nghệ và vật tư thiết bị ngành cấp thoát nước tại Việt Nam, phục vụ hơn 500 khách hàng chiến lược hàng năm và chuyên sâu trong 3 lĩnh vực cốt lõi: Nước sạch, Nước thải và Thuỷ lợi.
- DNP Hawaco tiên phong trong Kỷ nguyên số & xanh, phát triển bền vững của ngành nước tại Việt Nam với dịch vụ trọn gói từ tư vấn giải pháp, thiết bị đầu cuối và phần mềm quản lý.
- DNP Hawaco tiếp tục giữ vững là đơn vị số 1 về cung cấp đồng hồ đo nước trong ngành cấp nước tại Việt Nam với gần 60% thị phần. DNP Hawaco cung ứng toàn diện vật tư thiết bị ngành nước khác (bơm, van, hóa chất...); là đơn vị tiên phong nội địa hoá sản xuất (tấm lắng Lamella, đan lọc 360, module xử lý...), tích hợp giải pháp (SCADA, điện điều khiển...), tự động hoá, chuyển đổi số và quản trị thông minh, công nghệ xử lý nước cho hạ tầng ngành nước và xây dựng dân dụng, toà nhà.

Ống nhựa và phụ kiện

Công suất mảng ống nhựa và phụ kiện đạt

60.000 tấn ống/năm

Năng suất sản xuất của ống và phụ kiện

80.000 tấn/ năm

- Nhựa Đồng Nai sản xuất và cung cấp ống nhựa và phụ kiện HDPE, uPVC, PPR... cho hạ tầng cấp thoát nước, các công trình xây dựng dân dụng, tưới tiêu nông nghiệp và thuỷ lợi.
- Công suất mảng ống nhựa và phụ kiện đạt 60.000 tấn ống/năm, Nhựa Đồng Nai được thị trường ghi nhận 10 năm liên tục dẫn đầu thị phần Việt Nam mảng hạ tầng cấp thoát nước với chứng nhận "Thương hiệu ống nhựa Hạ tầng số 1 Việt Nam".
- Nhựa Đồng Nai được vinh danh Sản phẩm & Dịch vụ Xanh Quốc Gia 2026, ghi nhận cho nỗ lực luôn tiên phong cho xu hướng Xanh trong ngành ống nhựa với chứng nhận EPD lần đầu tiên tại Việt Nam và Green Mark từ SGBC Singapore.
- Sản xuất trên dây chuyền hiện đại từ các nhà cung cấp thiết bị và nguyên liệu hàng đầu châu Âu, Nhựa Đồng Nai là Thương hiệu Quốc Gia với 50 năm kinh nghiệm.
- Mở rộng công suất sản xuất với việc hoàn thành di dời nhà máy tại Biên Hòa Đồng Nai sang KCN Đất Đỏ, TP. HCM với tổng diện tích nhà máy của DNP là 18 ha (bao gồm ống nhựa và phụ kiện Nhựa Đồng Nai, bao bì mềm, bao bì cứng, đồ gia dụng Tân Phú), trong đó năng suất sản xuất của ống và phụ kiện lên đến 80.000 tấn/ năm nhằm phục vụ nhu cầu thị trường.

Sản phẩm gia dụng cao cấp

Inochi là thương hiệu sản phẩm gia dụng cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam (mã chứng khoán: TPP). Nền tảng kỹ thuật công nghệ tiên tiến của TPP chính là bệ đỡ vững chắc cho sự phát triển của Inochi.

Với sứ mệnh tiên phong trong lĩnh vực sản xuất đồ gia dụng, Inochi mang đến cho người tiêu dùng Việt Nam những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng về nguyên vật liệu, là giải pháp thông minh cho ngôi nhà của người tiêu dùng Việt, mang đậm phong cách và tiêu chuẩn Nhật Bản.

Tiêu chuẩn Nhật Bản

Inochi áp dụng tiêu chuẩn Nhật Bản trong quy trình sản xuất, đảm bảo sản phẩm an toàn cho sức khỏe và thân thiện với môi trường.

Giàu tiện ích, đa giải pháp

Inochi luôn nghiên cứu và cải tiến để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, mang đến những sản phẩm tích hợp nhiều tiện ích thông minh.

Chất lượng cao

Inochi sử dụng nguyên liệu cao cấp và dây chuyền sản xuất hiện đại, cho ra đời những sản phẩm bền bỉ, đẹp mắt và tiện dụng.

An toàn cho người sử dụng

Inochi luôn đặt an toàn lên hàng đầu, đảm bảo sản phẩm không chứa chất độc hại, phù hợp với mọi lứa tuổi.

Inochi đã xuất khẩu đến

20 quốc gia

Với định hướng xây dựng Inochi trở thành "Thương hiệu gia dụng được ưa chuộng nhất Đông Nam Á", bên cạnh việc mở rộng quy mô trong nước, Inochi còn khẳng định vị thế thương hiệu trên thị trường quốc tế khi tham gia các hội chợ đồ gia dụng danh tiếng như Ambiente (Đức), Home Instyle (Hong Kong), Canton Fair (Trung Quốc). Năm 2025 là năm mà việc thuế khoán của Mỹ ảnh hưởng rất lớn tới việc Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Mỹ, nhưng Inochi đã đặt nền móng đầu tiên tại đây. Đã có đơn hàng xuất Mỹ đầu tiên và dự kiến lượng khách sẽ tiếp tục gia tăng trong giai đoạn 2026-2028.

Việc góp mặt tại các sự kiện này chứng tỏ năng lực cạnh tranh toàn cầu của thương hiệu. Đến nay, Inochi đã có mặt tại 20 quốc gia, bao gồm Malaysia, Philippines, Indonesia, Myanmar, Hong Kong, Qatar, Nhật Bản, Hy Lạp, Thụy Sỹ, Australia, Mỹ, Pháp, Bắc Âu ...



Bao bì

Tổng công suất

18.000 tấn/năm

Bao bì cứng

Sản xuất bao bì cứng, cho các ngành thiết yếu:

- Kỹ thuật Công nghiệp: Vỏ ắc quy, thùng sơn.
- Hóa mỹ phẩm: Chai HDPE, PP, chai PET.
- Bảo vệ thực vật: Chai 3 lớp, chai PET, can, thùng.
- Thực phẩm và đồ uống: Chai HDPE, PP, chai PET.
- Dược phẩm: Chai HDPE, PP, chai PET.
- Khuôn mẫu: Chế tạo khuôn mẫu phục vụ cho sản xuất ngành nhựa.

Một số khách hàng lớn: Pinaco, Sữa Quốc tế (IDP), Sữa Việt Nam (Vinamilk), Nestle, Lavie, P&G, Masan Consumer...

Trong năm 2025, mảng kinh doanh của bao bì cứng vẫn hoạt động ổn định, tối ưu hiệu quả sản xuất và tệp khách hàng, là nền tảng sản xuất vững chắc giúp cải thiện về mặt quản trị cộng hưởng ở các ngành hàng khác.

Tổng công suất

30.000 tấn/ năm

Bao bì mềm

Sau khi thực hiện tái cơ cấu và chuyển mảng sản xuất kinh doanh từ Nhựa Đồng Nai về Tân Phú Việt Nam, bao bì mềm đã ổn định và từng bước cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất:

- Sản xuất các loại bao bì mềm xuất khẩu: túi siêu thị, túi bánh sandwich, túi zipper, túi rác... đạt tiêu chuẩn châu Âu.
- Các nước xuất khẩu bao bì mềm: Mỹ, Úc, Nhật, Đức, Anh, Pháp, Hà Lan...
- Sản phẩm bao bì cao cấp liên quan đến thực phẩm: túi zipper, túi slider, màng bọc

Năm 2025, Công ty đã thực hiện tối ưu chi phí nguyên vật liệu đầu vào, gia tăng sản lượng sản xuất, làm chủ công nghệ nhằm tiết giảm chi phí sản xuất gia tăng hiệu quả cho bao bì mềm. Năm 2025 cũng là năm mà Bao bì mềm chuẩn bị cho việc di dời xuống Nhà máy tại Đất Đỏ để tăng quy mô sản xuất, tối ưu vận hành và sản xuất tập trung, làm bàn đạp cho việc tăng sản lượng năm 2026-2028.

Vật liệu xây dựng

Công suất Gạch ốp lát và ngói các loại

26 triệu m²/năm

Sở hữu danh mục sản phẩm đa dạng với hơn

1.500 mẫu thiết kế

Gạch ốp lát và ngói các loại CMC

- Sản xuất, cung cấp gạch ốp tường, gạch lát sàn, gạch trang trí và ngói tráng men cao cấp cho các công trình xây dựng từ dân dụng tới công nghiệp và thương mại.
- Sở hữu hai nhà máy với tổng công suất hơn 26 triệu m² gạch và ngói mỗi năm, CMC khẳng định vị thế là một trong những thương hiệu dẫn đầu tại Việt Nam. Với danh mục sản phẩm đa dạng, bao gồm hơn 16 dòng kích thước, 10 định dạng bề mặt và hơn 1.500 mẫu thiết kế, CMC không chỉ đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường mà còn nổi bật nhờ chất lượng vượt trội, trở thành thương hiệu được ưa chuộng hàng đầu.

CMC tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong với bộ sưu tập mới, mang đến những dòng sản phẩm đột phá như gạch Granite kích thước 100x100 và 80x80 với độ hút nước <0,5%, cùng với các dòng Bán sứ và gạch Ceramic 40x60. Tất cả sản phẩm đều được sản xuất trên xương gạch cao cấp, đảm bảo độ bền vượt trội và khả năng chống mài mòn ấn tượng. Không ngừng đổi mới, CMC ứng dụng công nghệ men hiện đại như vi tinh kim cương, nano bóng, matt microcid, mang đến bề mặt hoàn thiện tinh xảo. Đặc biệt, hiệu ứng chạm khắc (Carving Effect) trên men Microcid đánh dấu bước đột phá công nghệ, lần đầu tiên được CMC áp dụng, tạo nên sự khác biệt đẳng cấp cho các dòng sản phẩm mới.

Địa Bàn Kinh Doanh

Nước sạch và môi trường

Cấp nước tại 10 tỉnh thành, thoát nước và vệ sinh môi trường tại 5 tỉnh thành.

Hệ sinh thái Ngành nước

34 tỉnh thành

Vật liệu xây dựng

Kênh phân phối ở tất cả 34 tỉnh thành cả nước.

Bao bì

Bao bì mềm xuất khẩu đi các thị trường châu Âu, Úc, Mỹ... Bao bì cứng gia công cho các doanh nghiệp.

Sản phẩm gia dụng

Kênh phân phối hiện đại và truyền thống, hiện diện ở 34/34 tỉnh thành trên cả nước và đã xuất khẩu đi 20 thị trường quốc tế như: Nhật Bản, Hy Lạp, Thụy Sỹ, Australia, Hồng Kông, Malaysia, Mỹ, châu Âu...

20 thị trường quốc tế



Cơ Cấu Tổ Chức Và Mô Hình Quản Trị

DNP Holding (“DNP”) hoạt động theo mô hình công ty đầu tư (investment holding), theo đó DNP thực hiện (i) quản lý vốn, (ii) quản lý chiến lược đầu tư phát triển các công ty thành viên, (iii) nghiên cứu phát triển và tổ chức triển khai các dự án chuyển đổi số để gia tăng lợi thế cạnh tranh, nghiên cứu các giải pháp cải tiến về công nghệ.

Các đơn vị thành viên tập trung phát triển sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực cốt lõi phù hợp với chiến lược phát triển chung của DNP.

Mô hình quản trị gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và có Ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Ngoài ra, còn có Ban cố vấn cấp cao gồm các chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực quản trị và vận hành, tài chính, công nghệ... tư vấn cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng và thực thi các chiến lược kinh doanh.



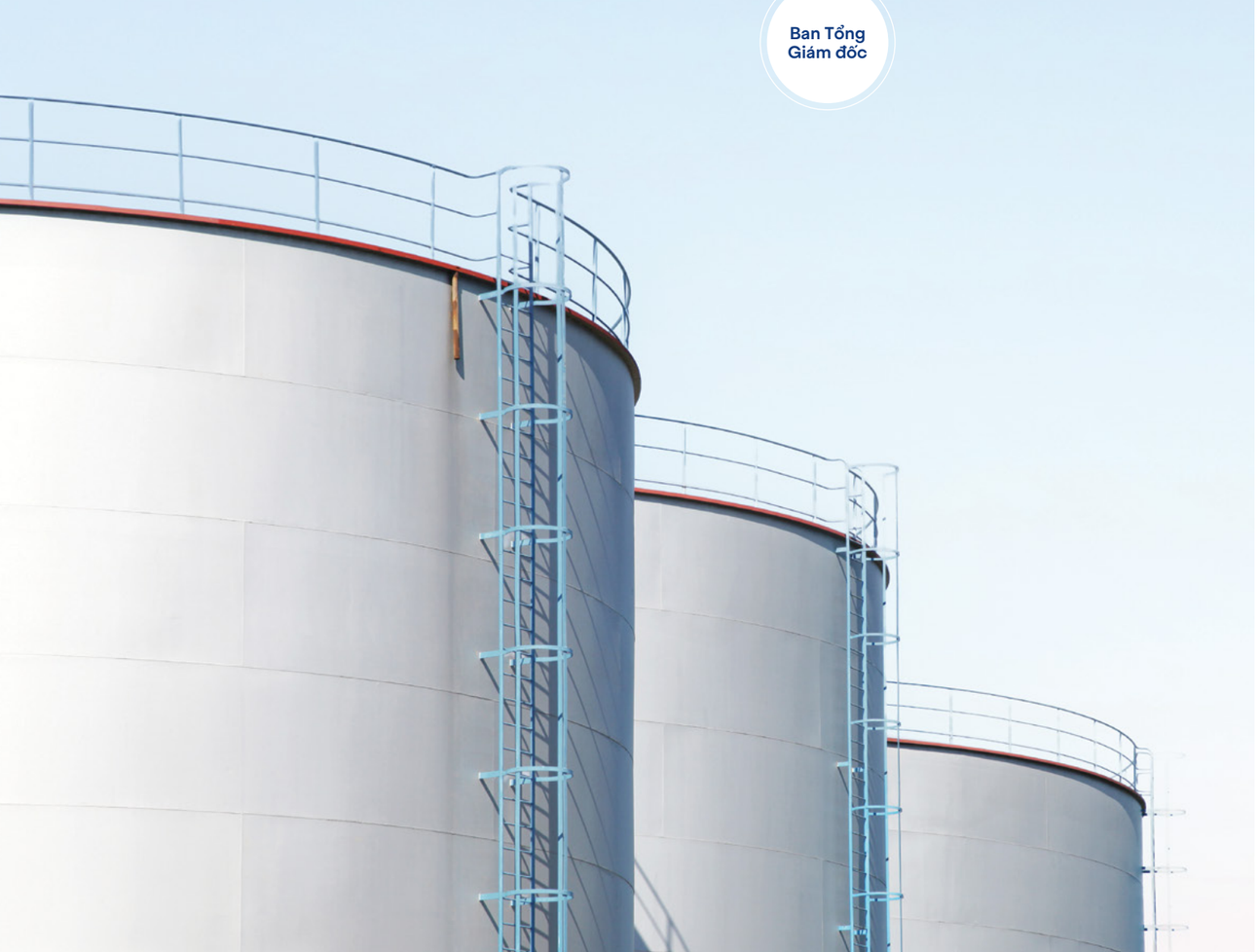

Nền Tảng Tổ Chức

Khối Quản trị hoạt động Đơn vị thành viên

Xây dựng hệ thống quản trị hoạt động chung của các đơn vị ở các lĩnh vực kinh doanh, đảm bảo tính hiệu quả, an toàn, và tuân thủ các thông lệ tốt về môi trường xã hội (E&S).

- **Khối Sản xuất:** Các nhà máy sản xuất nhựa/nước sạch/gạch ngói tại các đơn vị thành viên.
- **Khối Phát triển:** Gồm các nhóm nghiên cứu, thử nghiệm và phát triển lĩnh vực kinh doanh và giải pháp mới.
- **Khối Kinh doanh:** Các đội kinh doanh được tổ chức theo mảng kinh doanh, nhóm ngành hàng, thị trường, kênh phân phối... cho các sản phẩm ống và vật tư ngành nước cho các công trình hạ tầng và dân dụng, vật tư thiết bị ngành nước, sản phẩm gia dụng, gạch ngói, bao bì cứng và mềm...



Khối Holding

- **Khối Ngân hàng đầu tư (IB):** Nghiên cứu phát triển, cấu trúc vốn, huy động vốn tăng trưởng quy mô và đảm bảo tính pháp lý trong quá trình hoạt động và phát triển.
- **Khối Nguồn vốn và Quản trị tài chính (TAF):** Quản trị dòng tiền, đầu tư tập trung, quản trị kế toán, thuế và quản trị hiệu quả hoạt động, rủi ro tài chính.
- **Khối Nhân sự - Phát triển tổ chức (HROD):** Xây dựng đội ngũ tinh nhuệ, tổ chức tinh gọn chuyên nghiệp & linh hoạt.
- **Khối Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số:** Đưa công nghệ thông tin vào vận hành, kinh doanh và quản trị trên toàn hệ thống DNP, gia tăng năng suất lao động và sức cạnh tranh của DNP.
- **Khối Hành chính (Administration):** Thực hiện và giám sát các thủ tục hành chính, lễ tân, đón tiếp, văn thư lưu trữ, quản lý lịch trình, phối hợp tổ chức sự kiện và hỗ trợ các bộ phận khác trong tổ chức...

Danh sách các đơn vị thành viên, công ty con, công ty liên kết, và các thông tin về vốn góp, tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích tại từng đơn vị được trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất tại Chương VI - Báo cáo thường niên 2025 của DNP Holding.

Hội Đồng Quản Trị



Ông Trần Đức Huy

Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Đức Huy là một thành viên có kinh nghiệm phong phú trong hệ thống của DNP Holding. Ông Trần Đức Huy có 25 năm kinh nghiệm và từng giữ các chức vụ quan trọng tại các tập đoàn hàng đầu thế giới và Việt Nam. Ông từng là Tổng Giám đốc của Saint - Gobain Vietnam - tập đoàn nổi tiếng thế giới về sản xuất và phân phối giải pháp vật liệu xây dựng, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Vĩnh Tường, ... Ông có kiến thức quản trị sâu rộng khi hoàn tất các chương trình lãnh đạo cao cấp quốc tế như Chương trình GMP của Trường Kinh doanh Harvard, Chương trình đào tạo lãnh đạo cấp cao tại Anderson Business School (UCLA), Sloan Business School (MIT), Chứng chỉ Giảng viên quản trị doanh nghiệp của IFC.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Ông Trần Đức Huy được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 và sau đó được HĐQT bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.



Ông Ngô Đức Vũ

Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Ngô Đức Vũ có bằng Thạc sỹ Quản trị Tài chính Trường Quản lý Châu Âu ESCP (Pháp) và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan. Trước đây, ông từng là Giám đốc đầu tư CTCP Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sao Việt, Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Đồng Nai (tên cũ: CTCP Nhựa Đồng Nai Miền Trung), Tổng Giám đốc DNP Holding. Năm 2017, ông được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT DNP Holding.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Ông Ngô Đức Vũ tiếp tục được bầu làm Phó Chủ tịch thường trực HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.



Bà Nguyễn Thị Huyền

Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Thị Huyền là Thạc sỹ Kế toán – Kiểm toán và đã có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc tại Công ty Cổ phần DNP Holding. Bà Huyền gia nhập Công ty từ năm 2007 và đã từng đảm nhận các vị trí phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Vật tư, Giám đốc mảng Bao bì mềm, Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai và thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC và Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DNP Holding.

Hiện Bà đang là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần CMC.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Bà Nguyễn Thị Huyền được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.



Ông Trịnh Kiên

Thành viên HĐQT

Ông Trịnh Kiên là cử nhân chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán của Đại học Kinh tế Quốc dân, và đã từng đảm nhận nhiều vị trí lãnh đạo quan trọng tại các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán. Trước khi gia nhập DNP Holding năm 2013, ông đã có nhiều năm kinh nghiệm làm Phó phòng Kiểm toán tại Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam, Trưởng phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp tại Công ty Chứng khoán VPBank, và Phó Giám đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp tại Công ty Chứng khoán Lanexang, tham gia dự án Sacombank tại Lào.

Với hơn một thập kỷ đồng hành cùng sự phát triển của DNP Holding, ông Trịnh Kiên đã giữ nhiều vị trí quan trọng như Trưởng ban Kiểm soát, Trưởng ban Kiểm soát nội bộ, Giám đốc khách hàng chiến lược, Phó Tổng Giám đốc DNP Holding, và Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Nhựa Đồng Nai.

Tháng 9/2024, Ông Trịnh Kiên được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc DNP Holding. Ngoài ra, hiện tại ông còn là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần DNP Hawaco, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMC, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại DNP.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, ông Trịnh Kiên được bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.



Bà Trần Thị Linh

Thành viên HĐQT độc lập

Bà Trần Thị Linh là Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Thuế, với hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán và kiểm toán. Bà đã đảm nhiệm các vị trí quản lý trong lĩnh vực kiểm toán, trong đó có vai trò Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kiểm toán tại Công ty TNHH Dịch vụ Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc giai đoạn 2018–2023. Từ tháng 7/2023 đến nay, bà giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tasco Auto và đồng thời là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tasco.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, bà Trần Thị Linh được bầu làm thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2022-2027.

Tại cuộc họp HĐQT 06/01/2026, Bà Trần Thị Linh đã thông báo tới HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng Giám Đốc



Ông Trịnh Kiên

Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Kiên là cử nhân chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán của Đại học Kinh tế Quốc dân, và đã từng đảm nhận nhiều vị trí lãnh đạo quan trọng tại các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán. Trước khi gia nhập DNP Holding năm 2013, ông đã có nhiều năm kinh nghiệm làm Phó phòng Kiểm toán tại Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam, Trưởng phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp tại Công ty Chứng khoán VPBank, và Phó Giám đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp tại Công ty Chứng khoán Lanexang, tham gia dự án Sacombank tại Lào.

Với hơn một thập kỷ đồng hành cùng sự phát triển của DNP Holding, ông Trịnh Kiên đã giữ nhiều vị trí quan trọng như Trưởng ban Kiểm soát, Trưởng ban Kiểm soát nội bộ, Giám đốc khách hàng chiến lược, Phó Tổng Giám đốc DNP Holding, và Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Nhựa Đồng Nai.

Tháng 9/2024, Ông Trịnh Kiên được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc DNP Holding. Ngoài ra, hiện tại ông còn là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần DNP Hawaco, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMC, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại DNP.



Ông Trần Hữu Chuyền

Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Hữu Chuyền – Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Hà Nội, chuyên ngành Kỹ sư công nghệ hóa học. Ông Chuyền đã gắn bó với công ty gần 40 năm và có nhiều đóng góp quan trọng trong quá trình phát triển DNP, đặc biệt là trong các mảng kỹ thuật, sản xuất và vận hành. Ông từng giữ nhiều vị trí chủ chốt trong Công ty như: Trưởng phòng Kỹ thuật, Quản đốc Phân xưởng, Tổng Giám đốc Công ty... Tháng 4 năm 2017, ông Chuyền được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc DNP Holding.

Hiện tại, ông giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Tổng Giám đốc - thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại DNP.



Bà Phan Thùy Giang

Phó Tổng Giám đốc

Bà Phan Thùy Giang là Thạc sỹ chuyên ngành tài chính với gần 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng... Gia nhập công ty từ năm 2017, bà Giang từng giữ vị trí Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư và đã có nhiều đóng góp quan trọng về đầu tư, tài chính doanh nghiệp, công tác vận hành cho công ty. Tháng 8/2021, bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc DNP Holding.

Ngoài ra, hiện tại bà còn giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP.



Ông Nguyễn Việt Cường

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Cường là Tiến sĩ chuyên ngành Vật liệu xây dựng, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý doanh nghiệp và quản trị điều hành. Ông từng đảm nhiệm các vị trí điều hành cấp cao tại Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật, bao gồm Tổng Giám đốc và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Từ năm 2021 đến nay, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC, đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico).

Tháng 02/2025, ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DNP Holding.

Hiện tại, ông đang giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC.



Bà Phạm Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Bà Phạm Thị Thu Hằng tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP HCM, khoa Kế toán Kiểm toán và khoa Luật Doanh nghiệp. Trước khi gia nhập CTCP DNP Holding, bà từng làm Kế toán trưởng Ban quản lý xây dựng tỉnh Đồng Nai - Sở Xây Dựng, Giám sát Kế toán tại Công ty TNHH Sản xuất Toàn cầu Lixil Việt Nam. Sau khi gia nhập CTCP DNP Holding, bà đã giữ các chức như Kế toán tổng hợp, Phó phòng Kế toán. Tháng 4/2023, bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng CTCP DNP Holding.

Ủy Ban Kiểm Toán





Bà Trần Thị Linh

Chủ tịch Uỷ Ban Kiểm toán

Bà Trần Thị Linh là Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Thuế, với hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán và kiểm toán. Bà đã đảm nhiệm các vị trí quản lý trong lĩnh vực kiểm toán, trong đó có vai trò Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kiểm toán tại Công ty TNHH Dịch vụ Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc giai đoạn 2018–2023. Từ tháng 7/2023 đến nay, bà giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tasco Auto và đồng thời là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tasco. Với nền tảng chuyên môn sâu về kế toán, kiểm toán và quản trị tài chính doanh nghiệp, bà đóng góp tích cực vào việc tăng cường công tác kiểm soát, đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ và hiệu quả trong hoạt động quản trị của Công ty.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, bà Trần Thị Linh được bầu làm Chủ tịch Uỷ ban Kiểm toán nhiệm kỳ 2022-2027

Ông Ngô Đức Vũ

Thành viên Ủy Ban Kiểm toán

Ông Ngô Đức Vũ có bằng Thạc sỹ Quản trị Tài chính Trường Quản lý Châu Âu ESCP (Pháp) và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan. Trước đây, ông từng là Giám đốc đầu tư CTCP Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sao Việt, Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Đồng Nai (tên cũ: CTCP Nhựa Đồng Nai Miền Trung), Tổng Giám đốc DNP Holding. Năm 2017, ông được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT DNP Holding.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Ông Ngô Đức Vũ tiếp tục được bầu làm Phó Chủ tịch thường trực HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.

Định Hướng Chiến Lược Phát Triển

Sở hữu hệ sinh thái có sức cộng hưởng lớn, DNP Holding có nhiều lợi thế để cung cấp các sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và mang đến những trải nghiệm toàn diện cho khách hàng, đối tác, nhà đầu tư thông qua các giải pháp:

Phát huy lợi thế hệ sinh thái

Tạo lợi thế cộng hưởng nhờ sức mạnh hợp lực của các đơn vị trên toàn hệ thống.

Phát triển Nguồn nhân lực

Đầu tư cho con người và tập trung phát triển nguồn nhân lực tinh nhuệ; xây dựng cơ chế tưởng thưởng xứng đáng và có lộ trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo kế nhiệm.

Tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường

Xây dựng phát triển thị trường mới, mở rộng xuất khẩu quốc tế cho chuỗi sản phẩm mà DNP có thế mạnh.

Quản trị công ty

Áp dụng các mô hình quản trị hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế, tối ưu nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực có ưu thế; Tích hợp các vấn đề ESG trong hoạt động kinh doanh, kiểm soát rủi ro hoạt động, hướng tới phát triển bền vững.

Tăng cường ứng dụng công nghệ và máy móc hiện đại

Đẩy nhanh chuyển đổi số trong quy trình vận hành, sản xuất kinh doanh tại các nhà máy và văn phòng, từng bước ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI) vào việc phân tích và dự báo dữ liệu, tự động hóa việc quản lý dữ liệu, các quy trình, cải tiến chuỗi cung ứng... nhằm nâng cao hiệu quả, tăng năng suất lao động và tối ưu hóa các nguồn lực; Đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại; Hợp tác với các đối tác, chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước để rút ngắn thời gian chuyển giao công nghệ và quản trị.





Chiến lược ngành nước

Triển vọng ngành nước

Cả nước hiện có khoảng

1.000 nhà máy cấp nước

Tổng công suất xấp xỉ

13,2 triệu m^3/ngày đêm

Theo VCBS, ngành nước sạch Việt Nam duy trì đà tăng trưởng ổn định và bền vững, với sản lượng hằng năm tăng khoảng 2%–7%. Trong giai đoạn 2017–2024, tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) đạt khoảng 4%/năm, cho thấy khả năng tăng trưởng tích cực của ngành ngay cả trong bối cảnh chịu tác động bất lợi từ đại dịch Covid-19. Trong trung hạn, sản lượng nước sạch thương phẩm tại Việt Nam có xu hướng tăng trưởng dài hạn và ổn định nhờ nhu cầu nước sạch cho sản xuất gắn liền với tăng trưởng GDP và cho sinh hoạt gia tăng cùng pha với chu kỳ dân số và tỷ lệ đô thị hóa ngày càng cao.

Về phía nguồn cung, năng lực cấp nước sạch tại Việt Nam đã được cải thiện đáng kể trong những năm gần đây. Theo Hội Cấp Thoát nước Việt Nam (VWSA), cả nước hiện có khoảng 1.000 nhà máy cấp nước với tổng công suất xấp xỉ 13,2 triệu m^3/ngày đêm, đưa tỷ lệ người dân được tiếp cận nước sạch lên khoảng 94%, tương ứng mức cấp nước bình quân 120 lít/người/ngày. Đồng thời, tỷ lệ thất thoát nước trong hệ thống phân phối tiếp tục được kiểm soát tốt hơn, giảm xuống dưới 15% trong năm 2025, phản ánh hiệu quả đầu tư nâng cấp hạ tầng và cải thiện quản trị vận hành.

Về phía cầu, nhu cầu sử dụng nước dài hạn được dự báo duy trì xu hướng tăng ổn định. Dựa trên số liệu từ Quy hoạch Tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030 của Thủ tướng Chính phủ, sản lượng nước tăng trưởng hằng năm khoảng 5%/năm trong giai đoạn 2025 - 2030.

Cũng theo VCBS, động lực tăng trưởng nhu cầu nước trong trung – dài hạn đến từ: (1) **Nhóm khách hàng công nghiệp có nhu cầu nước sạch lớn và còn nhiều dư địa tăng trưởng**, trong đó các ngành sản xuất, gia công, chế tạo, dệt may, gỗ thường sử dụng nhiều nước sạch trong bối cảnh xu thế FDI đầu tư vào Việt Nam hiện vẫn đang duy trì tích cực, giá trị FDI giải ngân trong năm 2025 của Việt Nam đạt kỷ lục 27,62 tỷ USD (+9% YoY), tốc độ tăng trưởng kép giai đoạn 2015-2025 ở mức 7% (bao gồm giai đoạn Covid-19 ảnh hưởng; (2) **Đô thị hóa và gia tăng dân số**: Dân số Việt Nam đạt 100,3 triệu người vào năm 2023 và dự báo sẽ đạt 105 triệu người vào năm 2030, kéo theo nhu cầu nước tăng lên. Hiện chỉ khoảng 52% hộ dân tiếp cận nước máy, trong đó khu vực nông thôn chỉ đạt 34,8%, tạo động lực lớn cho các doanh nghiệp trong ngành xử lý nước.

Định hướng chiến lược

Trong bối cảnh ngành nước tại Việt Nam còn nhiều dư địa tăng trưởng, DNPW tập trung thực hiện các giải pháp chiến lược để duy trì vị thế là công ty giải pháp, dịch vụ và đầu tư hàng đầu trong ngành thông qua chiến lược phát triển bền vững và đổi mới.

DNP Water không ngừng mở rộng quy mô bằng cách triển khai các dự án cấp nước mới có quy mô lớn, đồng thời giải quyết căn cơ hiện trạng sử dụng tài nguyên nước ngầm quá mức, gây sụt lún và xâm nhập mặn, hạn hán, góp phần xây dựng hạ tầng cấp nước bền vững.

DNP Water định hướng tiếp tục phát huy thế mạnh của công ty hàng đầu về phát triển các dự án ngành nước, giải quyết bài toán căn cơ và cấp thiết về nguồn nước, cụ thể: i) Khởi công dự án nước liên vùng Đồng Tháp, Tây Ninh, Vĩnh Long (Dự án Vùng 1) cuối năm có công suất giai đoạn 1 là 300.000 m^3/ngày đêm, Giai đoạn 2 nâng lên 600.000 m^3/ngày đêm, góp phần giải quyết bài toán xâm nhập mặn và an ninh nguồn nước tại Đồng bằng Sông Cửu Long; ii) Khởi công nhà máy nước Trảng Bàng (Tây Ninh) công suất 100.000 m^3/ngày đêm vào cuối năm 2025, dự kiến hoàn thành giữa năm 2026. iii) DNP Water cũng đang đề xuất Dự án Nhà máy nước thô Vùng 2 (Cà Mau, Cần Thơ) với công suất thiết kế 300.000 m3/ngày đêm giai đoạn 1 nhằm cung cấp nguồn nước thô cho các nhà máy xử lý nước sạch sinh hoạt khu vực Cần Thơ (một phần tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng cũ) và tỉnh Cà Mau (Bạc Liêu, Cà Mau cũ) và các dự án khác. Mỗi năm công ty có kế hoạch triển khai từ 01 đến 02 dự án chiến lược để giải quyết nhu cầu cấp thiết về nguồn nước.

Trong xu hướng chuyển đổi xanh, công ty cũng triển khai vận hành dự án năng lượng mặt trời áp mái kết hợp BESS (Pin lưu trữ điện), bước đầu đạt kết quả tích cực, tiết giảm 45-50% điện năng tiêu thụ, giảm phát thải và bảo vệ môi trường. Từ năm 2026, DNP sẽ cung cấp giải pháp năng lượng xanh cho toàn hệ sinh thái Tasco - DNP (nhà máy sản xuất tại khu công nghiệp Đất Đỏ, Bắc Ninh, hệ thống Showroom, Tasco Mall và văn phòng của Tasco), đồng thời thí điểm một số dự án ngoài hệ thống, từng bước mở rộng khai thác tiềm năng tại các khu công nghiệp trọng điểm.

Với định hướng tăng trưởng bền vững song hành với trách nhiệm xã hội, DNP Water hướng đến mục tiêu:

01 100% người dân, bao gồm cả khu vực nông thôn, được tiếp cận và sử dụng nước sạch đạt chuẩn, góp phần đảm bảo quyền lợi cơ bản về sức khỏe và chất lượng sống cho cộng đồng.

02 Tập trung vào các giải pháp nhằm giải quyết những thách thức ngày càng gia tăng về tài nguyên nước, đặc biệt là các vấn đề xâm nhập mặn, hạn hán, và thiếu nguồn tại các khu vực hạ lưu và ven biển. Chủ động đầu tư cho các sáng kiến thích ứng và ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu.

03 Mở rộng hoạt động trong các lĩnh vực xử lý nước thải, làm sạch môi trường, góp phần nâng cao điều kiện sống cho người dân, đồng thời song hành với quá trình chuyển dịch đô thị hóa và sản xuất công nghiệp.

Bên cạnh việc mở rộng hệ thống cấp nước, DNP Water cũng đẩy mạnh hiệu quả hoạt động tại các công ty thành viên thông qua quá trình chuyển đổi số toàn diện.

Công ty ứng dụng công nghệ số vào mọi khâu vận hành, từ xây dựng hệ thống đến quản trị doanh nghiệp, nhằm nâng cao năng suất lao động, tối ưu hóa sản xuất, đảm bảo an toàn và chất lượng nước, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Ngoài ra, DNP Water cũng tập trung vào việc quản lý và mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển tệp khách hàng, tăng cường hiệu quả đấu nối, cũng như triển khai các dự án giảm thất thoát nước, đảm bảo an ninh nguồn nước và chất lượng nước cung cấp cho người dân.

Dưới sự dẫn dắt của đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm cùng với lực lượng nhân sự lành nghề, DNP Water tận dụng thế mạnh về công nghệ, kỹ thuật, tài chính và quản trị từ các đối tác chiến lược trong và ngoài nước. Những nền tảng này giúp công ty từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành nhà điều hành hàng đầu trong ngành nước tại Việt Nam.

Hệ sinh thái ngành nước

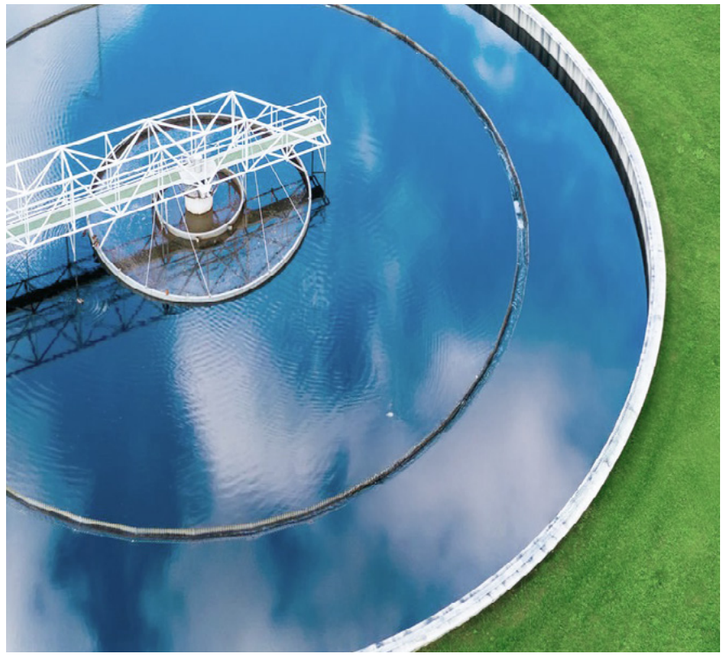

Triển vọng hệ sinh thái ngành nước

Tỷ lệ đô thị hóa của Việt Nam sẽ tăng với tốc độ trung bình 1,6 đpt/năm trong giai đoạn 2024 – 2034F, tương ứng đạt mức 57,3% vào năm 2034F.

Ống nhựa phục vụ chủ yếu cho nhu cầu xây dựng nhà ở (chiếm khoảng ~70%) và xây dựng hạ tầng (~20%), còn lại dùng trong tưới tiêu, thủy sản,...Thị phần ống nhựa thị trường nội địa tương đối tập trung, theo ước tính của FPTS, Nhựa Đồng Nai thuộc top 4 Doanh nghiệp có thị phần ống nhựa lớn nhất Việt Nam năm 2024. Trong đó, đối với ống nhựa hạ tầng - HDPE, Nhựa Đồng Nai hiện đang là doanh nghiệp có thị phần lớn nhất.

Về triển vọng ngành, FPTS dự phóng sản lượng ống nhựa của Việt Nam sẽ tăng trưởng ở mức cao trung bình 10%/năm trong năm 2025 – 2026F và duy trì khả quan ở mức CAGR = 5,7%/năm trong giai đoạn 2026 – 2030F.

Năm 2025, sản lượng tiêu thụ ống nhựa tăng trưởng khả quan khi tăng trưởng ngành xây dựng tăng cao nhất trong nhiều năm, được thúc đẩy bởi nhu cầu phục hồi ở cả mảng xây dựng hạ tầng và xây dựng nhà ở. Đối với xây dựng nhà ở, bộ 03 luật mới bao gồm Luật Đất đai, Luật Nhà ở và Luật kinh doanh Bất động sản đã chính thức có hiệu lực vào đầu tháng 8/2024, tiếp đó nhiều chính sách được ban hành trong năm 2025 nhằm đẩy mạnh tháo gỡ pháp lý cho các dự án xây dựng nhà ở, do đó số căn hộ được cấp phép xây dựng trong năm 2025 tăng mạnh mẽ.

Khung pháp lý bất động sản mới kỳ vọng sẽ tiếp tục đem lại hiệu quả rõ nét hơn trong giai đoạn cuối năm 2025 – 2026, giúp nguồn cung bất động sản hồi phục trên diện rộng, tạo động lực cho thi công xây dựng và nhu cầu tiêu thụ ống nhựa dân dụng. Giải ngân đầu tư công cũng được kỳ vọng đẩy mạnh để hoàn thành kế hoạch và đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế, sẽ tiếp tục là động lực thúc đẩy mảng ống nhựa hạ tầng. BMI dự báo tăng trưởng ngành xây dựng sẽ đạt mức cao nhất vào năm 2026F, đặc biệt với sự cải thiện của mảng xây dựng nhà ở. Trong trung và dài hạn, ngành xây dựng Việt Nam được dự báo tiếp tục tăng nhanh với tốc độ trung bình 6,9%/năm trong giai đoạn 2024 – 2030F, được hỗ trợ bởi các yếu tố bao gồm cơ cấu dân số vàng, tiềm năng đô thị hóa cao.

Định hướng chiến lược

Về ống nhựa và phụ kiện

DNP tiếp tục củng cố vị thế số 1 mảng ống nhựa hạ tầng và theo đuổi mục tiêu 5 năm sau trở thành số 01 MEP Cao tầng dựa trên định hướng chiến lược như sau:

- Tiếp tục tiên phong là nhà cung cấp sản phẩm ống và phụ kiện xanh, thân thiện với môi trường, tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường, thúc đẩy các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn Xanh quốc tế;
- Phát huy lợi thế làm chủ công nghệ sản xuất ống nhựa và phụ kiện chất lượng cao; sở hữu tệp khách hàng chất lượng (cấp thoát nước, công ty BĐS thương mại và KCN), dịch vụ cung ứng 24/07 xuất sắc đã bồi đắp, tiếp tục mở rộng xây dựng thương hiệu tại thị trường miền Bắc và duy trì quan hệ sâu rộng với khách hàng tới 34 tỉnh thành trong cả nước;
- Hợp tác sâu rộng đối với các đối tác quốc tế hàng đầu: hợp tác sản xuất, chuyển giao công nghệ,... là ưu tiên tại Nhựa Đồng Nai nhằm nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới sản phẩm;
- Vững bước phát triển phân khúc ống nhựa và phụ kiện cho toà nhà, khu dân cư, bệnh viện, nghỉ dưỡng gắn liền với xu hướng đô thị hoá; Nâng cao vị thế trên thị trường dự án với năng lực và uy tín đã được khẳng định thông qua triển khai hầu hết các dự án của các chủ đầu tư lớn, điển hình như Masterise, Nam Long, Keppel, Đất Xanh group, CapitaLand... Nhựa Đồng Nai được công nhận là nhà cung cấp dẫn đầu các giải pháp ống và phụ kiện cho công trình cao tầng;
- Phát triển mạnh mẽ hơn nữa các giải pháp phụ kiện thông minh và đa dạng nhằm giúp khách hàng có thể gia tăng hiệu quả thi công cũng như tối ưu hóa không gian cho kiến trúc công trình;
- Phát triển mạnh mẽ thị trường kênh bán lẻ: tiếp nối sự hiện diện trên kênh bán lẻ trong các năm vừa qua, Nhựa Đồng Nai tiếp tục đẩy mạnh phương thức tiếp cận hiện đại thông qua việc đẩy mạnh truyền thông online; triển khai chiến lược Pull Marketing đến với tệp khách hàng thầu thợ, người tiêu dùng, tăng cường sự hiện diện tại điểm bán; phát triển những đối tác nhà phân phối có năng lực tốt;
- Làm chủ công nghệ sản xuất đa dạng hóa các sản phẩm cung ứng cho hệ sinh thái ngành nước như tấm lắng, đan lọc, keo dán ống PVC, hóa chất và các sản phẩm khác thông qua thương mại.

Về vật tư thiết bị cho ngành nước

Trở thành nhà cung cấp Top 1 Việt Nam về giải pháp công nghệ và vật tư thiết bị ngành nước

- Là đơn vị tiên phong nội địa hóa sản xuất các sản phẩm như module xử lý, bể chứa.
- Làm giàu hệ sinh thái các công ty cấp nước truyền thống, mở rộng sang ngành thoát nước, thuỷ lợi, hiện diện và hoạt động trên địa bàn cả nước và từng bước vươn ra khu vực.
- Tăng tốc mạnh mẽ để chuyển đổi DNP Hawaco thành 1 công ty giải pháp, công nghệ, tăng năng lực triển khai, tích hợp giải pháp, công nghệ lõi của ngành nước, từng bước chuyển đổi số và quản trị thông minh..

Chiến lược sản phẩm gia dụng cao cấp

Triển vọng ngành gia dụng

Thị trường đồ gia dụng tại Việt Nam ước tính đạt

12,5-13 tỷ USD

Tốc độ tăng trưởng trung bình

10% /năm

Theo báo cáo của Bộ Công Thương, quy mô thị trường đồ gia dụng tại Việt Nam ước tính đạt khoảng 12,5–13 tỷ USD vào năm 2025, với tốc độ tăng trưởng trung bình trên 10%/năm, cao hơn nhiều so với các thị trường phát triển như Mỹ và châu Âu, cho thấy đây vẫn là một mảnh đất màu mỡ cho doanh nghiệp trong và ngoài nước. Trong cơ cấu tiêu dùng, ngành hàng gia dụng chiếm khoảng 9% tổng chi tiêu cá nhân của người Việt, đứng thứ tư trong 11 nhóm ngành hàng chính về quy mô tiêu dùng — phản ánh tiềm năng lớn của ngành khi thu nhập người dân tiếp tục tăng và nhu cầu tiêu dùng về sản phẩm chất lượng, đa dạng mẫu mã ngày càng được chú trọng.

Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường gia dụng còn được thúc đẩy bởi cơ cấu dân số vàng, khi nhóm người trong độ tuổi lao động (15–64 tuổi) chiếm tỷ lệ lớn trong tổng dân số, dẫn đến nhu cầu sử dụng các sản phẩm gia dụng ngày càng lớn. Bên cạnh đó, GDP bình quân đầu người của Việt Nam tiếp tục tăng, hỗ trợ tăng trưởng tiêu dùng.

Quốc hội Việt Nam đã thông qua mục tiêu tăng trưởng kinh tế cho năm 2025 ở mức ‘ít nhất 8%’, với kỳ vọng tăng trưởng hai con số cho giai đoạn 2026–2030. Đây là mục tiêu được nhiều tổ chức quốc tế và ngân hàng nước ngoài đánh giá là khả thi, khi Việt Nam ghi nhận tăng trưởng GDP mạnh mẽ trên 8% trong năm 2025 — một trong những mức cao nhất trong nhiều thập kỷ gần đây. Với kịch bản tăng trưởng này, GDP bình quân đầu người được kỳ vọng tăng đáng kể vào các năm tiếp theo, tạo tiền đề cho sự mở rộng thị trường tiêu dùng và gia dụng trong nước.

Nắm bắt xu hướng phát triển này, Tân Phú Việt Nam đã khẳng định vai trò tiên phong trong lĩnh vực gia dụng cao cấp với thương hiệu INOCHI. Từ khi ra mắt năm 2018, INOCHI đã phát triển mạnh mẽ với danh mục sản phẩm đa dạng, đạt gần 1.000 SKU vào tháng 12/2025, bao gồm nhiều dòng sản phẩm tiện ích với chất liệu phong phú như nhựa, gốm sứ, thủy tinh, silicon, inox và đồ điện gia dụng nhỏ, các SP làm đẹp. Song song với việc không ngừng mở rộng danh mục sản phẩm, doanh nghiệp cũng chú trọng tham gia sâu vào các kênh phân phối, đảm bảo sản phẩm tiếp cận rộng rãi người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường gia dụng.



Định hướng chiến lược

Mục tiêu doanh thu 2030

2.500 tỷ đồng

Tốc độ tăng trưởng trung bình

30% /năm

Với vị thế là thương hiệu gia dụng cao cấp, đạt danh hiệu Thương hiệu Quốc gia và mở rộng xuất khẩu đến 20 quốc gia, INOCHI sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ và hướng tới mục tiêu trở thành thương hiệu gia dụng được ưa chuộng nhất tại Đông Nam Á.

- INOCHI hướng đến trở thành thương hiệu gia dụng cao cấp, được yêu thích nhất tại Đông Nam Á và nằm trong top 2 thương hiệu gia dụng được ưa chuộng tại Việt Nam. Danh mục sản phẩm sẽ tiếp tục mở rộng với đa dạng chất liệu như nhựa, gốm sứ, thủy tinh, kim loại và đồ điện tử nhỏ. Mục tiêu doanh thu đạt khoảng **2.500 tỷ đồng** vào năm 2029, với tốc độ tăng trưởng bình quân **30%/năm**. Trong 5 năm tới, INOCHI sẽ tập trung mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm gia tăng quy mô doanh thu và nâng cao hiệu quả hoạt động.
- **AOI – Thương hiệu Mẹ & Bé** ra mắt năm 2023, sẽ được phát triển mạnh mẽ thông qua chiến lược mở rộng độ phủ tại hệ thống phân phối Mẹ & Bé trong nước, tạo nền tảng vững chắc để vươn ra thị trường quốc tế trong những năm tiếp theo. Với đặc thù ngành hàng và biên lợi nhuận cao, AOI không chỉ mở rộng phân khúc sản phẩm mà còn đóng góp tích cực vào hiệu quả kinh doanh của Tân Phú Việt Nam.



Năm 2025 Inochi ưu tiên chiến lược cho việc tăng trưởng hiệu quả ổn định, xây dựng các chiến lược dài hạn nhằm thúc đẩy tăng trưởng cho giai đoạn 2026-2030.

Năm 2025 cũng đánh dấu cột mốc quan trọng khi Inochi lần thứ hai liên tiếp được vinh danh là Thương hiệu Quốc gia, minh chứng cho những nỗ lực không ngừng nghỉ của toàn thể cán bộ, công nhân viên Tân Phú. Với định hướng phát triển bền vững, Inochi tiếp tục chú trọng nghiên cứu và ứng dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, tạo ra các sản phẩm có giá trị cao cho xã hội.

Kênh phân phối siêu thị (MT) tiếp tục là trụ cột trong chiến lược phát triển dài hạn của Inochi, giúp mở rộng quy mô và nâng cao vị thế toàn ngành. Mục tiêu của Inochi là giữ vững vị trí dẫn đầu trong ngành hàng gia dụng tại hệ thống siêu thị kênh MT tại Việt Nam. Bên cạnh đó, kênh dự án (quà tặng doanh nghiệp) cũng phát triển mạnh mẽ, tiếp tục chứng tỏ sức hút của Thương hiệu Quốc gia thông qua hợp tác với các doanh nghiệp lớn như Vinamilk, TH Truemilk, FPT Long Châu, Nutifood,...

Giữ vững vị thế Thương hiệu Quốc gia, Inochi đặt ra tầm nhìn chiến lược trở thành lựa chọn số 1 của khách hàng trong lĩnh vực gia dụng cao cấp, không chỉ trong nước mà còn vươn tầm quốc tế. Hướng đến mục tiêu mở rộng quy mô, gia tăng hiệu quả, Inochi cam kết theo đuổi chiến lược bền vững, đồng thời triển khai những chương trình hành động cụ thể, quyết liệt nhằm nâng tầm thương hiệu Việt trên thị trường toàn cầu.



Chiến lược ngành bao bì

Triển vọng ngành bao bì

Sản lượng bao bì nhựa vào năm 2028 ước tính đạt

15,09 triệu tấn

Với tốc độ tăng trưởng hàng năm (CAGR) đạt

8,44 %

Thị trường bao bì của Việt Nam đang chứng kiến sự mở rộng nhanh chóng, được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng tăng ở nhiều lĩnh vực khác nhau, như thực phẩm, chăm sóc sức khỏe, hóa chất, công nghiệp và nông nghiệp. Các yếu tố tạo động lực cho sự tăng trưởng của thị trường bao bì bao gồm: tăng trưởng GDP, tiêu dùng nội địa phục hồi, thương mại điện tử phát triển mạnh, sự tiến bộ của công nghệ. Những yếu tố này tạo đà mạnh mẽ cho ngành bao bì, đặc biệt là bao bì cho ngành thực phẩm và đồ uống. Các doanh nghiệp trong và ngoài nước đều đang đầu tư mạnh vào lĩnh vực này, thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh và đa dạng về chất lượng và giá cả sản phẩm.

Phân khúc bao bì nhựa dự báo sẽ duy trì ưu thế trên thị trường với sản lượng ước tính đạt 15,09 triệu tấn vào năm 2028, với tốc độ tăng trưởng hàng năm (CAGR) đạt 8,44% trong giai đoạn 2023-2028.

Về nhu cầu bao bì mềm, sự gia tăng dân số và mở rộng tầng lớp trung lưu đang thúc đẩy nhu cầu về bao bì mềm. Dự kiến, dân số toàn cầu sẽ đạt 9,2 tỷ người vào năm 2040, với phần lớn sự tăng trưởng diễn ra ở các nước đang phát triển, đặc biệt là khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Tuy có những thách thức như cạnh tranh gia tăng và chi phí đầu vào, ngành công nghiệp đang thích ứng thông qua các sáng kiến đổi mới và phát triển bền vững. Với các điều kiện thuận lợi như phát triển kinh tế, nhu cầu tiêu dùng tăng cao và các hiệp định thương mại có lợi, ngành bao bì của Việt Nam sẵn sàng cho sự tăng trưởng liên tục và mang đến nhiều cơ hội đầu tư và phát triển.

Định hướng chiến lược

Duy trì Mảng bao bì cứng và bao bì mềm phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả, tăng trưởng cơ hữu 5-10%/năm.

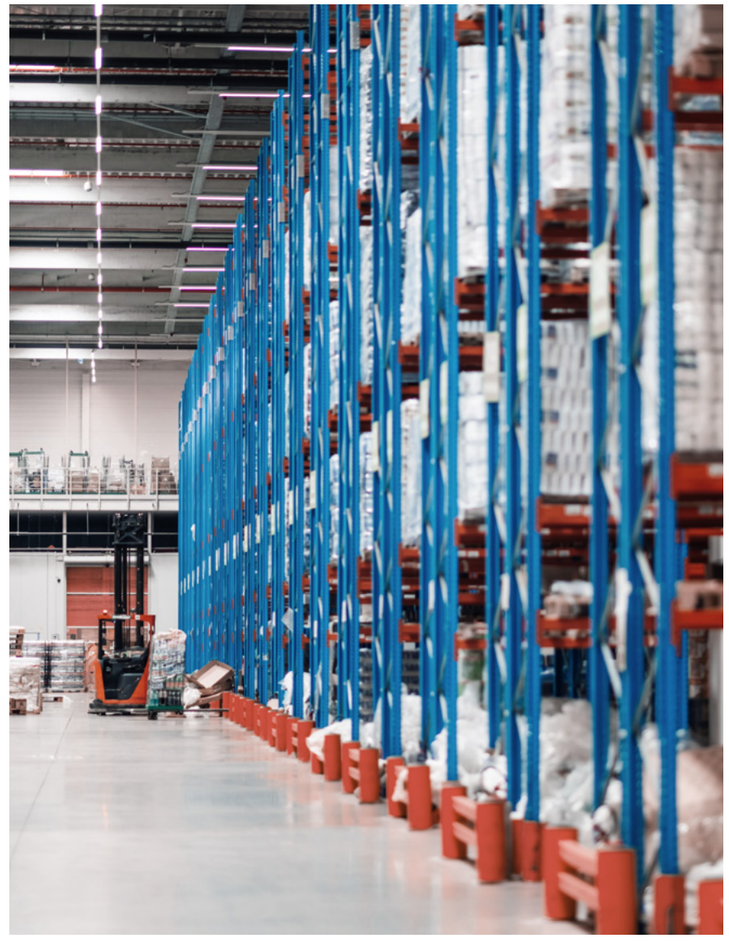

Duy trì sản lượng cao mảng bao bì mềm xuất khẩu truyền thống trên

2.000 tấn/tháng

Bao bì mềm

- Duy trì sản lượng cao mảng bao bì mềm xuất khẩu truyền thống trên 2.000 tấn/tháng.
- Nâng cấp và chuyển đổi cơ cấu sản phẩm lên chuỗi giá trị gia tăng cao hơn thông qua đầu tư mở rộng nhà máy túi thực phẩm zipper, slider và màng bọc thực phẩm.
- Chiếm lĩnh số 1 thị trường bao bì mềm tại các kênh siêu thị.

Bao bì cứng

Công ty định hướng khai thác tối ưu công suất sản xuất hiện hữu, tận dụng được tăng trưởng cơ học của ngành, chuyển dịch cơ cấu khách hàng và sản phẩm theo hướng gia tăng giá trị, tập trung vào các tệp khách hàng lớn và các ngành hàng có hiệu quả cao như thực phẩm đồ uống, nông dược và hóa chất ...

Chiến lược ngành vật liệu xây dựng

Triển vọng ngành Vật liệu Xây dựng

Trong giai đoạn 2020–2025, ngành gốm sứ xây dựng Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức do tác động kéo dài của đại dịch Covid-19, biến động địa chính trị toàn cầu và sự suy giảm của thị trường bất động sản trong nước. Đồng thời, chi phí đầu vào gia tăng, đặc biệt là năng lượng, nhiên liệu và nguyên vật liệu, cùng với tình trạng khan hiếm nguồn nguyên liệu, đã tạo áp lực đáng kể lên hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành.

Mặc dù một số doanh nghiệp tiếp tục đầu tư mở rộng các dây chuyền sản xuất gạch kích thước lớn và gạch tấm lớn, nâng tổng công suất gạch ốp lát toàn ngành lên gần 900 triệu m²/năm vào cuối năm 2025 (tăng 14,7% so với năm 2020), mức độ khai thác công suất thực tế chỉ đạt khoảng 60–75%. Sản lượng tiêu thụ nội địa duy trì ở mức 65–70% sản lượng sản xuất, trong khi xuất khẩu chiếm khoảng 12–13%, tương đương giá trị khoảng 500 triệu USD mỗi năm.

Dù đối mặt với nhiều khó khăn, ngành gốm sứ xây dựng vẫn duy trì vai trò quan trọng, đóng góp khoảng 3,5 tỷ USD doanh thu hàng năm và giữ vị trí dẫn đầu khu vực ASEAN, đồng thời nằm trong nhóm 10 quốc gia có ngành gốm sứ xây dựng phát triển hàng đầu thế giới.

Theo Mordor Intelligence, quy mô thị trường gạch ceramic Việt Nam đạt khoảng 5,92 tỷ USD năm 2025, dự kiến tăng lên 6,3 tỷ USD năm 2026 và đạt 8,58 tỷ USD vào năm 2031, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) khoảng 6,39% trong giai đoạn 2026–2031. Các động lực tăng trưởng chính đến từ đô thị hóa và nhu cầu nhà ở gia tăng, đầu tư công và phát triển hạ tầng, tăng trưởng thu nhập và xu hướng tiêu dùng cao cấp, phát triển bất động sản thương mại.

Hoạt động xây dựng tăng trưởng khoảng 7% mỗi năm trong giai đoạn 2024–2027, khi Chính phủ phân bổ 30 tỷ USD cho các chương trình đầu tư công, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho nhu cầu gạch ốp lát mới. Tăng trưởng GDP ổn định ở mức 6–6,5% trong năm 2024 cùng với sự mở rộng của lĩnh vực sản xuất ở mức 8–9% đã thúc đẩy thu nhập hộ gia đình, tạo điều kiện cho việc sử dụng rộng rãi hơn các dòng gạch porcelain và gạch phủ men có giá trị cao.

Quy mô thị trường gạch ceramic Việt Nam dự kiến năm 2031 đạt

8,58 tỷ USD

Với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) khoảng

6,39 %



Phân khúc nhà ở tiếp tục là nguồn tiêu thụ lớn nhất, nhờ quá trình đô thị hóa nhanh chóng làm gia tăng số lượng dự án nhà ở mới. Tuy nhiên, các công trình khách sạn, trung tâm bán lẻ và hạ tầng giao thông đang nổi lên là phân khúc tăng trưởng nhanh nhất đối với các dòng gạch tấm khổ lớn và sản phẩm cao cấp.

Cấu trúc cạnh tranh phân mảnh, cùng với mạng lưới xuất khẩu rộng và sự gia tăng của kênh bán hàng trực tuyến, đang tạo ra nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư muốn mở rộng quy mô và tham gia sâu hơn vào thị trường gạch ceramic Việt Nam.



Định hướng chiến lược

CMC hướng tới trở thành thương hiệu gạch, ngói được ưa chuộng hàng đầu tại Việt Nam, tiên phong cung cấp các sản phẩm đa dạng, sáng tạo, với chất lượng ổn định, phù hợp nhu cầu và xu hướng sử dụng của khách hàng.

Bước sang năm 2026, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu tác động từ những khó khăn kéo dài của giai đoạn trước, song đồng thời cũng mở ra nhiều dư địa cho quá trình phục hồi và tăng trưởng. Trong bối cảnh đó, CMC kiên định theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, chủ động thích ứng linh hoạt với biến động thị trường, tiếp tục tập trung triển khai ba mũi nhọn chiến lược nhằm củng cố năng lực cạnh tranh và nâng cao vị thế trong ngành:

- **Gia tăng năng lực sản xuất và hiệu quả vận hành:** CMC tiếp tục đầu tư mạnh vào cải tiến công nghệ và tự động hóa, hợp tác với các đối tác quốc tế để nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu hóa chi phí sản xuất. Quản trị sản xuất tinh gọn, kết hợp với chiến lược R&D đột phá, giúp tối ưu lợi nhuận gộp và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.
- **Đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu và mở rộng thị trường:** Công ty thực hiện tái cấu trúc danh mục sản phẩm để tối ưu biên lợi nhuận, đồng thời đẩy mạnh kênh bán hàng dự án và thương mại. Việc mở rộng xuất khẩu tiếp tục được thúc đẩy, hướng đến các thị trường trọng điểm như Lào, Philippines, Hàn Quốc, Đài Loan và thử nghiệm ở một số thị trường tiềm năng khác trong khu vực.
- **Tối ưu hóa sức mạnh nội bộ, xây dựng nền tảng phát triển bền vững:** CMC chú trọng vào văn hóa doanh nghiệp dựa trên sự đổi mới, minh bạch và hiệu quả. Công tác tổ chức nhân sự tiếp tục tinh gọn, nâng cao tính chuyên nghiệp và trách nhiệm. Mô hình quản trị được cải tiến nhằm tăng cường tính chủ động, tạo động lực phát triển cho toàn hệ thống.

Bằng việc triển khai đồng bộ các chiến lược trên, CMC đặt mục tiêu không chỉ duy trì sự ổn định mà còn tạo đà tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2026, khẳng định vị thế tiên phong trong ngành vật liệu xây dựng.

Các Yếu Tố Rủi Ro

Rủi ro chính sách

Hoạt động của công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật đầu tư... và các Nghị định và các Thông tư hướng dẫn liên quan. Bên cạnh đó, công ty còn chịu sự kiểm soát chặt chẽ bởi các văn bản pháp luật liên quan đến ngành khai thác, xử lý và cung cấp nước, tiêu biểu như:

- Vấn đề khai thác nguồn nước, xả thải nước vào các nguồn nước đều được điều tiết chung bởi Luật Tài nguyên nước, Luật Thủy lợi, Luật Bảo vệ Môi trường...
- Công tác đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát, chất lượng nước được điều tiết bởi Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước...
- Công tác sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được điều tiết bởi Nghị định 124/2011/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP). Dù Nghị định 117/2007/NĐ-CP vẫn là khung điều tiết cốt lõi, việc tính toán và phê duyệt phương án giá nước hiện nay đã được chuẩn hóa theo Thông tư 44/2021/TT-BTC.

Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng đang hoàn thiện dự thảo Luật Cấp, Thoát nước để trình Quốc hội thông qua trong giai đoạn 2025-2026, nhằm nâng cao hành lang pháp lý từ cấp Nghị định lên cấp Luật, tạo cơ chế phát triển bền vững cho ngành. Trong công tác quản lý vận hành, các đơn vị thành viên đã nghiêm túc thực hiện quy chuẩn chất lượng nước theo QCVN 01-1:2018/BYT, đảm bảo tính an toàn và minh bạch thông qua hệ thống tự động hóa.

Hướng tới phát triển bền vững ngành Nước, thời gian tới, các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về cấp, thoát nước; ban hành cơ chế chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống cấp thoát nước, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các bộ ngành, cơ quan, hội nghề nghiệp liên quan nghiên cứu xây dựng Luật Cấp thoát nước, trình Quốc hội thông qua trước năm 2025.

Vì vậy, Công ty cần liên tục cập nhật những thông tin mới để tránh gây ra những tổn thất không đáng có cho doanh nghiệp, cũng như cải thiện môi trường pháp lý cho các hoạt động của doanh nghiệp.

Rủi ro pháp lý

Với hoạt động ở nhiều mảng kinh doanh trong nhiều lĩnh vực, ngoài hệ thống Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định liên quan, hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật, quy định và chính sách về xây dựng, bất động sản, quản lý ngành nước sạch... Một số văn bản pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty có thể kể đến Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021 - 2025, Nghị định 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, Chỉ thị 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục...

Để quản lý rủi ro về mặt pháp lý, bộ phận Pháp chế và các đơn vị chuyên môn tham mưu, tư vấn cho HĐQT và Ban điều hành về những vấn đề liên quan đến luật pháp, thường xuyên theo dõi, cập nhật các thay đổi trong các văn bản pháp luật và các ảnh hưởng nếu có đến hoạt động kinh doanh của công ty, rà soát các văn bản liên quan đến chính sách, định hướng phát triển của công ty để đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ quy định pháp luật.



Rủi ro về môi trường

Cùng với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội thì tình trạng ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt tài nguyên môi trường cũng diễn ra phức tạp, có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển bền vững của ngành nước. Hiện nay, nguồn nước sạch đã bị ô nhiễm, chủ yếu là ô nhiễm nước thải sinh hoạt.

Việc thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình còn hạn chế. Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, tỷ lệ thu gom xử lý nước thải sinh hoạt đô thị vẫn còn ở mức thấp, mới chỉ đạt khoảng 15%, còn lại hầu hết nước thải từ các hộ dân đều xả trực tiếp vào hệ thống cống, rãnh, sông ngòi.

Tại các KCN, cụm KCN việc đầu tư và áp dụng công nghệ xử lý nước thải chưa đáp ứng yêu cầu, Nhiều KCN, cụm KCN không có hệ thống xử lý nước thải tập trung, hoặc một số cơ sở sản xuất có xử lý nước thải nhưng không đạt quy chuẩn cho phép. Ngoài ra, còn một lượng lớn nước thải công nghiệp từ các làng nghề tiểu thủ công nghiệp, từ các hộ sản xuất công nghiệp vừa và nhỏ gần như không được xử lý trước khi xả vào các nguồn nước tiếp nhận.

Để giải quyết tình trạng này cần có giải pháp tổng thể cấp bách và lâu dài. Trước tiên phải thực hiện giải pháp song song là cải thiện chất lượng các nguồn nước cấp qua việc đầu tư các công trình thu gom, xử lý nước thải, rác thải và cơ chế đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hiệu quả các công trình cấp nước tập trung.

Để bảo đảm cho người dân được sử dụng nước đạt quy chuẩn của Bộ Y tế thì việc bảo vệ các nguồn cấp nước, bao gồm cả nước mặt và nước dưới đất, cũng vô cùng cần thiết. Công ty và các đơn vị thành viên trong mảng cấp thoát nước thường xuyên phối hợp với các cơ quan ban ngành phụ trách kiểm tra nguồn nước đầu vào, báo cáo nếu có hiện tượng bất thường và đưa ra biện pháp giải quyết khẩn cấp, tránh để xảy ra các rủi ro, cũng như thường xuyên tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, tránh xả rác thải xuống nguồn nước cấp.

Bên cạnh đó, công ty cũng kiểm tra chất lượng nước đầu vào thường xuyên để đánh giá chất lượng nguồn nước đầu vào một cách toàn diện và đưa ra giải pháp xử lý nước phù hợp. Tất cả những biện pháp trên nhằm đảm bảo an ninh, an toàn nguồn nước, và cung cấp nước sạch đạt tiêu chuẩn đến người tiêu dùng cuối cùng.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh đa ngành, DNP Holding có nguy cơ bị ảnh hưởng từ biến động giá nguyên vật liệu đầu vào. Sự thay đổi này ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất, biên lợi nhuận và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Với Nhựa Đồng Nai và Tân Phú Việt Nam, hạt nhựa – chiếm tỷ trọng khá cao trong giá vốn – chủ yếu được nhập khẩu và chịu ảnh hưởng từ giá dầu thô, khí đốt. Để kiểm soát rủi ro, công ty đa dạng hóa nhà cung cấp, theo dõi sát biến động giá, sử dụng các biện pháp quản trị rủi ro, tối ưu quy trình sản xuất và áp dụng công nghệ để giảm hao hụt.

Trong ngành nước, giá hóa chất xử lý, nhân công và điện tăng cao trong khi giá nước sạch bị điều tiết bởi Nhà nước, nên DNP Water luôn có các giải pháp kiểm soát chặt chẽ giá vốn. Doanh nghiệp đã cải tiến công nghệ, chuyển đổi số và tối ưu hóa sử dụng điện nhằm giảm chi phí. Với vật liệu xây dựng, chi phí sản xuất có nguy cơ leo thang do giá than và điện tăng mạnh, gây áp lực lớn lên CMC. Để ứng phó, công ty đầu tư cải tiến công nghệ, tự động hóa sản xuất, hợp tác với đối tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng và tối ưu chi phí. Kết hợp quản trị sản xuất tinh gọn với chiến lược R&D đột phá giúp nâng cao lợi nhuận và năng lực cạnh tranh.

Công ty đầu tư cải tiến công nghệ, tự động hóa sản xuất, hợp tác với đối tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng và tối ưu chi phí.



Chương 03

Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc

56 Tổng quan kinh tế vĩ mô 2025 và dự báo 2026

58 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

64 Tình hình tài chính

66 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026

03



Tổng Quan Kinh Tế Vĩ Mô 2025 Và Dự Báo 2026

Thế giới

Kinh tế thế giới tăng trưởng toàn cầu 2025

3,2%

Tăng trưởng toàn cầu dự báo 2026

2,9%

Lạm phát 2025

4,2%

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), kinh tế thế giới đạt mức tăng trưởng toàn cầu ước đạt 3,2% trong năm 2025, hỗ trợ bởi sự bùng nổ thương mại đón đầu các thay đổi chính sách và quá trình điều chỉnh nhanh chóng của chuỗi cung ứng toàn cầu, cũng như làn sóng đầu tư gia tăng do nhu cầu về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ mới. Lạm phát toàn cầu giảm trên diện rộng, ước đạt 4,2% (theo IMF), dẫn đầu bởi các nước phát triển ở Châu Á.

Năm 2026, theo dự báo của OECD, tăng trưởng toàn cầu năm 2026 dự kiến đạt 2,9%. Tuy nhiên, động lực tăng trưởng và rủi ro đang có sự phân hóa rõ rệt giữa các khu vực và nền kinh tế lớn. Đặc biệt, căng thẳng địa chính trị leo thang sau các cuộc tấn công của Mỹ và Israel vào Iran từ cuối tháng 02/2026 đã làm thay đổi đáng kể cục diện thế giới, buộc các tổ chức quốc tế phải điều chỉnh giảm kịch bản dự báo tăng trưởng toàn cầu.

Việt Nam

GDP Việt Nam 2025

↑ 8,02%

GDP Việt Nam năm 2025

514 tỷ USD

GDP bình quân đầu người năm 2025

5.026 USD

Theo Tổng cục thống kê, kinh tế Việt Nam ghi nhận tăng trưởng GDP ở mức tốt khi đạt 8,02% tương đương với quy mô GDP ước đạt 514 tỷ USD. Lạm phát được kiểm soát ở mức 3,31%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra, giúp ổn định tình hình kinh tế vĩ mô. Xuất khẩu vẫn là một trong những động lực chính của nền kinh tế, xuất siêu tăng trưởng 16,9% so với 2024, đạt 21,2 tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tổng vốn giải ngân đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9% so với năm trước, khẳng định niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Dù trải qua nhiều biến động, nhưng PMI khép lại năm 2025 đạt 53 điểm, cho thấy hoạt động sản xuất tiếp tục mở rộng và duy trì đà phục hồi tích cực.



Tăng trưởng GDP & CPI giai đoạn 2021-2025

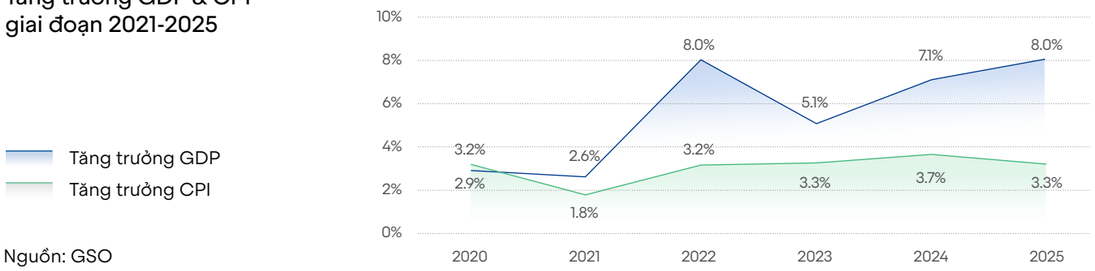

Nguồn: GSO

Quy mô xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 2021-2025

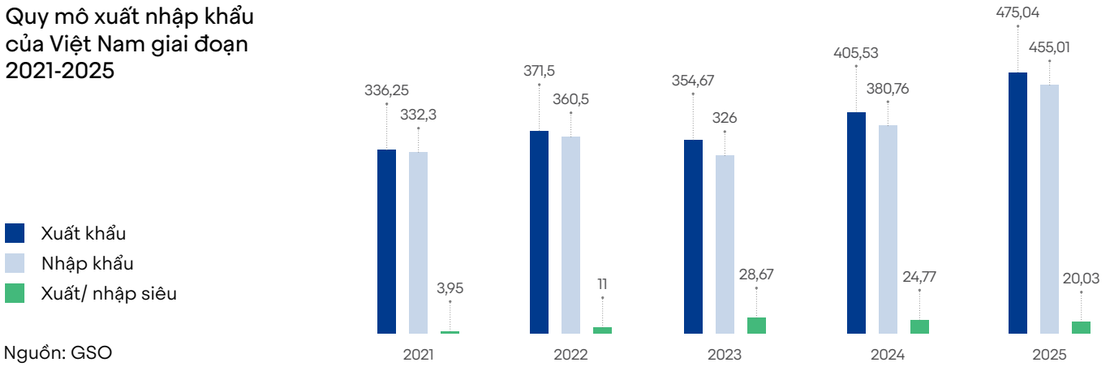

Nguồn: GSO

Việt Nam là nền kinh tế có độ mở cao, khiến các diễn biến quốc tế có tác động lan tỏa nhanh chóng đến vĩ mô trong nước. Điển hình là áp lực từ thị trường năng lượng do biến động địa chính trị tại Trung Đông liên quan đến xung đột Mỹ - Iran từ cuối tháng 2/2026. Việc đóng cửa eo biển Hormuz sau đó đã gây ra sự gián đoạn nguồn cung lớn nhất lịch sử theo đánh giá của IEA. Thực tế, giá dầu Brent ghi nhận biến động mạnh khi tăng từ 72 USD/thùng lên ngưỡng 120 USD/thùng trong tháng 3 và duy trì quanh mức 110 USD/thùng vào đầu tháng 4/2026. Dù tạo áp lực lên chi phí và logistics, bối cảnh này đồng thời thúc đẩy các doanh nghiệp phải chủ động thích ứng linh hoạt trước những biến số kinh tế toàn cầu.

Đối với Việt Nam, dựa trên các mục tiêu kinh tế – xã hội được Quốc hội thông qua tháng 11/2025, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP tối thiểu 10% cho năm 2026, với thu nhập bình quân đầu người hướng tới ngưỡng 5.400–5.500 USD. Quý I/2026, GDP ước tăng 7,83% — kết quả tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn. Tuy nhiên, Cục Thống kê lưu ý rằng để đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số cả năm, GDP các quý còn lại phải duy trì trên 10,5% — một thách thức đáng kể, đặc biệt khi xung đột Trung Đông đang tạo áp lực lan tỏa lên giá năng lượng, thương mại và dòng vốn quốc tế.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, tăng trưởng cần được dẫn dắt bởi bốn động lực đồng bộ. i) Đầu tư công đóng vai trò then chốt, tập trung vào các siêu dự án hạ tầng chiến lược — đường vành đai, năng lượng, logistics - với tỷ lệ đầu tư toàn xã hội kỳ vọng nâng lên vùng 34–36% GDP, tạo lực kéo cho đầu tư tư nhân quy mô lớn. ii) Tiêu dùng nội địa được hỗ trợ qua chính sách tài khóa và tiền tệ linh hoạt trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát. iii) Xuất khẩu và FDI chất lượng cao tiếp tục là động lực ngoại sinh quan trọng, khi Việt Nam chuyển trọng tâm từ thu hút vốn theo số lượng sang ưu tiên các dự án gắn với công nghệ, đổi mới sáng tạo và liên kết chuỗi giá trị trong nước. iv) Chuyển đổi số và AI là động lực mới, góp phần nâng cao năng suất lao động và khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do đang có hiệu lực.

Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh 2025

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng thấp, bất định cao và xu hướng phân hóa ngày càng rõ giữa các khu vực, các nền kinh tế và các chuỗi cung ứng, Việt Nam tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực trong năm 2025 và duy trì vai trò là một điểm sáng tăng trưởng trong khu vực. Những kết quả tích cực cho thấy nền kinh tế tiếp tục duy trì được ổn định vĩ mô, sức hấp dẫn đầu tư và đà phục hồi của sản xuất, xuất khẩu và dịch vụ. Tuy nhiên, với độ mở lớn của nền kinh tế, Việt Nam vẫn chịu tác động đáng kể từ biến động thương mại toàn cầu, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng, áp lực tỷ giá và thay đổi chính sách của các thị trường lớn, qua đó đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh và sức chống chịu của doanh nghiệp trong giai đoạn tới.

Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Hợp Nhất 2025

Lợi nhuận trước thuế

365 tỷ đồng

↑ **59,3%** so với năm 2024

Năm 2025, DNP Holding duy trì đà tăng trưởng ổn định với doanh thu thuần hợp nhất đạt 9.504 tỷ đồng, tăng 6,8% so với năm 2024 và hoàn thành 98,3% kế hoạch, nhờ đóng góp từ các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi. Trong đó, doanh thu nước sạch và môi trường tăng trưởng 6,5% nhờ mở rộng khách hàng, gia tăng sản lượng tiêu thụ. Doanh thu Ống và phụ kiện bứt phá tăng 57,2%, trong khi vật tư thiết bị ngành nước tăng 18%, vật liệu xây dựng tăng 23,5%, tiếp tục củng cố vị thế trên thị trường. Bên cạnh đó, mảng gia dụng cao cấp Inochi và bao bì ghi nhận tăng trưởng tích cực nhờ mở rộng độ phủ đa kênh và đẩy mạnh xuất khẩu tới hơn 20 quốc gia, đồng thời thâm nhập các hệ thống siêu thị mới tại châu Âu và Mỹ.

Về lợi nhuận, Công ty đạt **365 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế**, tăng **59,3%** so với năm 2024, vượt 194,1% kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt **249 tỷ đồng**, tăng trưởng **29,9%**, phản ánh hiệu quả hoạt động nhờ chiến lược linh hoạt trong phát triển thị trường trọng điểm, mở rộng xuất khẩu, tinh gọn các khoản đầu tư và tối ưu trong quản lý chi phí của Công ty trong năm qua.

Nếu loại trừ ảnh hưởng của bút toán phân bổ lợi thế thương mại và giá trị tài sản tăng lên sau M&A, lợi nhuận trước thuế trên báo cáo hợp nhất đạt 530 tỷ đồng, tăng 27,1%.

Những kết quả đạt được trong năm qua là minh chứng cho sự đoàn kết, quyết tâm và khả năng thích ứng mạnh mẽ của toàn hệ thống. Bước sang 2026, DNP Holding sẽ tiếp tục phát huy tinh thần tốc độ, quyết liệt, tận dụng tối đa cơ hội để duy trì đà tăng trưởng, nâng cao vị thế trên thị trường.

Kết Quả Kinh Doanh Theo Mảng Cốt Lõi

Trước những thách thức này, DNP Holding cùng các đơn vị thành viên đã linh hoạt thích ứng, không ngừng đổi mới để tận dụng cơ hội phát triển. Chúng tôi tích cực mở rộng thị trường, khai thác cơ hội kinh doanh mới trong và ngoài nước, đồng thời tập trung tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, tinh gọn bộ máy vận hành nhằm tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững.

Bước sang 2026, DNP Holding sẽ tiếp tục phát huy tinh thần tốc độ, quyết liệt, tận dụng tối đa cơ hội để duy trì đà tăng trưởng, nâng cao vị thế trên thị trường.



DNP Water

Doanh thu lũy kế đạt

1.478 tỷ đồng

↑ 6,5%

Năm 2025, DNPW ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực, với doanh thu lũy kế đạt 1.478 tỷ đồng, tăng 6,5% và hoàn thành kế hoạch năm, chủ yếu nhờ tăng sản lượng tiêu thụ và giá bán bình quân.

Trong năm, DNPW tiếp tục nâng cao hiệu quả vận hành gắn với mở rộng quy mô khách hàng. Công ty cơ bản hoàn thành kế hoạch phát triển khách hàng mới với hơn 21.000 khách hàng, tăng 16% so với cùng kỳ. Tỷ lệ thất thoát nước (NRW) được kiểm soát ở mức 10,77%, giảm nhẹ so với năm trước, cho thấy hiệu quả cải thiện trong quản lý vận hành, đây cũng là mức hiệu quả tốt hơn so với trung bình ngành.

Hiệu quả quản lý mạng lưới được cải thiện thông qua việc đẩy mạnh phân vùng tách mạng và ứng dụng tự động hóa vận hành tại nhiều đơn vị, góp phần nâng cao độ ổn định và giảm thất thoát.

Song song, DNPW thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, mở rộng từ các hoạt động dịch vụ khách hàng, vận hành và quản lý tài sản sang quản trị công việc, ngân sách, dự án và nhân sự, từng bước nâng cao hiệu quả quản trị.

Công ty cũng đã hoàn tất tái cấu trúc mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, áp dụng mô hình hai cấp, xây dựng khung chức danh chuẩn hóa và triển khai giá trị cốt lõi 3T trên toàn hệ thống, tạo nền tảng cho quản trị đồng bộ và phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Năm 2025, công ty đã hoàn thành nhiều dự án quan trọng, tạo dấu ấn trong việc mở rộng và nâng cao năng lực cung cấp nước sạch, bao gồm:

Dự án Nước thô Vùng 1: Ngày 24/10/2025, DNPW đã khởi công dự án nước liên vùng Đồng Tháp, Tây Ninh, Vĩnh Long với tổng mức đầu tư 1.820 tỷ đồng; công suất GĐ1 300.000 m^3/ngày đêm, dự kiến vận hành Quý IV/2026. Giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000 m^3/ngày đêm nhằm giải quyết bài toán xâm nhập mặn và an ninh nguồn nước tại Đồng bằng Sông Cửu Long.

Bên cạnh đó, công ty tiếp tục chuẩn bị triển khai hàng loạt dự án chiến lược nhằm mở rộng quy mô cung cấp nước sạch, tiêu biểu là nhà máy nước Trảng Bàng (Tây Ninh) – Đã khởi công xây dựng cuối năm 2025, dự kiến hoàn thành giữa năm 2026.

Ngoài ra, không thể không nhắc đến, trong năm 2025, DNP Energy (DNPE) đã làm chủ chuỗi giá trị từ thiết kế đến vận hành thực nghiệm hệ thống PV (Điện mặt trời áp mái) kết hợp BESS (Pin lưu trữ điện). Các dự án tại nhà máy nước Sơn Thạnh, Đồng Tâm đạt kết quả tích cực: sản lượng điện từ nắng bám sát dự báo và hệ thống pin lưu trữ giúp tối ưu hóa việc nạp - xả điện để dùng vào giờ cao điểm giá cao. Thông qua hợp tác chiến lược với các đối tác hàng đầu trong lĩnh vực hạ tầng và đối tác chuyên ngành, DNPE đã chuẩn hóa quy trình giám sát và vận hành tập trung, khẳng định năng lực triển khai mô hình đa dạng từ nhà máy đến trạm hạ thế. Năm 2025, nhờ sử dụng năng lượng mới, các cơ sở sản xuất, kinh doanh tiết giảm bình quân 35-45% chi phí điện.

Việc hoàn thành các dự án này không chỉ mở rộng phạm vi phục vụ mà còn khẳng định cam kết của công ty trong việc đáp ứng nhu cầu nước sạch, nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển bền vững.



Nhựa Đồng Nai

Năm 2025, hoạt động kinh doanh của Nhựa Đồng Nai tiếp tục duy trì sự ổn định và tăng trưởng tốt. Cụ thể, mảng Ống nhựa và Phụ kiện ghi nhận doanh thu thuần đạt 3.635 tỷ đồng, tăng 3,8% so với năm 2024 và vượt kế hoạch đề ra (đạt 100,5%). Chi tiết các mảng kinh doanh như sau:



01 **Mảng Vật tư thiết bị ngành nước**

Doanh thu thuần đạt 948 tỷ đồng, tăng 18,2% so với năm 2024, tạo tiền đề vững chắc để duy trì vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực cấp thoát nước vào năm 2026.

02 **Mảng Ống và phụ kiện**

Khẳng định vững chắc thị phần số 1 trong lĩnh vực ống nhựa hạ tầng với sản lượng đạt 40.425 tấn. Doanh thu ghi nhận 2.377 tỷ đồng, bứt phá mạnh mẽ 57,2% so với năm 2024.

Sản phẩm của công ty đã góp mặt tại hơn

1.000

công trình cấp thoát nước, thủy lợi, dự án môi trường và nông nghiệp

Định vị là doanh nghiệp trọng điểm phục vụ hạ tầng quốc gia, Nhựa Đồng Nai tiếp tục phát huy thế mạnh vượt trội với dòng sản phẩm ống và phụ kiện HDPE. Sản phẩm của công ty đã góp mặt tại hơn 1.000 công trình cấp thoát nước, thủy lợi, dự án môi trường và nông nghiệp. Đặc biệt, năm 2025 đánh dấu cột mốc quan trọng khi Nhựa Đồng Nai trở thành đơn vị tiên phong trong ngành ống nhựa Việt Nam đạt chứng nhận quốc tế EPD (Công bố môi trường sản phẩm) và vinh dự nhận giải thưởng "Sản phẩm & Dịch vụ Xanh Quốc gia".

Chấp hành quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai, công ty đã hoàn tất việc di dời cơ sở sản xuất khỏi KCN Biên Hòa 1 trước ngày 01/12/2025. Ban Giám đốc đã nắm bắt cơ hội này để nâng cấp công nghệ, đầu tư thần tốc xây dựng nhà máy mới quy mô gần 18ha tại Bà Rịa - Vũng Tàu. Chỉ sau 1,5 tháng khởi công (từ tháng 7/2025), 4 phân xưởng hiện đại (mỗi xưởng 15.000m^2) đã thành hình.

Về thị trường, bên cạnh việc cung cấp tuyến ống hạ tầng cho các dự án như Dự án cấp nước sạch nông thôn tỉnh Cà Mau, Dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai, Dự án Hồ Đắk Găng 2. Dự án Cấp nước Bến Tre và 6 xã của Waseen...., Nhựa Đồng Nai còn là đối tác chiến lược của các "ông lớn" bất động sản như Masterise, Nam Long, Keppel, Đất Xanh Group, Khang Điền... Đồng thời, công ty thâm nhập sâu rộng vào thị trường miền Bắc, nhắm tới phân khúc bất động sản cao cấp và đại đô thị.

Với hệ sinh thái sản phẩm toàn diện – từ ống, vật tư, thiết bị bơm, van đến giải pháp phần mềm – Nhựa Đồng Nai vững bước với mục tiêu trở thành nhà cung cấp giải pháp ngành nước số 1, giải quyết các thách thức an ninh nguồn nước ngày càng gia tăng.

Tân Phú Việt Nam

Sản phẩm gia dụng cao cấp

Doanh thu đạt

847 tỷ đồng

↑ 5,6% so với năm 2024

Sản phẩm gia dụng cao cấp có mặt ở: 20 quốc gia

Doanh thu mảng sản phẩm gia dụng năm 2025 tăng trưởng theo hướng tập trung vào hiệu quả, chuẩn bị nền tảng cho việc tăng trưởng doanh thu giai đoạn 2026-2028. Doanh thu đạt 847 tỷ đồng, tăng 5,6% so với 2024.

Inochi duy trì tốt các kênh bán hàng hiệu hữu như kênh Modern trade, kênh dự án, kênh xuất khẩu, Kênh GT đặc biệt là eGT có sự tăng trưởng tốt theo xu hướng của thị trường.

Đến cuối năm 2025, với tốc độ phát triển sản phẩm ấn tượng hơn 130 sản phẩm mới/năm, thương hiệu gia dụng INOCHI đã có gần 1.000 SKU với đủ các nhóm sản phẩm gia dụng như bộ thau rổ, hộp thực phẩm, sản phẩm mẹ và bé, đồ dùng vệ sinh, các sản phẩm gốm sứ, thủy tinh, nhóm giữ nhiệt, đồ điện tử.... Sản phẩm hiện diện tại tất cả hệ thống siêu thị lớn và các tỉnh thành trên cả nước, được người tiêu dùng đón nhận và phản hồi tích cực. Năm 2025, thương hiệu Inochi tự hào có mặt ở 20 nước trên thế giới như: Malaysia, Philippines, Indonesia, Myanmar, Hong Kong, Qatar, Nhật Bản, Hy Lạp, Thụy Sỹ, Australia, Mỹ...tạo đà hướng tới khẳng định vị thế thương hiệu Việt trên bản đồ gia dụng quốc tế.

Năm 2025, TPP chính thức ra mắt mô hình Inochi Studio như một bước đi chiến lược trong quá trình chuyển dịch từ mô hình bán lẻ truyền thống sang mô hình bán hàng theo giải pháp và trải nghiệm khách hàng, cung cấp dịch vụ tư vấn và cá nhân hóa theo từng không gian sống, qua đó tiếp cận nhóm khách hàng đô thị có nhu cầu cao về thiết kế và phong cách sống hiện đại. Mô hình này được kỳ vọng sẽ nâng cao giá trị thương hiệu, cải thiện biên lợi nhuận và mở ra dư địa tăng trưởng mới.

Bao bì

Doanh thu mảng bao bì mềm đạt

803 tỷ đồng

↑ 2,9% so với năm 2024

Doanh thu mảng bao bì cứng đạt

627 tỷ đồng

↓ 12,2% so với năm 2024

Bao bì mềm

Năm 2025, doanh thu đạt 803 tỷ đồng, tăng 2,9% so với năm 2024 dù chịu ảnh hưởng của việc chuẩn bị di dời về nhà máy mới vào thời điểm cuối năm. Điểm sáng trong năm với bao bì mềm là đã từng bước chuyển đổi mô hình kinh doanh, mở rộng đối tượng khách hàng sang các nhà bán lẻ tại thị trường quốc tế thay vì tập trung vào các đối tác thương mại như trước đây. Sự thay đổi này góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động và hướng đến năm 2026 nhiều kỳ vọng đột phá. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường nghiên cứu và phát triển các loại sản phẩm có khả năng phân hủy sinh học cao, an toàn cho sức khỏe và môi trường (nhựa sinh học trong bao bì mềm), đồng thời áp dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm thiểu hao phí.

Bao bì cứng

Doanh thu năm 2025 của mảng bao bì cứng đạt 627 tỷ đồng, giảm 12,2% so với 2024. Trong ngắn hạn, ngành bao bì cứng tại Việt Nam bị ảnh hưởng phần nào bởi việc cầu tiêu dùng phục hồi chậm. Một số khách hàng bị ảnh hưởng bởi việc bắt buộc di dời nhà máy tại KCN Biên Hòa 1, theo quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai. Bao bì cứng cũng tái cấu trúc những khách hàng mang lại hiệu quả chưa cao, nhằm cải thiện lợi nhuận kinh doanh của mảng. Tuy nhiên, với kỳ vọng tăng trưởng tích cực của GDP tại Việt Nam, tiêu dùng sẽ được kích thích, đặc biệt trong các lĩnh vực thực phẩm, đồ uống, và thương mại điện tử. Bên cạnh đó, nhu cầu bao bì cứng chuyên dụng trong mảng thuốc bảo vệ thực vật và vỏ thiết bị y tế, bao gồm bao bì cho thuốc và chai lọ đựng dung dịch truyền vô trùng..., yêu cầu kỹ thuật cao hơn, sẽ tạo ra nhu cầu lớn đối với bao bì cứng.



CMC

Tổng doanh thu thuần mảng gạch ốp lát và ngói tráng men

2.114 tỷ đồng

↑ 23,5% so với năm 2024

Trong bối cảnh ngành vật liệu xây dựng năm 2025 tiếp tục đối mặt với áp lực chi phí đầu vào tăng cao và nhu cầu thị trường phục hồi chậm, CMC vẫn ghi nhận kết quả tăng trưởng ấn tượng, khẳng định năng lực điều hành linh hoạt và khả năng thích ứng hiệu quả.

Cụ thể, tổng doanh thu thuần mảng gạch ốp lát và ngói tráng men đạt 2.114 tỷ đồng, tăng trưởng 23,5% so với năm 2024. Kết quả này được thúc đẩy bởi chiến lược tái cấu trúc danh mục sản phẩm, đẩy mạnh phát triển các dòng sản phẩm giá trị cao và có biên lợi nhuận tốt. Nổi bật, CMC đã cải tiến thành công dòng sản phẩm Semi-Porcelain, đạt sản lượng tiêu thụ hơn 6 triệu m^2, tăng trưởng đột phá 200% so với năm trước, qua đó củng cố đáng kể năng lực cạnh tranh.

Công ty đã thiết lập hệ thống nhà phân phối chiến lược quy mô lớn, mở rộng độ phủ thị trường cả trong và ngoài nước, đặc biệt tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm (Lào, Hàn Quốc, Bắc Mỹ,...).

Về vận hành, CMC ghi nhận công suất tăng 14,28% so với năm 2024, cùng với việc hoàn thiện quá trình tái cấu trúc bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả và tập trung vào khách hàng, đồng thời đẩy mạnh các dự án cải tiến và tiết kiệm chi phí để tối ưu hóa sản xuất. Lũy kế cả năm 2025, các chương trình Kaizen tại Nhà máy đã giúp tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá than đầu vào mà không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Bên cạnh đó, hoạt động marketing được triển khai theo hướng tối ưu chi phí nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hình ảnh. Các chiến dịch phủ xanh thương hiệu CMC đã tiếp cận hơn 2.000 đại lý cấp 2 với mức chi phí trung bình dưới 1 triệu đồng mỗi đại lý, góp phần củng cố độ nhận diện và mở rộng thị phần. Với chiến lược linh hoạt và những giải pháp tối ưu, CMC tiếp tục khẳng định vị thế trong ngành, thích ứng hiệu quả trước thách thức thị trường và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Với chiến lược linh hoạt và những giải pháp tối ưu, CMC tiếp tục khẳng định vị thế trong ngành, thích ứng hiệu quả trước thách thức thị trường và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Tổng Quan Tình Hình Tài Chính Công Ty

Tình hình tài chính năm 2025 so với cùng kỳ năm trước

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 19.164 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt 6.378 tỷ đồng, tăng 5,0% so với cùng kỳ năm trước.

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi (%)
		31/12/2025	31/12/2024	
1	Tổng tài sản	19.164	17.673	8,4%
2	Vốn chủ sở hữu	6.378	6.075	5,0%
3	Doanh thu thuần	9.504	8.898	6,8%
4	Lợi nhuận trước thuế	365	229	59,3%
5	Lợi nhuận trước thuế (trước ảnh hưởng các bút toán phân bổ LTTM giá trị tài sản tăng thêm)	530	417	27,1%

Cơ cấu nguồn vốn

Kết thúc năm 2025, cơ cấu nguồn vốn của DNP Holding vẫn ở mức an toàn khi hệ số nợ/ tổng tài sản duy trì ở mức 0,67, tăng nhẹ so với các năm trước. Khả năng đáp ứng các nghĩa vụ nợ vẫn ở mức tốt khi hệ số thanh toán ngắn hạn vẫn giữ mức an toàn và có xu hướng cải thiện, đạt 1,66, tăng 9,2% so với năm 2024.

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi (%)
		31/12/2025	31/12/2024	
I	NỢ PHẢI TRẢ	12.786	11.598	10,2%
1	Nợ ngắn hạn	6.421	5.842	9,9%
2	Phải trả người bán ngắn hạn	904	775	16,6%
3	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	54	34	58,8%
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	202	121	66,9%
5	Phải trả người lao động	124	133	-6,8%
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	170	141	20,6%
7	Phải trả ngắn hạn khác	316	141	124,1%
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.633	4.485	3,3%
9	Nợ dài hạn	6.365	5.756	10,6%
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	6.378	6.075	5,0%
1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	4.163	4.003	4,0%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	19.164	17.673	8,4%

Tình hình tài chính năm 2025 của DNP Holding cho thấy chiến lược tăng trưởng gắn liền với hiệu quả. Bước vào chu kỳ kinh doanh mới, việc cải tiến theo triết lý Kaizen kết hợp cùng ứng dụng công nghệ hiện đại và các giải pháp sáng tạo đã giúp hệ thống tối ưu hóa chi phí vận hành, nâng cao hiệu suất. Nhờ đó, các chỉ số về dòng tiền và lợi nhuận đều ghi nhận những chuyển biến tích cực, tạo bản lề vững chắc cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.

Cơ cấu tài sản

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất		Thay đổi (%)
		31/12/2025	31/12/2024	
Tài sản ngắn hạn		10.635	8.859	20,0%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.740	1.893	-8,1%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	437	397	10,1%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	6.301	4.826	30,6%
4	Hàng tồn kho	1.976	1.583	24,8%
5	Tài sản ngắn hạn khác	181	160	13,1%
Tài sản dài hạn		8.529	8.814	-3,2%
6	Các khoản phải thu dài hạn	80	82	-2,4%
7	Tài sản cố định	6.859	7,281	-5,8%
8	Bất động sản đầu tư	0	0	0%
9	Tài sản dở dang dài hạn	888	673	31,9%
10	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	475	473	0,4%
11	Lợi thế thương mại	118	172	-31,4%
12	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	14	-100%
13	Chi phí trả trước dài hạn	103	113	-8,8%
14	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	6	6	0%
Tổng cộng tài sản		19.164	17.673	8,4%

Các chỉ tiêu tài chính

Năng lực hoạt động của DNP Holding cũng tiếp tục được cải thiện. Đáng chú ý, Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 2,2% lên 2,6%; Hệ số lợi nhuận cổ đông công ty mẹ/ Vốn chủ sở hữu tăng từ 0,7% lên 2,3%, phản ánh sự cải thiện mạnh mẽ trong hiệu quả kinh doanh cốt lõi.

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất	
		31/12/2025	31/12/2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,66	1,52
2	Hệ số thanh toán nhanh	0,34	0,39
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
3	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,67	0,66
4	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,00	1,91
Chỉ tiêu năng lực hoạt động			
5	Vòng quay hàng tồn kho	4,43	4,67
6	Vòng quay các khoản phải thu	1,71	1,84
7	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,50	0,50
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
8	Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Doanh thu thuần	2,6%	2,2%
9	Hệ số lợi nhuận cổ đông công ty mẹ/ Vốn chủ sở hữu	2,3%	0,7%
10	Hệ số lợi nhuận hợp nhất sau thuế/ Tổng tài sản	1,3%	1,1%
11	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	3,5%	4,8%
12	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	1.027	3.366

Kế Hoạch Sản Xuất Kinh Doanh 2026

Doanh thu hợp nhất năm 2026 dự kiến

↑ 13,8% so với năm 2025

Doanh thu hợp nhất năm 2026 dự kiến đạt

10.812 tỷ đồng

Trên cơ sở phân tích các yếu tố thách thức và thuận lợi của thị trường vĩ mô và ngành trong năm 2026, cũng như năng lực cạnh tranh của Tập đoàn, DNP Holding đặt mục tiêu kinh doanh theo hướng thận trọng, cụ thể như sau:

Về mục tiêu kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2026 của DNP Holding: Doanh thu hợp nhất năm 2026 dự kiến sẽ tăng 13,8% so với năm 2025, đạt 10.812 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 333 tỷ đồng, nếu loại trừ ảnh hưởng của các bút toán phân bổ lợi thế thương mại và khấu hao sau M&A, lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 517 tỷ đồng.

Kế hoạch và giải pháp đặc thù theo từng mảng kinh doanh như sau:

Nước sạch và môi trường

Mục tiêu doanh thu nước sạch năm 2026

1.653 tỷ đồng

Năm 2026, DNP Water định hướng tập trung vào tăng trưởng gắn với hiệu quả và phát triển bền vững, tiếp tục mở rộng quy mô cấp nước thông qua đầu tư nâng công suất và mở rộng mạng lưới, đồng thời từng bước tham gia sâu hơn vào lĩnh vực xử lý nước thải và các giải pháp môi trường.

Công ty ưu tiên nâng cao hiệu quả vận hành thông qua tối ưu chi phí, kiểm soát thất thoát nước và cải thiện biên lợi nhuận, song song với việc đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong quản lý vận hành, tài chính và nhân sự. Bên cạnh đó, DNP Water thúc đẩy triển khai văn hóa 3T và chuẩn hóa năng lực đội ngũ, hướng tới xây dựng tổ chức tinh gọn, linh hoạt, đủ năng lực triển khai các dự án quy mô lớn.

Trong năm 2026, Công ty đặt mục tiêu duy trì đà tăng trưởng với doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh đạt khoảng **1.653 tỷ đồng (+11,8%)**, đồng thời tiếp tục cải thiện hiệu quả vận hành trên toàn hệ thống.

Trong tầm nhìn giai đoạn 2026–2030, DNP Water hướng tới trở thành **doanh nghiệp tư nhân hàng đầu trong lĩnh vực nước và môi trường tại Việt Nam**, làm chủ giải pháp và công nghệ trong cấp nước, xử lý nước thải và năng lượng mới. Công ty đặt mục tiêu nâng tổng công suất cấp nước lên **1,6 triệu m^3/ngày đêm**, mở rộng đầu tư hệ thống xử lý nước thải với quy mô tối thiểu **200.000 m^3/ngày đêm vào năm 2028**, đồng thời từng bước nâng cao biên lợi nhuận. DNP Water cam kết đóng góp tích cực vào các thách thức môi trường và an ninh nguồn nước, đặc biệt tại các khu vực chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, qua đó tạo nền tảng cho tăng trưởng dài hạn và bền vững.



Năm 2026, DNPW sẽ tiếp tục tập trung công tác chuyển đổi số và tự động hóa vận hành sản xuất, nhằm cải thiện năng suất, đem lại hiệu quả cao trong hoạt động cũng như tạo ra những tiện ích, sự hài lòng cho người dân, khách hàng, cụ thể:

01 Dịch vụ khách hàng: đồng bộ quy trình, tập trung dữ liệu, điều hành hoạt động dựa trên dữ liệu, 100% tương tác khách hàng được xác nhận/phản hồi

02 Quản lý vận hành nhà máy: bao gồm quản lý tài sản nhà máy nước trên phần mềm; giám sát và xử lý bất thường, tích hợp lưu dữ liệu lịch sử vận hành, công việc hiện trường, hỗ trợ lập kế hoạch và nhắc lịch bảo trì bảo dưỡng thiết bị định kỳ

03 Quản lý vận hành mạng lưới phần CDS và phần nghiệp vụ đơn vị bán lẻ như tạo bản đồ mạng lưới cấp nước, tích hợp đồng hồ tổng, CRM, tính toán tỷ lệ thất thoát toàn mạng lưới, cảnh báo được bất thường, tích hợp xử lý hiện trường và cập nhật chuỗi dữ liệu

04 Tự động hóa hạ tầng mạng lưới thông qua việc thúc đẩy các đơn vị phân vùng tách mạng triệt để, áp dụng thiết bị công nghệ (van điện, cảm biến áp lực, cảm biến nghe rò, đồng hồ đo xa)

Năm 2026, DNPE tập trung phủ sóng giải pháp năng lượng sạch (tự sản xuất và tự lưu trữ điện) cho toàn hệ sinh thái Tasco - DNP (nhà máy sản xuất tại khu công nghiệp Đất Đỏ, Bắc Ninh, hệ thống Showroom, Tasco Mall và văn phòng của Tasco), đồng thời thí điểm một số dự án ngoài hệ thống. Công ty đặt kế hoạch Tổng Doanh thu đạt 210 tỷ (bao gồm doanh thu từ cho thuê đơn vị kinh doanh và đơn vị sản xuất). Tổng sản lượng PV thực hiện khoảng 48.000 kw, tổng Bess thực hiện là 141.000 Kwp. Việc sở hữu danh mục "dự án mẫu" đa phân khúc (Nhà máy – Tòa nhà – Showroom) là lợi thế cạnh tranh cốt lõi, giúp DNPE hiện thực hóa tiềm năng đầu tư tại các khu công nghiệp trọng điểm.

Hệ sinh thái ngành nước

Mục tiêu doanh thu hệ sinh thái ngành nước năm 2026

4.315 tỷ đồng

Năm 2026, Nhựa Đồng Nai đặt mục tiêu tổng doanh thu hệ sinh thái ngành nước đạt 4.315 tỷ đồng, tăng trưởng 19% so với năm 2025.

Mức tăng trưởng bứt phá này được xây dựng dựa trên động lực từ nhu cầu thị trường đang phục hồi mạnh mẽ. Cụ thể, bộ 3 luật mới (Luật Đất đai, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh Bất động sản) chính thức có hiệu lực từ đầu tháng 8/2024, tạo tiền đề cho hàng loạt chính sách tháo gỡ pháp lý được ban hành trong năm 2025, giúp tái khởi động các dự án xây dựng nhà ở và hạ tầng.

Cơ cấu doanh thu mục tiêu được phân bổ để tối ưu hóa hệ sinh thái ngành nước:

- **Mảng Ống và phụ kiện:** Đóng vai trò chủ lực với mục tiêu **2.969 tỷ đồng.**
- **Mảng Vật tư thiết bị ngành nước:** Đóng góp **959 tỷ đồng**, thể hiện bước tiến trong việc cung cấp giải pháp trọn gói.
- **Mảng Nguyên vật liệu:** Ghi nhận **387 tỷ đồng.**

Để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng và chuyển đổi mô hình kinh doanh, trọng tâm hành động năm 2026 của Nhựa Đồng Nai là một cuộc tái cấu trúc toàn diện: vừa củng cố "thượng nguồn" thông qua việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng và xây dựng "vùng đệm" doanh thu vững chắc từ hệ sinh thái hạ tầng - vật tư ngành nước, vừa bứt phá "hạ nguồn" để phủ sóng thương hiệu qua các nền tảng số sáng tạo. Đồng thời, công ty sẽ nâng cao công tác vận hành nhờ bộ máy quản trị hiệu suất cao, gắn kết chặt chẽ bởi văn hóa 3T trong toàn hệ thống.

Vật liệu xây dựng

Mục tiêu doanh thu vật liệu xây dựng năm 2026

2.229 tỷ đồng

Tổng doanh thu đạt 2.229 tỷ đồng, tăng 5,4 % so với năm 2025. Năm 2026, Công ty dự kiến: (i) Cải thiện hiệu quả sản xuất, giảm giá thành thông qua việc hợp tác với các chuyên gia quốc tế, cải tiến thiết bị công nghệ, tinh chỉnh hệ thống, (ii) Đưa CMC tiếp tục quỹ đạo tăng trưởng với lợi nhuận tốt thông qua việc mở rộng thị trường: đẩy mạnh xuất khẩu, khai thác phân khúc dự án công, nhà ở xã hội, quy hoạch kênh phân phối miền Nam/OEM và cải thiện biên lợi nhuận: tập trung khai thác các dòng sản phẩm có biên tốt, ra mắt dòng sản phẩm Granite cao cấp với chất lượng hoàn thiện cao.

Bao bì

Mục tiêu doanh thu bao bì năm 2026

1.423 tỷ đồng

Năm 2026, bao bì mềm tiếp tục khai thác các khách hàng, sản phẩm mới mang lại hiệu quả cao với mục tiêu doanh thu 751 tỷ, giảm 6,5% so với năm 2025 do có sự dịch chuyển nhà máy tập trung với quy mô hơn 12ha. Năm 2026-2028 là giai đoạn tăng trưởng trở lại của Bao bì mềm sau khi nhà máy đi vào hoạt động ổn định. Đây là cơ hội để Bao bì mềm gia tăng quy mô. Bao bì cứng duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, chuyển dịch cơ cấu khách hàng và sản phẩm theo hướng gia tăng giá trị, tập trung vào các tệp khách hàng lớn thuộc mảng nông dược/hóa chất/ thực phẩm đồ uống với chỉ tiêu doanh thu năm 2026 là 672 tỷ đồng, tăng 7,2% so với năm 2025.

Sản phẩm gia dụng

Mục tiêu doanh thu sản phẩm gia dụng năm 2026

1.192 tỷ đồng

↑ 40,7% so với năm 2025

Với vị thế vững chắc trên thị trường, danh mục sản phẩm đa dạng và hệ thống phân phối đa kênh, Inochi đặt mục tiêu tăng trưởng đột phá trong năm 2026, hướng đến doanh thu 1.192 tỷ đồng, tăng 40,7% so với năm trước.

Động lực chính đến từ mở rộng kênh xuất khẩu, giữ vững thương hiệu số 1 tại thị trường Đông Nam Á (Malaysia, Philippines, Myanmar), đồng thời đẩy mạnh thâm nhập các thị trường chiến lược mới là Mỹ và Ấn Độ. Trên cơ sở thành công bước đầu trong ký kết hợp đồng với các nhà nhập khẩu và nhà bán lẻ lớn tại Mỹ với đơn hàng xuất Mỹ đầu tiên thành công, Inochi đã lên kế hoạch gia tăng hiện diện, mở rộng các dòng sản phẩm và SKU đưa vào phân phối tại thị trường có yêu cầu cao về chất lượng này trong giai đoạn 2026-2028. Từ một thương hiệu quốc gia, Inochi đang từng bước khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó, mô hình Inochi Studio tiếp tục được nhân rộng, như một bước chuyển dịch từ bán lẻ truyền thống sang bán hàng theo giải pháp và trải nghiệm, hướng đến nhóm khách hàng đô thị có nhu cầu cao về thiết kế và phong cách sống.

Thương hiệu Mẹ & Bé Aoi cũng là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng, từng bước có chỗ đứng trên thị trường với các nhóm sản phẩm chính như nước pha sữa, nước giặt xả, bình sữa sản xuất tại Việt Nam.... Năm 2026, Aoi tiếp tục hoàn thiện danh mục sản phẩm và mở rộng độ phủ tại hơn 3.000 đại lý, cửa hàng mẹ & bé trên toàn quốc.

Bên cạnh đó, năm 2026, Inochi tập trung cho việc phát triển nhóm đồ điện nhỏ nhằm thúc đẩy tăng quy mô cho Inochi giai đoạn 2026-2028. Việc triển khai phát triển nhóm đồ điện nhỏ, các thiết bị gia dụng thông minh là một hướng đi hoàn toàn mới và cần thiết để mở rộng thị trường cho Inochi.

Về Nghiên cứu & Phát triển (R&D), công ty sẽ tiếp tục ra mắt các mẫu SKU mới, tập trung vào tính tiện ích, thiết kế hiện đại, giá thành hợp lý, đáp ứng tối ưu nhu cầu khách hàng trong cuộc sống hàng ngày.

Năm 2026, Công ty sẽ tập trung triển khai đồng bộ nhóm giải pháp chiến lược bao gồm việc đa dạng hóa nguồn cung đa tầng, đảm bảo luôn có phương án thay thế trong trường hợp chuỗi cung ứng bị gián đoạn.

Trước rủi ro biến động giá dầu và nguyên vật liệu đầu vào (hạt nhựa, hóa chất), DNP Holding xác định khả năng thích ứng linh hoạt và quản trị rủi ro chủ động là yếu tố then chốt để bảo vệ biên lợi nhuận và duy trì đà tăng trưởng bền vững. Năm 2026, Công ty sẽ tập trung triển khai đồng bộ nhóm giải pháp chiến lược bao gồm việc đa dạng hóa nguồn cung đa tầng, đảm bảo luôn có phương án thay thế trong trường hợp chuỗi cung ứng bị gián đoạn. Tăng cường hợp tác với các nhà cung cấp hạt nhựa và nguyên liệu hóa chất từ Trung Quốc - thị trường có năng lực sản xuất lớn và khả năng cạnh tranh về giá tốt - nhằm giảm phụ thuộc vào nguồn cung từ các thị trường truyền thống. Song song đó, cơ chế định giá bán sẽ được điều chỉnh linh hoạt theo biến động nguyên liệu, kết hợp với việc kiểm soát chặt chẽ lượng tồn kho và tối ưu hóa quản lý dòng tiền. Thông qua việc định kỳ cập nhật các kịch bản ứng phó về giá dầu, tỷ giá và logistics hàng quý, Ban lãnh đạo sẽ có cơ sở vững chắc để đưa ra các quyết định điều hành kịp thời, đảm bảo tính ổn định của hệ thống trong bối cảnh địa chính trị ngày càng phức tạp và khó lường.



Chương 04

Quản Trị Doanh Nghiệp

72 Tổng quan về mô hình quản trị DNP

73 Báo cáo của hội đồng quản trị

79 Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông

82 Hoạt động quan hệ cổ đông (IR)

04



Tổng Quan Về Mô Hình Quản Trị DNP

Với định hướng quản trị tinh gọn, DNP đã xây dựng mô hình quản trị nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong việc ra quyết định để phù hợp với tốc độ phát triển của doanh nghiệp với cơ cấu như sau:

Đại hội đồng cổ đông

Là Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của DNP, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

Hội đồng quản trị

Hoạch định chiến lược phát triển, tầm nhìn của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Tổ chức triển khai kế hoạch kinh doanh theo định hướng chiến lược đã được phê duyệt.

Ban Kiểm toán nội bộ

Vai trò giúp việc HĐQT trong việc giám sát, quản trị rủi ro.

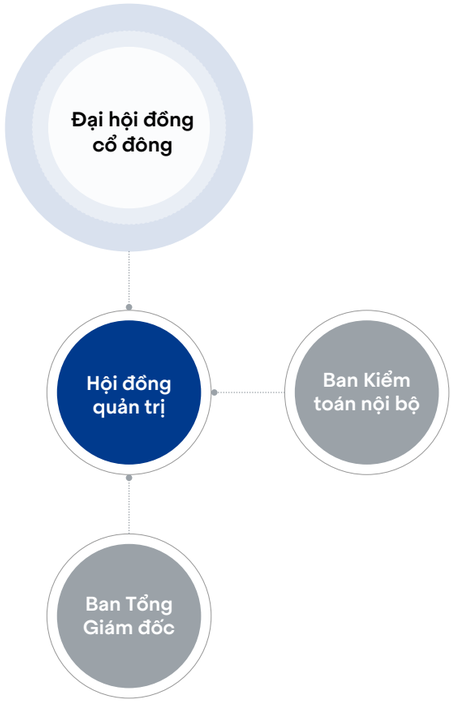

DNP cũng tích cực áp dụng các tiêu chuẩn ESG, chú trọng quản trị rủi ro và giám sát hoạt động kinh doanh nhằm tối ưu hiệu suất vận hành và gia tăng giá trị dài hạn

Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo DNP cam kết thực hiện chiến lược quản trị doanh nghiệp hiệu quả, bền vững, tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật Việt Nam và tiệm cận các thông lệ quốc tế. Công ty không ngừng nâng cao chuẩn mực quản trị, tham chiếu Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho Công ty đại chúng tại Việt Nam, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC, và đặc biệt là Thông tư 68/2024/TT-BTC với các quy định nâng cao chất lượng công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Những nỗ lực này không chỉ giúp DNP đảm bảo minh bạch và tuân thủ tốt hơn mà còn đón đầu các cơ hội đầu tư mới khi Việt Nam nâng hạng thị trường.

DNP cũng tích cực áp dụng các tiêu chuẩn ESG, chú trọng quản trị rủi ro và giám sát hoạt động kinh doanh nhằm tối ưu hiệu suất vận hành và gia tăng giá trị dài hạn. Việc tích hợp các tiêu chuẩn ESG với các quy định mới về quản trị công ty giúp DNP kiểm soát rủi ro tốt hơn, tăng cường tính minh bạch và thúc đẩy phát triển bền vững. Khi thị trường chứng khoán vận hành theo các chuẩn mực quốc tế cao hơn, sự chuẩn bị vững chắc này sẽ giúp DNP tận dụng tối đa cơ hội thu hút dòng vốn ngoại, thúc đẩy tăng trưởng ổn định và tạo nền tảng phát triển mạnh mẽ cho cả doanh nghiệp và nền kinh tế.

Báo Cáo Của Hội Đồng Quản Trị

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm
Ông Trần Đức Huy	Chủ tịch Hội đồng quản trị	24/05/2024
Ông Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị	26/04/2022
Ông Trịnh Kiên	Thành viên HĐQT	25/04/2025
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên HĐQT	13/05/2023
Bà Trần Thị Linh	Thành viên HĐQT độc lập	25/04/2025

Sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị	Số lượng cổ phần nắm giữ	% sở hữu	Chức vụ
Ông Trịnh Kiên	7.000	0%	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Huyền	105	0%	Thành viên HĐQT



Hoạt động của HĐQT

Năm 2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) duy trì cơ cấu gồm có 05 thành viên, bao gồm, 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch, 01 thành viên HĐQT độc lập và 01 thành viên HĐQT không điều hành. Hoạt động của HĐQT được duy trì theo Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, được phân công cụ thể cho các thành viên để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

Về hoạch định chiến lược, đầu tư

Trong năm 2025, HĐQT đã cùng với Ban Tổng Giám đốc thảo luận, phân tích đánh giá và đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến chiến lược phát triển của DNP Holding. Trong bối cảnh kinh tế xã hội đối mặt với các thách thức từ lạm phát, lãi suất, sụt giảm nhu cầu tiêu dùng,... HĐQT đã định hướng và đề ra những kế hoạch thích ứng với thị trường như thay đổi cơ cấu sản phẩm, kênh bán hàng để tiếp cận với khách hàng, tinh gọn bộ máy vận hành để tối ưu chi phí... Định kỳ hàng tháng, các thành viên thường trực HĐQT cùng làm việc để đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch, đồng thời đưa ra các định hướng, giải pháp để tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo tiến độ dự án và nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư.

Về công tác quản trị

HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty. Năm 2025, HĐQT đã thực hiện 11 cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, theo đó ban hành 11 Nghị quyết. Chi tiết xem tại website DNP mục Công bố thông tin Báo cáo quản trị.

HĐQT thực hiện tốt vai trò, theo đó vai trò của thành viên không điều hành được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông thiểu số. HĐQT giám sát việc thực hiện của Ban Tổng Giám đốc đối với các quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Về công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua một số công việc cụ thể như sau:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.
- Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, phân tích những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, đưa ra các biện pháp khắc phục và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả hoạt động và đạt mục tiêu kế hoạch kinh doanh dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên 2026.
- Kiểm tra, giám sát việc duy trì áp dụng Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ trong Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty và các quy định của Pháp luật.

Kết quả giám sát

Qua quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Giám đốc, Ban điều hành đã có sự nỗ lực lớn và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao năm 2025. Cụ thể:

- Chủ động và tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin bán hàng, hỗ trợ giải phóng hàng tồn; đẩy mạnh hoạt động marketing, bán hàng và dịch vụ;
- Tập trung quản trị nguồn vốn, tiết kiệm chi phí, tăng khả năng xoay vòng vốn để chủ động giảm thiểu áp lực thanh toán;
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy, mô hình tổ chức, đào tạo và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, đội ngũ kế thừa; tiến hành các hoạt động truyền thông, văn hóa nội bộ tạo gắn kết.

Doanh thu thuần hợp nhất
9.504 tỷ đồng

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế
365 tỷ đồng

Lợi nhuận hợp nhất sau thuế
249 tỷ đồng

Trong năm 2025, HĐQT và Ban lãnh đạo cũng đã tham gia sâu sát vào quá trình tái cấu trúc các đơn vị thành viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đào tạo đội ngũ nhân sự nhằm tăng năng suất lao động, tổ chức lại mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, chuyên nghiệp theo định hướng chuyển đổi số, phát triển kinh doanh. Kết quả là các đơn vị thành viên tăng trưởng tích cực so với năm trước trên nhiều khía cạnh, đóng góp vào sự tăng trưởng chung của toàn Công ty.

Về kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2025, DNP Holding vẫn duy trì ổn định với Doanh thu thuần hợp nhất đạt 9.504 tỷ đồng, tăng 6,8% so với năm 2024 và đạt 98,3% kế hoạch năm 2025. Tiêu biểu có nhóm vật liệu xây dựng đạt doanh thu 2.114 tỷ đồng vượt 7,9% kế hoạch.

Về chỉ tiêu lợi nhuận: Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 365 tỷ đồng, tăng 59,3% so với năm 2024 và cao hơn so với mức kế hoạch đặt ra cho năm 2025 là 197,2%. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế ở mức 249 tỷ đồng, tăng trưởng 29,9% so với năm 2024.

Về hoạt động kinh doanh theo các mảng cốt lõi: Công ty đạt mức tăng trưởng tích cực trong hầu hết các mảng, đặc biệt là ngành nước sạch môi trường và vật liệu xây dựng, tiếp tục mở rộng quy mô và cải thiện hiệu quả hoạt động.



Báo cáo Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Hội đồng Quản trị Công ty có 01 thành viên độc lập là bà Trần Thị Linh và 01 thành viên không điều hành là ông Ngô Đức Vũ, đáp ứng quy định có ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên HĐQT độc lập và không điều hành để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT.

Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt định các chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh;
- Xem xét, đánh giá độc lập báo cáo của Tổng giám đốc và các bộ phận khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro, đầu tư chiến lược mới của Công ty.

Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập HĐQT

Đánh giá về hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2025, thành viên độc lập HĐQT nhận định chung như sau:

Các thành viên HĐQT đã duy trì việc tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường trong năm 2025. Trong các buổi họp, các thành viên đã đưa ra ý kiến phản biện cụ thể đối với các đề xuất chiến lược, góp phần giúp Ban Tổng Giám đốc giải quyết các khó khăn trong vận hành thực tế và đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh.

Về công tác quản trị, HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tuân thủ quy định: Đảm bảo toàn bộ các hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Giám sát thực thi: Theo sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc hiện thực hóa các nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Chỉ đạo điều hành: Đưa ra các ý kiến chỉ đạo kịp thời, phù hợp với diễn biến thực tế để duy trì sự ổn định và hài hòa lợi ích của Công ty.

Đào tạo về quản trị công ty

Trong năm 2025, các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý đã tham dự các buổi hội thảo và đào tạo về quản trị công ty do Công ty tự tổ chức để cập nhật các thay đổi của pháp luật hiện hành, các văn bản pháp luật hướng dẫn và các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước có ảnh hưởng đến hoạt động quản trị của doanh nghiệp.



Định hướng hoạt động của hội đồng quản trị năm 2026

Năm 2026, Hội đồng quản trị xác định tập trung vào các định hướng trọng tâm sau:



Hoạt động kinh doanh cốt lõi và hệ sinh thái

Hoạt động kinh doanh cốt lõi và hệ sinh thái: Công ty tập trung phát triển các mảng kinh doanh cốt lõi thông qua những giải pháp đặc thù cho từng lĩnh vực. HĐQT ưu tiên phát huy lợi thế cộng hưởng từ hệ sinh thái chung, tạo ra sự hợp lực giữa các đơn vị thành viên để cung cấp sản phẩm chất lượng cao và đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.

Công nghệ và chuyển đổi số

Đẩy nhanh lộ trình chuyển đổi số trong quy trình vận hành và sản xuất tại các nhà máy cũng như văn phòng. Công ty chú trọng đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại và tăng cường hợp tác với các chuyên gia, đối tác hàng đầu trong và ngoài nước để rút ngắn thời gian chuyển giao công nghệ, từ đó nâng cao năng suất và tối ưu hóa nguồn lực.

Hợp tác và mở rộng thị trường

Xây dựng và phát triển các thị trường mới, đặc biệt là đẩy mạnh xuất khẩu cho những chuỗi sản phẩm thế mạnh. Mục tiêu là vươn tới các quốc gia có dư địa tăng trưởng lớn, bên cạnh việc củng cố vị thế tại các thị trường truyền thống.

Phát triển nguồn nhân lực

Tập trung đầu tư cho con người và xây dựng đội ngũ nhân sự tinh nhuệ. Công ty chú trọng thiết lập cơ chế tưởng thưởng tương xứng với hiệu quả công việc, đồng thời triển khai lộ trình đào tạo bài bản để bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo kế nhiệm.

Quản trị và phát triển bền vững

Áp dụng các mô hình quản trị hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế để tối ưu nguồn lực và kiểm soát rủi ro. HĐQT cam kết tích hợp các tiêu chuẩn ESG vào hoạt động kinh doanh, đảm bảo sự cân bằng giữa hiệu quả kinh tế và trách nhiệm với môi trường, xã hội nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán



Thành viên Ủy ban Kiểm toán

Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
Bà Trần Thị Linh	Chủ tịch	25/04/2025	Cử nhân Kinh tế
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên	29/05/2023	Thạc sỹ Quản trị Tài Chính

Báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

Trong năm 2025, Ủy ban Kiểm toán đã tổ chức 02 cuộc họp để thảo luận, thống nhất việc thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán. Theo đó, các nhiệm vụ chính trong năm 2025 của Ủy ban Kiểm toán bao gồm:

- Giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, các dịch vụ phi kiểm toán khác;
- Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, ban kiểm soát năm 2025

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025, các thành viên HĐQT đều không nhận thù lao. Đối với các thành viên Ban Tổng Giám đốc, DNP Holding đã thực hiện chi trả thu nhập trong năm 2025. Thông tin chi tiết về thu nhập và thù lao của từng thành viên được trình bày tại thuyết minh số 36 Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần DNP Holding.

Thông Tin Cổ Phiếu Và Quan Hệ Cổ Đông

Thông tin cổ phiếu

Cổ phiếu của CTCP DNP Holding (DNP) được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNP. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

Tên giao dịch
Công ty Cổ phần DNP Holding

Mã giao dịch chứng khoán
DNP

Mệnh giá
10.000 đồng/ cổ phiếu

Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng
Không

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành (tại 31.12.2025)
140.966.036



Diễn biến giá cổ phiếu

Mức giá cổ phiếu giao dịch	Ngày	Giá (đồng/cổ phiếu)
Đóng cửa	31/12/2025	21.600
Cao	30/07/2025	22.800
Thấp	03/04/2025	18.100
Khối lượng cổ phiếu giao dịch cao nhất trong 52 tuần	26/05/2023	73.600 cổ phiếu

Diễn biến cổ phiếu DNP và HNX Index năm 2025

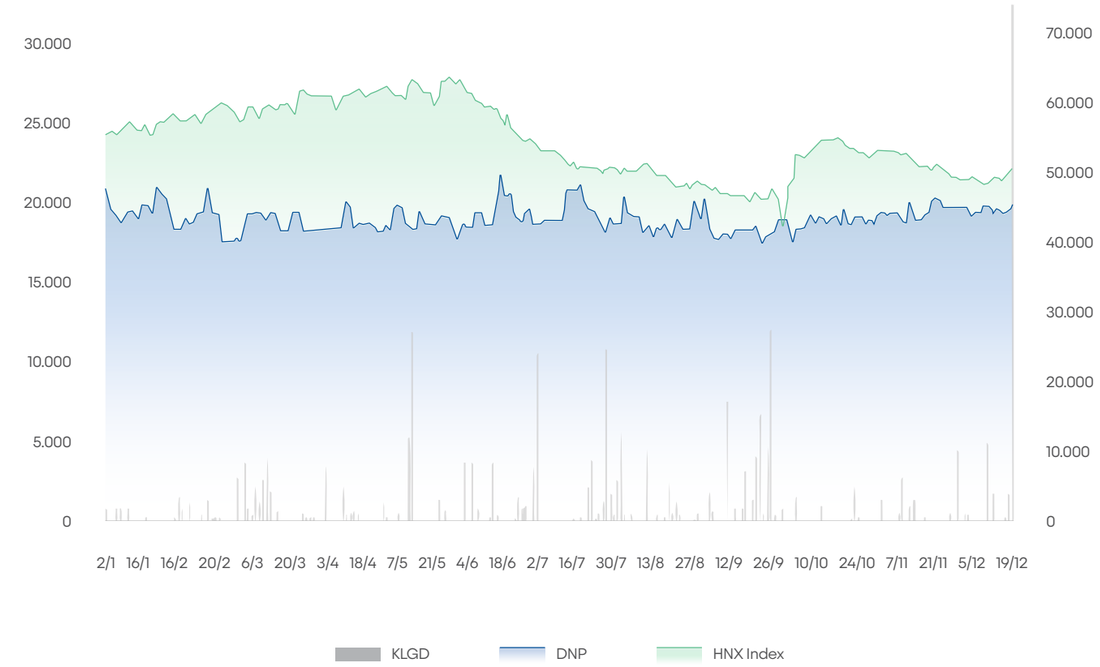

Số lượng cổ phiếu

Nội dung	31/12/2025	31/12/2024
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	140.966.036	140.966.036
Tổng số cổ phiếu quỹ	8.810	8.810
Tổng số lượng cổ phiếu	140.974.846	140.974.846

Tỷ lệ sở hữu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Tasco Investment	Cổ đông lớn, người có liên quan của người nội bộ	80.683.437	57,2%
2	Trịnh Kiên	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	7.000	0%
3	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	105	0%
4	Trần Hữu Chuyền	Phó Tổng Giám đốc	4	0%
5	Trịnh Trung	*Người có liên quan của người nội bộ	6.600	0%

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH Tasco Investment (Người có liên quan của người nội bộ)	Người nội bộ, gồm: Ông Ngô Đức Vũ Bà Phan Thùy Giang Bà Trần Thị Linh Bà Hoàng Thị Soa	0	0%	80.683.437	57,2%	Mua [1]

[1] Theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của Công ty TNHH Tasco Investment ngày 30/12/2025

Hoạt Động Quan Hệ Cổ Đông (IR)

Tại DNP Holding, chúng tôi tin rằng sự minh bạch và đối thoại cởi mở là nền tảng cốt lõi để xây dựng niềm tin dài hạn với cộng đồng nhà đầu tư. Năm 2025 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong công tác Quan hệ Cổ đông (IR) khi Công ty trong việc tăng cường sự kết nối đa kênh và truyền tải những giá trị cốt lõi, chiến lược, mục tiêu và triển vọng mới của công ty.

Hoạt động trọng tâm năm 2025

Kết nối đa kênh

Kết nối đa kênh: Duy trì các buổi làm việc trực tiếp và trực tuyến với các nhà đầu tư, định chế tài chính, đối tác trong và ngoài nước. Qua đó, Công ty đã kịp thời cập nhật tình hình kinh doanh, định hướng chiến lược của DNP Holding và các đơn vị thành viên.

Truyền thông chuyên sâu

Truyền thông chuyên sâu: Triển khai các tuyến bài phân tích chi tiết về các lĩnh vực cốt lõi bao gồm: Nước sạch & Vật tư ngành nước, Gia dụng cao cấp & Sản phẩm Mẹ và bé, Vật liệu xây dựng.

Trải nghiệm thực tế

Trải nghiệm thực tế: Tổ chức các chương trình tham quan nhà máy tại Đồng Nai, Long An và Bắc Ninh. Hoạt động này giúp nhà đầu tư trực tiếp đánh giá năng lực sản xuất, tiềm năng tăng trưởng từ việc mở rộng công suất và đa diện hóa danh mục sản phẩm.

Mở rộng thị trường

Mở rộng thị trường: Chia sẻ cụ thể về lộ trình phát triển kênh phân phối mới và chiến lược thâm nhập các thị trường giàu dư địa như Châu Âu, Mỹ, Úc bên cạnh các thị trường truyền thống tại Châu Á.

Nhằm tăng cường tính minh bạch và cung cấp cái nhìn toàn diện cho cổ đông, DNP đã thực hiện các cải tiến: Nâng cao tiêu chuẩn trình bày Báo cáo thường niên; Số hóa dữ liệu với mục Tài liệu thuyết trình nhà đầu tư (Investor Presentation) trên website chính thức, đảm bảo thông tin luôn được cập nhật kịp thời.

Định hướng năm 2026

Bước sang năm 2026, với tâm thế chủ động và cầu thị, DNP Holding cam kết tiếp tục tối ưu hóa hệ thống công bố thông tin, nâng cao chất lượng quản trị và chuẩn hóa các kênh tương tác số hóa. Đây không chỉ là nỗ lực thực thi trách nhiệm với cổ đông, mà còn là lời khẳng định về một hành trình phát triển bền vững, cùng chia sẻ cơ hội và gia tăng giá trị cho tất cả các bên liên quan. Theo đó, hoạt động IR sẽ tập trung vào ba trụ cột chính:



Gắn kết chặt chẽ hiệu quả kinh doanh với mục tiêu phát triển bền vững (ESG).

Tiếp tục là cầu nối tin cậy giữa doanh nghiệp và thị trường vốn.

Tối ưu hóa các kênh công bố thông tin và phản hồi nhanh chóng mọi truy vấn từ các chuyên gia phân tích và nhà đầu tư.

Thông tin liên hệ Bộ phận IR: Email: ir@dnpcorp.vn

Chương 05

Phát Triển Bền Vững

86 Tổng quan Chiến lược Phát triển Bền vững

88 Báo cáo Tác động liên quan đến Môi trường và Xã hội

96 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với Cộng đồng địa phương

05

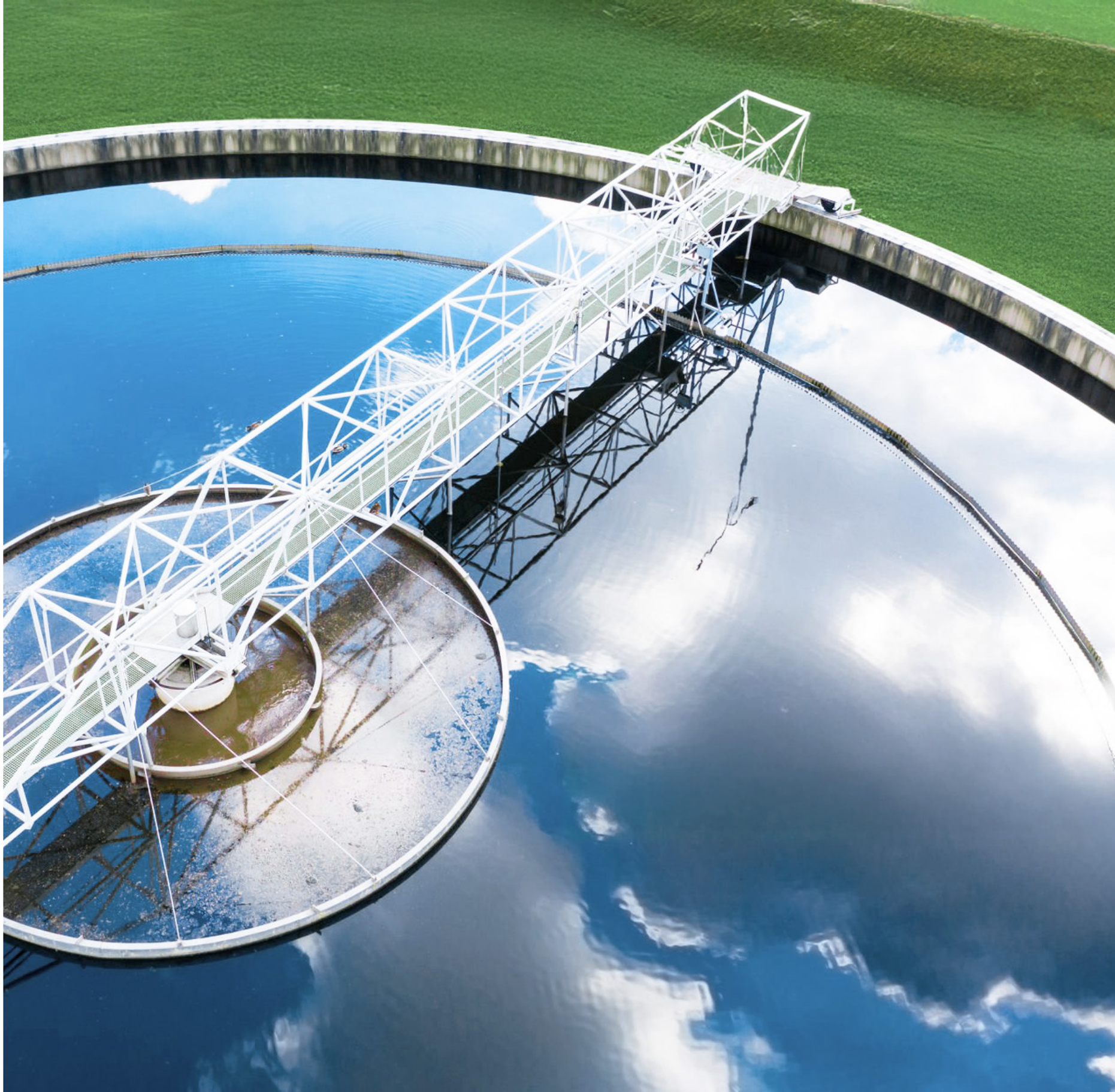

Tổng Quan Chiến Lược Phát Triển Bền Vững

Cam kết với các Mục tiêu Toàn cầu và Quốc gia

DNP nhận thức rõ các cơ hội và tác động từ xu hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn, từ đó định hướng chiến lược kinh doanh theo mô hình phát triển bền vững, phù hợp với Mục tiêu Quốc gia của Việt Nam và Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc.

Chương trình Nghị sự 2030, được tất cả các quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc thông qua, kêu gọi hành động chung nhằm xóa đói giảm nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo đến năm 2030, mọi người dân đều được hưởng hòa bình và thịnh vượng. Chương trình đặt ra 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) với 169 mục tiêu cụ thể, định hướng các phương thức thực hiện và thúc đẩy quan hệ đối tác toàn cầu.

17 Mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững của Liên Hợp quốc đến năm 2030



Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực thiết yếu như nước sạch và môi trường, vật liệu xây dựng, sản phẩm gia dụng cao cấp và bao bì, DNP xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với tầm nhìn doanh nghiệp, gắn kết với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc và chương trình hành động quốc gia của Việt Nam.

Bên cạnh mục tiêu kinh tế, DNP chú trọng thực hiện các mục tiêu ESG về **Bảo vệ môi trường (E), Trách nhiệm xã hội (S) và Quản trị doanh nghiệp (G)** tinh gọn, hiệu quả - những yếu tố quan trọng cho sự phát triển bền vững dài hạn. Chiến lược này được cụ thể hóa thông qua việc xây dựng mục tiêu OKRs, truyền thông đến lãnh đạo qua các cuộc họp chiến lược, và phổ biến tới toàn thể nhân viên qua các chương trình Leader's Talk, khóa đào tạo và truyền thông nội bộ.

Để giảm sự phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch và rác thải nhựa, DNP cũng triển khai hệ thống Điện mặt trời áp mái & Pin lưu trữ (BESS), triển khai tại các nhà máy nước và cơ sở sản xuất trong hệ thống nhằm chủ động nguồn điện, đảm bảo vận hành liên tục kể cả khi mất điện lưới đột ngột hoặc thời tiết không thuận lợi.

DNP Holding cũng đẩy mạnh ứng dụng kinh tế tuần hoàn thông qua ứng dụng vật liệu thân thiện môi trường (nhựa nguyên sinh, nhựa tái chế tại Inochi) và công nghệ sản xuất sạch, hàm lượng carbon thấp để tối ưu hóa vòng đời sản phẩm.

Nhận thức rõ thách thức từ biến đổi khí hậu, DNP Holding chủ động thực hiện các hành động cụ thể để hiện thực hóa cam kết đưa mức **phát thải ròng về "0"** (Net Zero) vào năm 2050 của Chính phủ Việt Nam, thông qua: Thực thi 17 Mục tiêu SDGs, tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc vào từng mắt xích vận hành để bảo vệ hành tinh và thúc đẩy thịnh vượng chung, cụ thể như sau:

Mục tiêu của Liên Hợp Quốc, Mục tiêu Quốc gia	Mục tiêu của DNP
	• Đảm bảo 100% các chỉ tiêu nước sạch cấp ra mạng đều đạt quy chuẩn của QCVN 01- 1:2018/ BYT Bộ Y tế; • Giải quyết các bài toán khó của ngành nước như: » Giải quyết vấn đề hạn mặn cho vùng ĐBSCL bằng dự án cấp nước thô, nước sạch; » Giải quyết bài toán thiếu nước sinh hoạt cho vùng núi và hải đảo; » Giải quyết vấn đề ô nhiễm nước sông ở hạ nguồn phục vụ phát triển kinh tế thông qua việc sử dụng nguồn nước tốt từ thượng nguồn cung cấp cho các hộ tiêu thụ. • An toàn, sức khỏe, tính mạng người lao động là trên hết; • Cuộc sống tốt hơn cho người lao động.
	Phát triển mạnh mẽ tại các nơi có sự hiện diện của DNP thông qua: • Tạo việc làm, thu nhập để đảm bảo đời sống cho người dân; • Phát triển kinh tế, hạ tầng mạnh mẽ; • Thường xuyên đóng góp và ủng hộ Quỹ vì Người nghèo cũng như trực tiếp đến các hộ gia đình và cộng đồng; • Tạo sự công bằng, văn minh thông qua các dự án, chương trình xã hội như: Hỗ trợ sinh kế cho người dân các tỉnh Bắc Giang, Long an; Trụ uống nước sạch tại vòi... • Trong 5 năm tới, tham gia xây dựng 2 nhà máy vùng cho Miền Tây có tổng công suất 1.200.000m^3 nước/ngày đêm (Một nhà máy Vùng 1 cho 3 tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Long An và 1 Nhà máy hạ tầng cấp nước cho bán đảo Cà Mau gồm các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng) nhằm giải quyết căn cơ hiện trạng sử dụng tài nguyên nước ngầm quá mức, gây sụt lún, ngập mặn...
	• Luôn tuân thủ các quy định về môi trường, trách nhiệm với con người, phát triển cộng đồng, xã hội thông qua tuân thủ đầy đủ các quy định trong nước và quốc tế như Tiêu chuẩn Thực hiện về Môi trường, Sức Khỏe và An toàn của IFC (IFC Performance Standards); các Hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe & An toàn của Ngân hàng Thế giới (WB EHS Guidelines); Chính sách An toàn của Ngân hàng Phát triển Á Châu (ADB Safeguard Policy Statement); • Nâng cao hiệu suất đồng thời giảm tối đa lượng nguyên, nhiên liệu đầu vào cho mỗi đơn vị sản phẩm thông qua các chương trình như Kaizen, 6S, cải tiến không ngừng, áp dụng công nghệ tiên tiến, tối đa hóa sử dụng năng lượng sạch như năng lượng mặt trời...; • Giảm thiểu tối đa các sản phẩm phải thải bỏ và áp dụng triệt để nguyên tắc của Kinh tế tuần hoàn (Circular Economy) để biến chất thải đầu ra của ngành này thành nguồn tài nguyên đầu vào của ngành khác hoặc cho chính nội tại doanh nghiệp thông qua các hoạt động tái chế và tái sử dụng...

Báo Cáo Tác Động Liên Quan Đến Môi Trường Và Xã Hội

Báo cáo tác động môi trường được DNP giám sát và đánh giá thông qua:

- Quản lý nguồn nguyên vật liệu
- Tiêu thụ năng lượng (trực tiếp và gián tiếp) và các sáng kiến tiết kiệm năng lượng
- Tiêu thụ nước và các sáng kiến tiết kiệm nước
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Báo cáo tác động xã hội được đánh giá thông qua:

- Thực hiện các hoạt động trách nhiệm xã hội
- Phát triển cộng đồng bền vững.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Các hoạt động sản xuất của DNP năm 2025 trong 3 lĩnh vực chính gồm Nhựa, Nước sạch và Gạch ngói có mức tiêu thụ nguyên, nhiên liệu như sau:

Nội dung	Sản lượng	Tổng điện tiêu thụ (kWh)	Tổng nước tiêu thụ (m^3)	Điện tiêu thụ cho 1 đơn vị sản phẩm (kWh)	Nước tiêu thụ cho 1 đơn vị sản phẩm (m^3)
2025					
Nhựa (tấn)	70.056	48.008.243	165.268	685	2,11
Nước sạch (m^3)	180.000.000	48.600.000		0,27	
Gạch ngói (m^2)	20.536.451	58.884.885	240.000	2,867	0,01
2024					
Nhựa (tấn)	64.072	71.952.856	135.192	1.123	2,11
Nước sạch (m^3)	168.526.530	45.502.163		0,27	
Gạch ngói (m^2)	17.879.744	57.393.978	178.797	3,21	0,01
2023					
Nhựa (tấn)	46.591	52.414.875	100.637	1.125	2,16
Nước sạch (m^3)	125.149.728	35.522.237		0,28	
Gạch ngói (m^2)	18.734.400	60.325.768	288.690	3,22	0,01

Ngành nhựa sản xuất được
70 nghìn tấn (Sản phẩm nhựa)

Lĩnh vực sản xuất các sản phẩm nhựa

Hai đơn vị sản xuất nhựa thuộc DNP là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai và Tân Phú Việt Nam là các đơn vị hàng đầu trong sản xuất ống nhựa hạ tầng và gia dụng tại Việt Nam với các sản phẩm đa dạng như ống nhựa phục vụ cho các ngành cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; sản xuất và xuất khẩu sang Châu Âu các sản phẩm bao bì mềm, bao bì công nghiệp... Trong năm 2025, ngành nhựa sản xuất được hơn 70 nghìn tấn sản phẩm nhựa phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu, tạo việc làm và thu nhập cho hàng nghìn người lao động.

Trong quá trình sản xuất, tỷ lệ sản phẩm lỗi của toàn ngành chiếm khoảng 7%, tương đương với khoảng gần 5,5 nghìn tấn/năm. Các sản phẩm này được tái chế 100% để đảm bảo tiết kiệm chi phí cho đơn vị và góp phần bảo vệ môi trường.

Cung cấp khoảng
180 triệu m^3 (Nước sạch)

Lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch

Việc cung cấp nước sạch đến người dân là một sứ mệnh của DNP để đảm bảo cung cấp 100% nước sạch cho người tiêu dùng. Trong năm 2025, DNP Water (một công ty thành viên của DNP) đã cung cấp khoảng 180 triệu m^3 nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn đến các hộ tiêu thụ.

Đưa ra thị trường khoảng
20,5 triệu m^2 (Gạch ngói)

Lĩnh vực sản xuất gạch ngói

Trong năm 2025, CMC (một công ty thành viên của DNP) đã đưa ra thị trường hơn 20,5 triệu m^2 gạch ngói giúp góp phần vào việc cung ứng nguyên vật liệu xây dựng cho thị trường.

Tiêu thụ năng lượng

01 Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Lượng điện tiêu thụ trong năm 2025

Ngành nhựa: 48 triệu kWh

Ngành nước: 45,5 triệu kWh

Ngành gạch ngói: 58,9 triệu kWh

Nguồn năng lượng chủ yếu sử dụng trong các đơn vị sản xuất là năng lượng điện, phục vụ cho hoạt động của các thiết bị máy móc sản xuất và các hoạt động sinh hoạt khác. Trong đó, lượng điện tiêu thụ trong năm 2025 cho ngành nhựa, nước và gạch ngói lần lượt là 48 triệu kWh, 45,5 triệu kWh và 58,9 triệu kWh.

02 Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Tiêu thụ điện năng trên 1 đơn vị sản phẩm qua các năm (kwh)

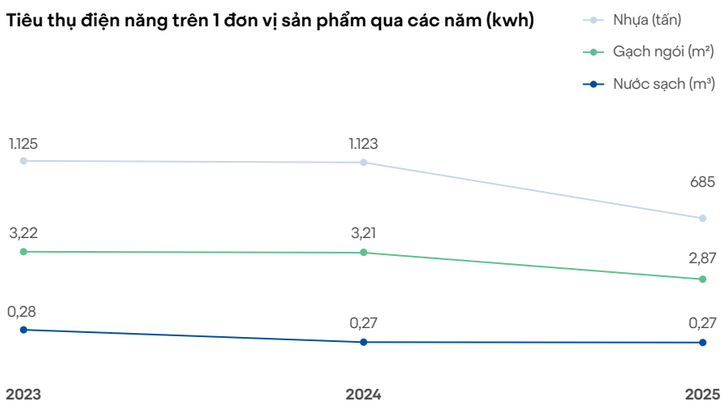

Nhờ tối ưu quy trình kiểm soát vận hành và triển khai quyết liệt các sáng kiến tiết kiệm năng lượng, trong 5 năm qua, mức tiêu thụ điện trung bình trên mỗi đơn vị sản phẩm của DNP Holding duy trì xu hướng giảm, nhiều chỉ tiêu đã được tối ưu gần ngưỡng cao nhất và không còn biến động lớn. Riêng đối với mảng sản xuất nhựa và gạch ngói, năm 2025, thông qua các cải tiến kỹ thuật và việc áp dụng phương pháp kaizen trong vận hành, lượng điện tiêu thụ đã giảm đáng kể. Để sản xuất 1 tấn nhựa đã giảm 41%, từ 1.123 kWh xuống còn 685 kWh, để sản xuất 1 m^2 gạch đã giảm 10,56%, từ 3,22 kWh xuống còn 2,87 kWh.

Thực hiện tốt các mục tiêu phát triển của quốc gia cũng như của Liên Hợp Quốc đề ra cũng đồng nghĩa giúp doanh nghiệp giảm thiểu tiêu thụ các nguồn tài nguyên, giảm thiểu chi phí sản xuất... Trong đó, theo bảng thống kê tiêu thụ điện, nước nêu trên có thể thấy, so với năm 2024 các ngành vẫn duy trì được mức giảm tiêu thụ nguyên vật liệu nhưng con số giảm không đáng kể do đã và đang áp dụng triệt để các giải pháp tối ưu sử dụng năng lượng điện, tiết kiệm nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất. Theo sản lượng sản xuất năm 2025, so với năm 2024, các ngành của DNP tiết kiệm được:

Ngành	Giảm tiêu thụ điện so với 2024 (kWh)
Nhựa	32.576.040
Nước sạch	0
Gạch ngói	6.983.383

03 Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng

Tiết kiệm hơn

82 tỷ đồng

Giảm thiểu

2.199 tấn CO^2

Để đạt được kết quả trên là tất cả nỗ lực không ngừng nghỉ của người lao động trong các đơn vị để triển khai mạnh mẽ chương trình Kaizen đến từng cá nhân, phân xưởng, nhằm tìm tòi, nghiên cứu, cải tiến không ngừng cũng như duy trì các hoạt động tốt đang thực hiện để:

- Giảm thiểu các nguyên vật liệu đầu vào bao gồm cả tiêu thụ năng lượng trong các khâu, công đoạn, thiết bị sản xuất;
- Giảm thiểu các sản phẩm lỗi, các phế phẩm;
- Tăng năng suất và tăng hiệu quả công việc,
- Các hoạt động Kaizen đã giúp DNP tiết kiệm khoảng hơn 35,3 tỷ đồng trong năm 2025 với hàng chục các cải tiến lớn nhỏ, đóng góp đáng kể nhất trong các hoạt động này là:

» Tối ưu nguyên liệu và công thức sản xuất như điều chỉnh bài men, bài xương, bài phối liệu và thay thế vật liệu đốt từ vỏ điều sang vỏ tràm để giảm chi phí đầu vào; cải tiến thiết bị, dây chuyền và tự động hóa nhằm nâng cao năng suất, giảm nhân công, giảm hao phí trong các công đoạn xếp gạch, phân loại, đóng gói và vận hành lò nung; đồng thời rà soát quy trình vận hành để cắt giảm tiêu hao điện, bao bì, bùn lắng và các chi phí phụ trợ khác.

» Cải tiến quy trình vận hành bơm công suất lớn trong các nhà máy nước, tăng số lượng bơm chạy với tần số thấp thay vì chạy ít bơm với tần số cao, vượt tải vừa gây tổn thất do sinh nhiệt cao vừa giảm tuổi thọ của bơm;

» Lắp đặt hệ thống quan trắc, các biến tần cho các mô tơ công suất lớn như hệ thống bơm trong nhà máy nước, các mô tơ động cơ nghiền... giúp điều chỉnh liên tục việc vận hành phù hợp với sản xuất, giảm điện năng tiêu thụ;

» Cải tiến về công nghệ, nhiên liệu, quy trình kiểm soát giúp tiết kiệm chi phí, tăng năng suất đồng nghĩa với với giảm điện năng tiêu thụ so với trước kia. Ngoài ra, thông qua hệ thống điều khiển, giám sát tự động như SCADA tại các nhà máy đã giúp can thiệp, tối ưu công tác vận hành, giảm thiểu tối đa tiêu thụ nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất.

DNP cũng đẩy mạnh việc sử dụng năng lượng sạch mà cụ thể là năng lượng mặt trời trong quá trình sản xuất của mình với việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại một số nhà máy và định hướng tiếp tục nhân rộng ra các nhà máy còn lại.

Năm 2025 các nhà máy đã tiêu thụ khoảng 2,6 GWh điện mặt trời, tương ứng với việc giảm thiểu được khoảng 2.374 tấn CO^2 quy đổi (theo hệ số phát thải quốc gia năm 2019).



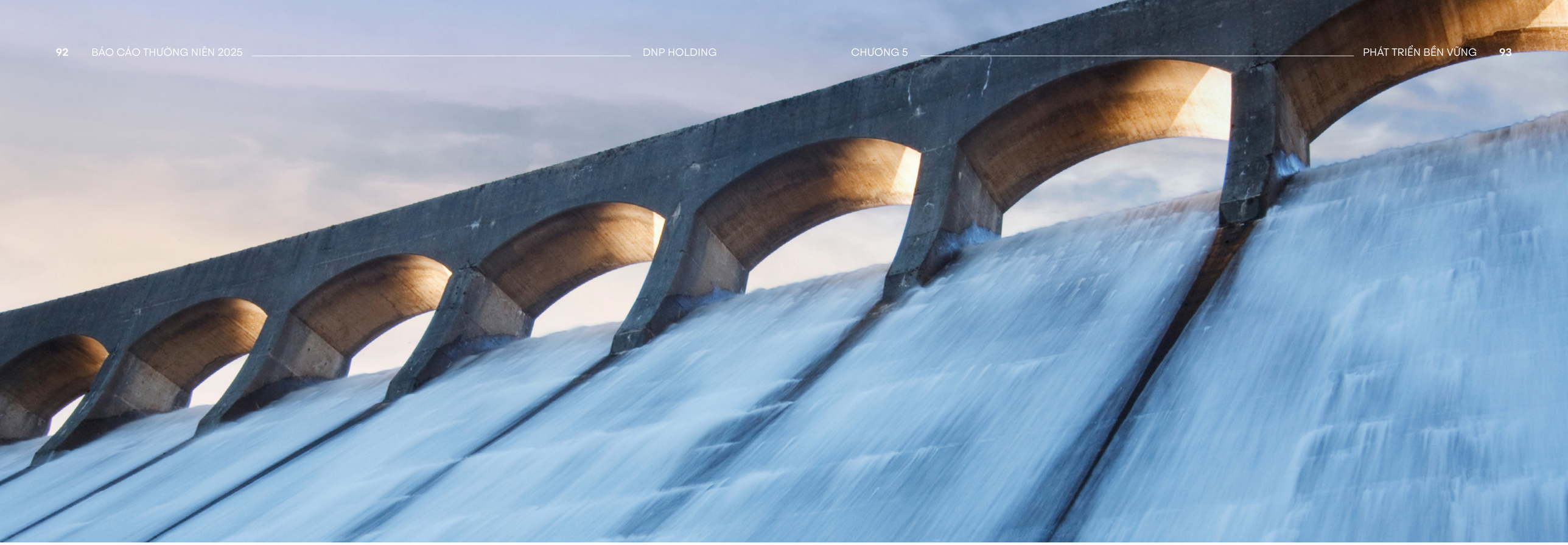

Tiêu thụ nước

01 Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Lượng nước sử dụng trong năm 2025

Ngành nhựa:	Ngành gạch ngói:	Ngành nước:
165.000 m^3	240.000 m^3	180 triệu m^3

Ngoài các nhà máy nước sử dụng nguồn nước từ sông, suối, hồ làm nguồn nguyên liệu sản xuất đầu vào thì đối với các ngành nhựa và gạch ngói sử dụng 100% nước máy. Trong năm 2025, lượng nước sử dụng trong ngành nhựa và gạch ngói tương ứng là 165.000 m^3 và 240.000 m^3. Riêng ngành nước sản xuất được 180.000.000 m^3 nước thương phẩm.

02 Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Tiết kiệm nguyên vật liệu đầu vào trong đó có nước là một trong các ưu tiên hàng đầu của DNP trong quá trình sản xuất giúp giảm chi phí sản xuất, tiêu thụ nguyên vật liệu đầu vào và sản xuất có trách nhiệm với tài nguyên, môi trường. Nước từ quá trình sản xuất không bị thải bỏ ra ngoài môi trường mà được tái sử dụng, trong đó:

- Lượng nước dùng để làm mát các thiết bị sản xuất, ngoài lượng bốc hơi tự nhiên thì phần còn lại cũng được quay vòng và tái sử dụng 100% cho các mục đích khác nhau của nhà máy;
- Với nước có lẫn các thành phần tạp chất sẽ được lắng lọc trước khi được tái sử dụng trong các hoạt động sản xuất;
- Nước rửa lọc chiếm khoảng 1 - 4% lượng nước sản xuất, trong các nhà máy nước thông thường nước này sẽ được thải bỏ ra ngoài môi trường. Tuy nhiên, tại các nhà máy của DNP lượng nước này được đưa quay trở lại quá trình xử lý để tái xử lý thành nước sạch. Do vậy, nếu tính theo sản lượng năm 2025 lượng nước tiết kiệm được của DNP khoảng 7,2 triệu m^3;

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

100% các đơn vị thành viên tại DNP đều có các Đánh giá tác động môi trường được cơ quan chức năng địa phương phê duyệt trước khi xây dựng nhà máy hoặc mở rộng, nâng công suất.

Để đảm bảo cho việc quản lý hiệu quả và thực hiện tốt các quy định về Môi trường - Sức khỏe - An toàn (EHS) cho toàn hệ thống, DNP đã phối hợp với IFC, AEP xây dựng và ban hành cho toàn bộ các đơn vị trực thuộc tài liệu Hệ thống Quản lý Môi trường & Xã hội (ESMS). Hệ thống Quản lý Vận hành (OMS cho ngành nước, nhựa) đáp ứng các quy định của Việt Nam và Quốc tế để làm cơ sở cho quá trình hoạt động của mình; tuyển dụng 01 chuyên gia chuyên trách thực hiện các công tác EHS từ năm 2018; bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách EHS tại mỗi đơn vị thành viên. Do vậy, công tác EHS tại DNP luôn được đảm bảo và tuân thủ đúng các quy định, được các cơ quan quản lý trong nước và các tổ chức quốc tế liên quan công nhận.

100% các đơn vị thành viên tại DNP đều có các Đánh giá tác động môi trường được cơ quan chức năng địa phương phê duyệt trước khi xây dựng nhà máy hoặc mở rộng, nâng công suất. Các đơn vị đều tuân thủ nghiêm túc công tác giám sát chất lượng môi trường tự nhiên, môi trường lao động với tần suất giám sát 02 – 04 lần/năm và báo cáo cho cơ quan chức năng địa phương.

Nhờ các nỗ lực và chính sách nhất quán về công tác Bảo vệ môi trường trong toàn hệ thống của DNP, đến nay, chưa có đơn vị nào của DNP bị xử phạt vì vi phạm hành chính trong lĩnh vực này cũng như có các phản đối, đơn thư, khiếu nại từ các cộng đồng dân cư địa phương.

Công tác EHS tại DNP luôn được đảm bảo và tuân thủ đúng các quy định, được các cơ quan quản lý trong nước và các tổ chức quốc tế liên quan công nhận.

Sản phẩm tái chế, năng lượng xanh

01 Chung tay bảo vệ môi trường bằng việc hướng tới sản xuất các sản phẩm “xanh”, an toàn và thân thiện với môi trường.

Nhựa Đồng Nai là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam nhận được chứng nhận “Nhãn xanh” - Green Building Product từ Hội đồng Công trình Singapore (SGBC) cho nhóm sản phẩm ống nhựa và phụ kiện PP-R.

Chứng nhận “Nhãn xanh” Green Building Product

từ Hội đồng Công trình Singapore (SGBC)

Nhựa Đồng Nai nằm trong top 10 các doanh nghiệp EGS Xanh - Ngành Vật liệu xây dựng hoàn thiện năm 2025, kết quả do Viet Research phối hợp cùng Báo Tài chính - Đầu tư (Bộ Tài chính) công bố.

Top 10 các doanh nghiệp EGS Xanh

Ngành Vật liệu xây dựng hoàn thiện năm 2025

02 100% các đơn vị thành viên thực hiện tốt công tác thu gom và xử lý các chất thải rắn

Bố trí đầy đủ các kho chứa chất thải thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định; Ký hợp đồng thu gom. xử lý rác với các đơn vị chức năng;

100% phế liệu/phế phẩm từ quá trình sản xuất được tái chế, tái sử dụng (ngành nhựa);

Không thải nước sản xuất ra môi trường - quay vòng 100% nước làm mát (ngành nhựa) và tái xử lý 100% nước thải sản xuất thành nước cấp (ngành nước);

100% các đơn vị sản xuất đều đã được trang bị đầy đủ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi thải vào hệ thống thoát nước của khu vực hoặc môi trường.



03 DNP Holding đẩy mạnh chuyển dịch Năng Lượng Xanh với giải pháp Pin Lưu Trữ BESS

Trong lộ trình hiện thực hóa cam kết Net Zero, DNP Holding đang tập trung triển khai hệ thống điện mặt trời áp mái tích hợp hệ thống pin lưu trữ năng lượng (BESS). Đây là giải pháp trọng tâm nhằm thích ứng với Quy hoạch điện VIII của Chính Phủ, đồng thời giải quyết bài toán chi phí năng lượng trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

Việc tích hợp công nghệ BESS cho phép các đơn vị chủ động lưu trữ nguồn điện mặt trời dư thừa vào ban ngày để tái sử dụng vào các khung giờ cao điểm. Giải pháp này giúp doanh nghiệ p tiết giảm trực tiếp từ 45% - 55% chi phí năng lượng hàng tháng và giảm đáng kể lượng phát thải carbon. Bên cạnh lợi ích kinh tế, hệ thống còn giúp giảm áp lực cho lưới điện quốc gia và đảm bảo nguồn điện dự phòng ổn định, giúp các nhà máy duy trì sản xuất liên tục ngay cả trong các tình huống mất điện lưới đột ngột.

Trong giai đoạn đầu, hệ thống đã được vận hành hiệu quả tại mạng lưới các nhà máy nước thuộc DNP Water và các đơn vị thuộc DNP, tiêu biểu như nhà máy nước Sơn Thạnh, Đồng Tâm, Ninh Hòa và nhà máy nhựa Tân Phú - Long An, Khu công nghiệp Đất đỏ. Bước sang giai đoạn tiếp theo, DNP sẽ mở rộng mô hình này sang hệ thống showroom ô tô và các trạm sạc xe điện thuộc hệ sinh thái Tasco. Việc kết hợp năng lượng sạch vào hạ tầng giao thông không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững. Tầm nhìn dài hạn, DNP sẽ cung cấp giải pháp tích hợp này cho các đối tác và khách hàng ngoài hệ thống Tasco/DNP, khẳng định cam kết tham gia thúc đẩy chuyển dịch năng lượng xanh tại Việt Nam.



04 Tích cực tái chế rác thải thông qua nhiều sáng kiến và hoạt động đa dạng

Việt Nam chú trọng vào hoạt động tái chế rác thải, thu hồi và tự tái chế nhựa thải, giúp giảm thiểu nhu cầu về nguyên liệu thô và giảm lượng rác thải nhựa. Khi phát triển sản phẩm mới, Tân Phú ưu tiên thiết kế sản phẩm có khả năng sử dụng nhiều lần, kéo dài vòng đời sản phẩm. Bên cạnh đó, nhà máy sản xuất của Tân Phú luôn đầu tư vào các công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo để giảm thiểu lượng khí thải nhà kính. Máy móc thiết bị, khuôn mẫu được đầu tư hiện đại, sử dụng inverter (biến tần), quy trình sản xuất liên tục được cải tiến nhằm tăng chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ phế thải phát sinh và giảm thiểu năng lượng sử dụng.

Inochi - thương hiệu gia dụng cao cấp của Tân Phú Việt Nam, đã triển khai chương trình “Hành Trình Xanh”, khuyến khích người tiêu dùng mang các sản phẩm cũ, đã qua sử dụng đến đổi phiếu ưu đãi. Hàng nghìn sản phẩm đã được thu hồi và đưa vào tái chế, qua đó góp phần thúc đẩy thói quen tiêu dùng có trách nhiệm, giảm thiểu rác thải nhựa trong sinh hoạt và lan tỏa lối sống xanh trong cộng đồng. Bên cạnh đó, Inochi cũng hợp tác cùng Trung tâm Bảo tồn thiên nhiên Gaia trồng 1.000 cây xanh, tiếp tục mở rộng các hoạt động vì môi trường theo hướng thiết thực và bền vững. Những hoạt động này không chỉ giúp người tiêu dùng có cơ hội tiếp cận các sản phẩm gia dụng an toàn, bền vững hơn, mà còn thể hiện cam kết của Inochi trong việc đồng hành cùng mục tiêu kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

Báo Cáo Liên Quan Đến Trách Nhiệm Với Cộng Đồng Địa Phương

Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp dựa trên nền tảng của một cộng đồng bền vững, ổn định và thịnh vượng.

Do đó, tại DNP, bên cạnh những định hướng phát triển hoạt động kinh doanh, chúng tôi luôn xác định trách nhiệm của mình với cộng đồng, nỗ lực đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội theo đúng tinh thần "See Ahead - Nhìn xa Nghĩ lớn".

Tại DNP, chúng tôi quan niệm rằng mỗi cá nhân tốt hơn, mỗi đội nhóm tốt hơn, mỗi doanh nghiệp tốt hơn thì đất nước cũng sẽ tốt hơn. Với tinh thần đó, vượt lên trên những khó khăn bởi khủng hoảng kinh tế thời kỳ hậu Covid, năm 2023 tiếp tục ghi nhận những dấu ấn của người DNP với các dự án cộng đồng ý nghĩa.

Những con số nổi bật

Tổng ngân sách dành cho cộng đồng năm 2025

3,8 tỷ đồng

Ủng hộ đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng bởi bão lũ

2,5 tỷ đồng

Hỗ trợ hoàn cảnh khó khăn trên cả nước

420 phần quà

Tài trợ hơn

2.500 m^2 gạch ốp lát

để cải tạo, xây dựng các điểm trường mầm non tại các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Điện Biên, Nam Sơn (Hà Giang), mầm non Mông Ân (Cao Bằng), mầm non Tả Sìn Thàng (Điện Biên)

Lắp đặt

34 trụ nước

miễn phí tại 10 tỉnh thành trên cả nước

Trao tặng

220 suất quà tặng, học bổng

cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vươn lên trong học tập



DNP ủng hộ 2,5 tỷ đồng, chung tay hỗ trợ đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng bởi bão lũ

Tháng 11/2025, mưa lũ lớn kéo dài tại khu vực Nam Trung Bộ đã gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản, ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống của người dân tại nhiều địa phương. Trước những mất mát đó, DNP đã kịp thời triển khai chương trình hỗ trợ khẩn cấp với tổng số tiền quyên góp là 2,5 tỷ đồng, nhằm chung tay cùng cộng đồng khắc phục hậu quả thiên tai và góp phần giúp người dân sớm ổn định cuộc sống. Nguồn hỗ trợ được phân bổ tới Ủy ban MTTQ tại các tỉnh Khánh Hòa, Gia Lai và Đắk Lắk - những địa phương chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bão lũ, đồng thời dành một phần để hỗ trợ các gia đình cán bộ, công nhân viên trong hệ thống bị tác động trực tiếp bởi thiên tai. Hoạt động này không chỉ thể hiện tinh thần tương thân tương ái, sẻ chia kịp thời trước khó khăn của cộng đồng, mà còn khẳng định trách nhiệm xã hội và giá trị nhân văn mà DNP luôn theo đuổi trong quá trình phát triển bền vững. Chúng tôi tin rằng, với sự chung tay của cộng đồng, người dân vùng bão sẽ sớm vượt qua khó khăn, tái thiết cuộc sống và vững vàng trước những thử thách của thiên tai.



DNP ưu tiên đầu tư cho giáo dục

DNP đã tài trợ hơn

1.000 m^2 gạch ốp lát

phục vụ xây dựng và cải tạo cho nhiều điểm trường tại các tỉnh vùng sâu vùng xa

Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển. Với phương châm đó, trong suốt nhiều năm qua, DNP đã luôn đặc biệt ưu ái, dành nhiều sự quan tâm và nguồn lực tài trợ cho các dự án giáo dục, đặc biệt là các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, ở vùng sâu vùng xa.

Năm 2025, DNP đã tài trợ hơn 1.000 m^2 gạch ốp lát, phục vụ xây dựng và cải tạo cho nhiều điểm trường tại các tỉnh vùng sâu vùng xa như trường mầm non Nam Sơn (Hà Giang), mầm non Mông Ân (Cao Bằng), mầm non Tả Sìn Thàng, mầm non Páo Tỉnh Làng (Điện Biên). Đây là một dự án đặc biệt, được xây dựng từ nền móng của tình yêu thương. Những viên gạch nhỏ bé, sắc màu đã góp phần tạo nên ngôi trường mơ ước, viết tiếp giấc mơ đến trường cho hàng trăm em nhỏ người dân tộc thiểu số tại các tỉnh vùng cao.

DNP cũng đã tài trợ 9 năm liên tiếp cho chương trình học bổng "Chắp cánh ước mơ" tại tỉnh Bắc Giang; trao học bổng cho các em học sinh nghèo vượt khó tại tỉnh Phú Thọ, Khánh Hòa, Bình Phước...

Tài trợ trụ nước sạch miễn phí tại vòi đến 10 tỉnh thành trong cả nước



DNP triển khai xây dựng

34 trụ nước uống sạch

Tổng chi phí tài trợ

4,2 tỷ đồng

Tính đến năm 2025, dự án tài trợ xây dựng các trụ nước uống tại vòi là một trong những án thiện nguyện có ý nghĩa rất lớn của DNP được triển khai từ năm 2019, được thực hiện xuyên suốt trong nhiều năm qua. Tính đến hết năm 2025, DNP đã triển khai xây dựng được 34 trụ nước uống sạch, đặt tại các điểm du lịch, bệnh viện, khu dân cư đông đúc ở 10 tỉnh thành phố trên cả nước, với tổng chi phí tài trợ khoảng 4,2 tỷ đồng.

Dự án đã được người dân và chính quyền đánh giá cao vì những giá trị thiết thực, không chỉ mang lại nguồn nước uống sạch miễn phí cho hàng ngàn người dân và du khách mỗi ngày mà còn góp phần giảm thiểu rác thải nhựa, gây ô nhiễm môi trường, nâng cao tiện ích giúp diện mạo địa phương thêm phần khang trang, hiện đại, nâng cao hình ảnh trong mắt du khách và bạn bè quốc tế. Đây cũng là động lực để DNP cố gắng thực hiện thêm nhiều dự án có ý nghĩa hơn nữa, mang nước sạch đến muôn nơi phục vụ cộng đồng.

DNP Water khởi công dự án Nhà máy nước thô liên vùng đầu tiên tại Việt Nam, giải pháp căn cơ bền vững về nước ngọt cho các tỉnh Đồng Tháp - Tây Ninh - Vĩnh Long

Tổng mức đầu tư giai đoạn 1

1.820 tỷ đồng

Công suất thiết kế

300.000 m^3/ngày đêm

Ngày 24/10/2025, DNP Water chính thức khởi công Dự án Trạm bơm nước thô Nhà máy nước Đồng Tâm và hệ thống tuyến ống truyền tải tại xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp. Đây là công trình cấp nước thô liên vùng đầu tiên trên cả nước, đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc hình thành mô hình hạ tầng nước quy mô lớn, góp phần giải quyết bài toán khan hiếm nước ngọt tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Với tổng mức đầu tư giai đoạn 1 hơn 1.820 tỷ đồng, công suất thiết kế 300.000 m^3/ngày đêm và hệ thống tuyến ống dài khoảng 115 km, dự án có vai trò truyền tải nguồn nước thô không nhiễm mặn từ sông Tiền và kênh Nguyễn Tấn Thành đến các nhà máy nước sạch tại Đồng Tháp, Tây Ninh và Vĩnh Long. Khi hoàn thành, công trình dự kiến đáp ứng nhu cầu nước ngọt cho hơn 2 triệu người dân, đồng thời phục vụ sản xuất, công nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của toàn vùng.

Trong bối cảnh ĐBSCL đang chịu tác động ngày càng rõ nét của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và suy giảm nguồn nước, dự án không chỉ mang ý nghĩa về hạ tầng kỹ thuật mà còn là giải pháp căn cơ cho an ninh nguồn nước, an sinh xã hội và khả năng thích ứng dài hạn của các địa phương. Công trình thể hiện rõ cam kết của DNP Water trong việc đầu tư vào những giải pháp thiết thực, bền vững và có giá trị lâu dài cho cộng đồng.

Việc khởi công dự án tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong của DNP Water trong lĩnh vực hạ tầng nước và môi trường, đồng thời là minh chứng cho định hướng phát triển bền vững mà DNP kiên định theo đuổi: phát triển gắn với trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên và đồng hành cùng các địa phương trước những thách thức của tương lai.

Các hoạt động tiêu biểu khác

01

Inochi

Chương trình
Thu cũ đổi mới

Inochi thực hiện chương trình Thu cũ đổi mới, vì một tương lai xanh tại một điểm hàng.



02

DNP Water

Chương trình
“Chắp cánh ước mơ”

DNP Water tài trợ 20 suất học bổng cho các trẻ em nghèo, vượt khó trong chương trình “Chắp cánh ước mơ” năm 2025 của tỉnh Bắc Ninh.



03

Inochi

Miss Cosmo
Vietnam 2025

Inochi đồng hành cùng Miss Cosmo Vietnam – Hoa hậu Hoàn vũ Việt Nam 2025, lan tỏa vẻ đẹp hiện đại gắn liền với tinh thần sống xanh, sống có trách nhiệm.



04

Aoi

Hội thảo tiền sản

Aoi tài trợ cho sự kiện Hội thảo tiền sản tại Bệnh viện Đa khoa Tâm trí Nha Trang.



05

DNP Holding

Điểm trường mầm non
Páo Tỉnh Làng

DNP đã tài trợ toàn bộ gạch ốp lát, phục vụ xây dựng điểm trường mầm non Páo Tỉnh Làng, xã Sín Chải, tỉnh Điện Biên.



06

DNP Holding

Quỹ “Vì ta cần nhau”

Quỹ “Vì ta cần nhau” - Điểm tựa sẻ chia, đồng hành cùng CBCNV của DNP Holding trong những giai đoạn khó khăn.



Chương 06

Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

104 Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc

108 Báo Cáo Kiểm Toán Độc Lập

110 Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất

114 Báo Cáo Kết Quả Kinh Doanh Hợp Nhất

115 Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp Nhất

117 Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

06



Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DNP Holding (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị		
Ông Trần Đức Huy	Chủ tịch	
Ông Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	
Ông Trịnh Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Bà Trần Thị Linh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Bùi Thành Việt	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025

Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị		
Bà Trần Thị Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên	
Ông Bùi Thành Việt	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025

Ban Tổng Giám đốc		
Ông Trịnh Kiên	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hữu Chuyển	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Thùy Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/02/2025
Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 31/12/2025

Kế toán trưởng	
Bà Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Phạm Thị Thu Hằng.

Đại diện pháp luật

Ông Trịnh Kiên	Tổng Giám đốc

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo.

Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính đã được kiểm toán hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Công bố của Ban Tổng Giám Đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31/12/2025, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của bộ trưởng bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi thông tư số 68/2024/TT-BTC và thông tư số 18/2025/TT-BTC, thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Kiên
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Báo Cáo Kiểm Toán Độc Lập

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần DNP Holding cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi
Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần DNP Holding

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần DNP Holding (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 07 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DNP Holding chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần DNP Holding tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2026-112-1
Thay mặt và đại diện cho **Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn UHY**

Ngô Anh Dũng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5215-2026-112-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**10.635.112.851.460**	**8.859.009.475.274**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**1.739.963.910.419**	**1.892.725.495.847**
Tiền	111		299.526.367.505	572.159.760.776
Các khoản tương đương tiền	112		1.440.437.542.914	1.320.565.735.071
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**436.976.765.099**	**397.384.395.412**
Chứng khoán kinh doanh	121		37.500.000.000	37.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	399.476.765.099	359.884.395.412
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**6.300.917.310.187**	**4.825.761.790.033**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.913.433.594.017	1.444.688.405.792
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.276.264.095.762	827.319.211.821
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	866.861.134.593	570.861.134.593
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	2.487.866.180.173	2.210.932.610.479
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7,8,9,10	(243.607.196.184)	(228.039.572.652)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		99.501.826	-
Hàng tồn kho	**140**	**11**	**1.975.867.141.683**	**1.582.968.735.755**
Hàng tồn kho	141		2.006.672.778.430	1.597.486.980.838
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(30.805.636.747)	(14.518.245.083)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**181.387.724.072**	**160.169.058.227**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	40.123.295.428	30.477.956.721
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		124.683.738.718	84.462.820.994
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	16.534.962.933	13.142.062.501
Tài sản ngắn hạn khác	155		45.726.993	32.086.218.011
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**8.529.332.383.336**	**8.814.453.856.582**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**80.480.568.839**	**83.747.185.346**
Trả trước người bán dài hạn	212		100.000.000	100.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10	80.380.568.839	83.647.185.346
Tài sản cố định			**6.859.234.551.817**	**7.280.658.796.375**

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Tài sản cố định hữu hình	221	13	5.591.548.093.206	5.710.514.270.634
Nguyên giá	*222*		*11.332.035.409.690*	*11.513.561.992.434*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(5.740.487.316.484)*	*(5.803.047.721.800)*
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	15	253.213.471.441	245.290.186.438
Nguyên giá	*225*		*279.102.913.408*	*283.128.920.688*
Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		*(25.889.441.967)*	*(37.838.734.250)*
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.014.472.987.170	1.324.854.339.303
Nguyên giá	*228*		*1.271.699.752.725*	*1.540.976.977.310*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(257.226.765.555)*	*(216.122.638.007)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**887.405.956.316**	**672.524.877.351**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	887.405.956.316	672.524.877.351
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**17**	**474.484.053.783**	**472.945.067.211**
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		104.394.658.783	100.655.251.951
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		357.009.815.260	357.009.815.260
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.020.420.260)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		15.100.000.000	15.280.000.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**227.727.252.581**	**304.577.930.299**
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	103.499.054.465	113.027.811.768
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	31	-	13.881.649.085
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		6.015.972.540	6.115.886.930
Lợi thế thương mại	269	16	118.212.225.576	171.552.582.516
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**19.164.445.234.796**	**17.673.463.331.856**

Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**12.786.295.858.855**	**11.598.181.791.879**
Nợ ngắn hạn	**311**		**6.421.385.290.198**	**5.842.208.389.597**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	904.282.708.777	775.205.342.563
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	53.569.453.237	33.655.671.216
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	202.471.589.758	121.222.428.629
Phải trả người lao động	314		124.062.427.933	132.569.235.135
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	170.181.365.906	140.530.390.661
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		136.363.637	136.363.638
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	315.503.031.419	141.314.616.277
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	4.633.232.566.177	4.484.777.445.438
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		8.162.882.347	5.561.706.075
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.782.901.007	7.235.189.965
Nợ dài hạn	**330**		**6.364.910.568.657**	**5.755.973.402.282**
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	19	5.500.063.450	44.744.959.832
Chi phí phải trả dài hạn	333	21	49.651.410.233	41.727.969.317
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.267.887.007	1.979.749.359
Phải trả dài hạn khác	337	22	1.924.445.545.003	1.503.051.288.900
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	4.099.916.633.118	3.809.149.970.420
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	31	279.775.528.994	351.386.091.464
Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.353.500.852	3.933.372.990

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**24**	**6.378.149.375.941**	**6.075.281.539.977**
Vốn chủ sở hữu	**410**		**6.378.149.375.941**	**6.075.281.539.977**
Vốn cổ phần	411		1.409.748.460.000	1.409.748.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.409.748.460.000	1.409.748.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		506.898.575.480	506.898.575.480
Vốn khác của chủ sở hữu	414		45.780.003.942	45.780.003.942
Cổ phiếu quỹ	415		(28.342.000)	(28.342.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		21.805.426.819	17.186.013.442
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		231.373.140.740	92.899.052.068
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		86.557.604.940	49.402.581.684
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		144.815.535.800	43.496.470.384
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.162.572.110.960	4.002.797.777.045
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**19.164.445.234.796**	**17.673.463.331.856**

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Văn Định	**Phạm Thị Thu Hằng**	**Trịnh Kiên**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Hợp Nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**25**	**9.677.168.557.241**	**9.080.994.413.188**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**26**	**172.866.568.346**	**182.574.378.955**
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**9.504.301.988.895**	**8.898.420.034.233**
Giá vốn hàng bán	**11**	**27**	**7.878.223.835.477**	**7.390.350.107.326**
Lợi nhuận gộp	**20**		**1.626.078.153.418**	**1.508.069.926.907**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	395.737.096.745	470.041.799.894
Chi phí tài chính	22	29	696.021.523.988	649.693.735.939
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		621.249.710.584	549.022.797.771
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		6.324.641.832	97.151.515.667
Chi phí bán hàng	25	30	535.991.841.064	527.120.243.660
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	462.317.847.332	467.256.252.225
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**333.808.679.611**	**431.193.010.644**
Thu nhập khác	31		327.650.554.898	83.212.592.962
Chi phí khác	32		296.572.996.517	285.685.646.758
Lợi nhuận khác	**40**		**31.077.558.381**	**(202.473.053.796)**
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**364.886.237.992**	**228.719.956.848**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	173.271.119.677	101.016.434.885
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	31	(57.728.913.385)	(64.087.786.895)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**249.344.031.700**	**191.791.308.858**
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		144.815.535.800	43.496.470.384
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		104.528.495.900	148.294.838.474
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**33**	**1.027**	**336**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**34**	**1.027**	**336**

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Văn Định	Phạm Thị Thu Hằng	Trịnh Kiên
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp Nhất

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**364.886.237.992**	**228.719.956.848**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		736.336.297.004	712.380.047.679
Các khoản dự phòng	03		36.896.739.590	18.723.457.238
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		384.468.277	467.945.635
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(683.772.806.730)	(349.535.487.193)
Chi phí lãi vay	06		621.249.710.584	549.022.797.771
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**1.075.980.646.717**	**1.159.778.717.978**
Giảm các khoản phải thu	09		(8.563.164.029)	716.070.936.772
(Tăng) hàng tồn kho	10		(409.185.797.592)	(65.864.001.114)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		616.897.097.392	(451.455.433.750)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(116.581.404)	14.448.887.857
(Tăng) chứng khoán kinh doanh	13		-	(37.500.000.000)
Tiền lãi vay đã trả	14		(609.174.656.959)	(584.244.303.509)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(104.647.579.300)	(108.005.046.804)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.019.791.182)	(2.523.242.171)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**555.170.173.643**	**640.706.515.259**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.397.213.382.813)	(545.180.029.949)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		360.607.448.074	103.250.700.142
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(526.534.369.687)	(43.835.964.372)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(36.000.000.000)	(248.900.245.523)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		140.265.010.569	822.950.241.116
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		285.581.780.425	439.375.563.046
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(1.173.293.513.432)**	**527.660.264.460**

Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp Nhất (tiếp)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		122.824.055.000	140.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		10.027.434.467.977	9.565.412.908.398
Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.617.828.857.946)	(9.752.150.381.566)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(45.818.841.627)	(48.483.800.716)
Tiền trả cổ tức	36		(21.536.617.759)	(20.502.592.580)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**465.074.205.645**	**(255.583.866.464)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(153.049.134.144)**	**912.782.913.255**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**		**1.892.725.495.847**	**980.472.894.157**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		287.548.716	(530.311.565)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**70**		**1.739.963.910.419**	**1.892.725.495.847**

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Văn Định	**Phạm Thị Thu Hằng**	**Trịnh Kiên**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần DNP Holding (sau đây gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 22 tháng 07 năm 2025.

Hiện tại Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu: DNP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty chi tiết như sau:

- Tại ngày 31/12/2025, vốn điều lệ của Công ty là: 1.409.748.460.000 đồng, tương đương 140.974.846 cổ phần, theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 27 ngày 22 tháng 07 năm 2025.
- Mệnh giá cổ phiếu tại Công ty là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2025 là 4.078 người (tại 31/12/2024 là 3.868 người).

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa như ống nhựa, phụ kiện PPR, PVC, HDPE, các sản phẩm bao bì HDPE, phụ tùng, linh kiện và hàng gia dụng nhựa; khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét, hoạt động tư vấn quản lý và hoạt động tư vấn đầu tư.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh chính

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 05 Công ty con trực tiếp như sau:

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Lô 6 Khu Công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh ống nước	99,33	99,33
2	Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh nhựa công nghiệp	52,73	52,73
3	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Thôn Càn, Xã Kép, Tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư vào các công ty/ dự án nước sạch	51,15	51,15
4	Công ty Cổ phần CMC	Lô B10 - B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất, kinh doanh và phân phối gạch men	51,14	51,14
5	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương Mại DNP	Lô 13, đường D4, khu công nghiệp Đất Đỏ I, Xã Đất Đỏ, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm từ nhựa	74,99	100,00

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 27 Công ty con gián tiếp (tại ngày 31/12/2024: 25 công ty con gián tiếp) như sau:

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2024
1	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang	Thôn Càn, Xã Kép, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	47,53	51,15	99,998	99,998
2	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	Số 8C, đường Đinh Công Tráng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	45,41	45,41	89,24	89,24
3	Công ty Cổ phần Bình Hiệp	A6-A7 KDC Kênh Bàu, Phường Hàm Thắng, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	44,95	44,95	97,04	97,04
4	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	29,29	29,29	57,26	57,26
5	Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm	Ấp Tân Thuận, Xã Kim Sơn, Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	26,94	26,94	52,68	52,68
6	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	Số 489, đường 30/4, Khu phố 22, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	28,99	28,99	59,47	59,47
7	Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành hệ thống nước sạch	Ấp Tân Thuận, Xã Kim Sơn, Tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	51,13	51,13	99,97	99,97
8	Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An	A6-A7 KDC Kênh Bàu, Phường Hàm Thắng, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	40,33	40,28	99,03	99,03
9	Công ty Cổ phần DNP Hawaco	Số 25 phố Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh vật tư ngành nước	49,67	49,67	50,00	50,00
10	Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam	121 Trần Thái Tông, Phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	49,17	49,17	99,00	99,00
11	Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa	198 Đường 16/7, Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch, dịch vụ công ích	26,34	26,34	51,51	51,51
12	Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa	198 Đường 16/7, Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật đồng hồ đo nước	26,34	26,34	100,00	100,00
13	Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa	243 Trần Quý Cáp, Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Thương mại dịch vụ và lắp ráp, sản xuất	26,34	26,34	100,00	100,00
14	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước	216, Đường Nguyễn Văn Linh, Khu phố Phú Tân, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai,	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	43,13	43,06	84,32	84,19
15	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	Tầng 3, Toà nhà số 12-16 Phố Đốc Ngữ, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực xử lý nước cấp và nước thải	34,76	34,76	70,00	70,00
16	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	Lô B10-B11 Khu Công nghiệp Thụy Vân, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ	Hoạt động dịch vụ tài chính	51,13	51,13	99,99	99,99
17	Công ty TNHH Nước thô DNP-Sông Tiền	Ấp Tân Thuận, Xã Kim Sơn, Tỉnh Đồng Tháp	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	47,21	51,14	99,99	99,99
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh	Thôn Lễ Thạnh, Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	32,22	28,13	70,78	55,00

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2024
19	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia	Nhà máy nước sạch Dankia 2, Phường Lang Biang - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	23,30	23,30	90,00	90,00
20	Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Gia Lai	388 Lý Thái Tổ, Phường Diên Hồng, Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	13,20	13,20	51,00	51,00
21	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	25,88	25,88	100,00	100,00
22	Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Tòa nhà Tasco, 220 Bis Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25,88	25,07	50,61	50,61
23	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Công nghệ PT	Lô B10-B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	51,14	51,14	100,00	100,00
24	Viện khoa học và công nghệ nước	Tầng 19 tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, số 1 Phạm Huy Thông, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và thực hiện các dự án trong lĩnh vực cấp thoát và xử lý nước	39,73	39,73	80,00	80,00
25	Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê	12 Trần Quang Khải, Phường An Khê, Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	20,02	20,02	77,33	77,33
26	Công ty Cổ phần Năng lượng Tasco	Tòa nhà Tasco, 220 Bis Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	26,09	-	50,90	-
27	Công ty TNHH Giải pháp Ngành nước S&D	Tầng 10, Tòa nhà Tasco Lô HH2-2 Đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	51,15	-	100,00	-

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 5 Công ty liên kết gián tiếp (tại ngày 31/12/2024 có 5 Công ty liên kết) như sau:

STT	Tên Công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
				Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2024
1	Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	7,32	7,32	25,01	25,01
2	Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải	Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	7,32	7,32	25,00	25,00
3	Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Số 386 Đường Xương Giang, Phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	12,41	13,37	24,99	26,35
4	Công ty Cổ phần Kĩ thuật Hạ tầng Meta	Tầng 18, tòa nhà VP Ngọc Khánh Plaza, số 1 Phạm Huy Thông, Phường Giảng Võ, Hà Nội	Cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và thi công cho lĩnh vực cơ điện	12,17	12,17	24,50	24,50
5	Công ty Cổ phần cấp nước Sài Gòn - Pleiku	86 Phó Đức Chính, Xã Biển Hồ, Tỉnh Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	12,68	12,68	49,00	49,00

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

Cơ sở lập báo cáo và năm tài chính

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa tren mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	» Chi phí mua, giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	» Giá gốc nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định thuê tài chính

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất quy định trên hợp đồng trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm: quyền sử dụng đất; phần mềm và các tài sản cố định vô hình khác.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 20 năm
Phương tiện vận tải	3 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời gian thuê
Chương trình phần mềm	3 - 8 năm

Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính được tính theo thời hạn cho thuê tài sản được nêu trên hợp đồng như sau:

Máy móc, thiết b	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ 1 đến 5 năm hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí công cụ, dụng cụ;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- Đồng hồ nước;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Các chi phí khác liên quan đến nhiều kỳ sản xuất hoạt động kinh doanh.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ Tập đoàn phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toàn như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản phải trả và chi phí trả trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận các khoản dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bố cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi số của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thông tin bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh được chia thành ngành vật liệu xây dựng (ngành nhựa, vật tư và gạch ốp lát) và ngành nước sạch và môi trường trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn. Báo cáo bộ phận chủ yếu của Tập đoàn theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cũng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
• Tiền mặt	9.761.278.996	9.860.194.228
• Tiền gửi ngân hàng	289.765.088.509	562.299.566.548
• Các khoản tương đương tiền (*)	1.440.437.542.914	1.320.565.735.071
Tổng cộng	**1.739.963.910.419**	**1.892.725.495.847**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi và đầu tư có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất áp dụng tối đa 7%/năm.
Một phần khoản tương đương tiền đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu phát hành (Thuyết minh 23).

Chi phí trả trước

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Ngắn hạn	**40.123.295.428**	**30.477.956.721**
• Chi phí nước mua buôn	8.195.321.048	5.524.294.460
• Thuê văn phòng, kho	1.420.654.673	3.399.319.140
• Công cụ, dụng cụ	12.389.421.589	7.780.529.581
• Chi phí sửa chữa tài sản	4.526.292.652	1.181.585.192
• Chi phí ngắn hạn khác	13.591.605.466	12.592.228.348
Dài hạn	**103.499.054.465**	**113.027.811.768**
• Chi phí sửa chữa, thay thế đồng hồ nước định kỳ	37.917.208.128	30.085.954.835
• Công cụ, dụng cụ	25.432.828.615	35.407.991.252
• Chi phí thuê biển quảng cáo	6.077.743.555	16.170.445.627
• Chi phí khác	34.071.274.167	31.363.420.054
Tổng cộng	**143.622.349.893**	**143.505.768.489**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (*) (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (*) (VND)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn - Tiền gửi có kỳ hạn (*)	399.476.765.099	399.476.765.099	359.884.395.412	359.884.395.412

(*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn từ 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng từ 2,8%/năm đến 11,0%/năm. Một phần khoản tiền gửi có kỳ hạn giá trị khoảng 318 tỷ VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 23).

Phải thu khách hàng

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Phải thu các bên khác	**1.913.433.594.017**	**(162.465.712.700)**	**1.444.688.405.792**	**(151.336.208.818)**
• Phải thu khách hàng kinh doanh ống và phụ kiện	770.392.874.772	(144.170.795.315)	511.109.463.693	(135.900.008.502)
• Phải thu khác hàng kinh doanh nhựa công nghiệp và gia dụng	164.240.595.129	-	157.884.582.158	(651.367.640)
• Phải thu khác hàng kinh doanh gạch ốp lát	182.290.020.783	(7.510.155.620)	224.927.355.690	(6.406.296.881)
• Phải thu khác hàng kinh doanh nước sạch	46.742.667.518	(9.614.560.920)	48.334.049.042	(7.944.049.131)
• Phải thu khách hàng kinh doanh bao bì	537.724.125.630	-	353.698.373.420	-
• Phải thu khác hàng kinh doanh vật tư và thiết bị ngành nước	187.927.336.056	(1.170.200.845)	126.612.983.693	(241.795.037)
Khách hàng khác	24.115.974.129	-	22.121.598.096	(192.691.627)
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 36.2)	**-**	**-**	**-**	**-**
Tổng cộng	**1.913.433.594.017**	**(162.465.712.700)**	**1.444.688.405.792**	**(151.336.208.818)**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản phải thu giá trị khoảng 771 tỷ đồng đã được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng (Thuyết minh số 23).

Trả trước cho người bán

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Trả trước cho nhà cung cấp khác	**1.276.264.095.762**	**(7.049.787.781)**	**827.319.211.821**	**(3.378.490.389)**
• Trả trước cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa	309.495.088.735	-	318.994.632.606	-
• Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh gạch ốp lát	148.696.478.911	(3.671.297.392)	180.676.669.932	-
• Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động kinh doanh ngành nhựa	185.450.856.862	(3.378.490.389)	230.333.298.839	(3.378.490.389)
• Trả trước cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước	44.044.153.568	-	95.177.815.659	-
• Trả trước cho người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa	582.528.505.256	-	1.717.086.944	-
• Các khoản khác	6.049.012.430	-	419.707.841	-
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh 36.2)	**-**	**-**	**-**	**-**
Tổng cộng	**1.276.264.095.762**	**(7.049.787.781)**	**827.319.211.821**	**(3.378.490.389)**

Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Ngắn hạn	**866.861.134.593**	**(61.678.672.501)**	**570.861.134.593**	**(61.678.672.501)**
• Cho vay bên khác (*)	754.200.000.000	(200.000.000)	451.200.000.000	(200.000.000)
• Cho vay bên liên quan (Thuyết minh 36.2)	112.661.134.593	(61.478.672.501)	119.661.134.593	(61.478.672.501)
Tổng cộng	**866.861.134.593**	**(61.678.672.501)**	**570.861.134.593**	**(61.678.672.501)**

(*) Các khoản cho các tổ chức và cá nhân vay tín chấp thời hạn tối đa mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất áp dụng thỏa thuận từ 9,5% - 11,5%/năm.

Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Ngắn hạn	**2.487.866.180.173**	**(12.413.023.202)**	**2.210.932.610.479**	**(11.646.200.944)**
Các bên khác	**2.487.866.180.173**	**(12.413.023.202)**	**2.210.932.610.479**	**(11.646.200.944)**
• Phải thu các khoản hợp tác đầu tư (*)	1.952.928.840.350	-	1.856.016.840.350	-
• Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, cho vay	280.547.504.104	-	199.294.321.416	-
• Các khoản tạm ứng	43.571.519.026	-	66.293.197.540	-
• Ký quỹ, ký cược	41.431.262.407	-	50.467.531.490	-
• Phải thu khác	169.385.523.321	(12.413.023.202)	38.860.719.683	(11.646.200.944)
Phải thu bên liên quan	**-**	**-**	**-**	**-**
Dài hạn	**80.380.568.839**	**-**	**83.647.185.346**	**-**
• Phải thu các khoản hợp tác đầu tư (*)	39.000.000.000	-	52.460.000.000	-
• Ký quỹ, ký cược	28.503.250.312	-	23.131.718.328	-
• Thuế GTGT của tài sản cố định thuê tài chính	6.583.752.925	-	4.014.454.420	-
• Phải thu khác	6.293.565.602	-	4.041.012.598	-
Tổng cộng	**2.568.246.749.012**	**(12.413.023.202)**	**2.294.579.795.825**	**(11.646.200.944)**

(*) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác doanh nghiệp, lợi nhuận được chia cho các bên theo tỷ lệ thỏa thuận tại thời điểm thanh lý hợp đồng. Các khoản này được đảm bảo bằng tài sản của các bên thứ ba.

Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
• Nguyên vật liệu	884.860.749.257	(8.008.678.183)	697.435.085.309	(5.692.630.681)
• Thành phẩm	545.815.586.324	(21.305.745.968)	461.002.947.092	(7.542.465.806)
• Hàng hóa	389.522.054.797	(1.469.112.650)	305.618.710.171	(1.263.652.704)
• Công cụ và dụng cụ	20.713.043.520	(22.099.946)	28.281.184.650	(19.495.892)
• Hàng mua đang đi trên đường	139.597.938.913	-	75.280.533.458	-
• Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.398.111.094	-	10.393.200.831	-
• Hàng gửi đi bán	9.765.294.525	-	19.475.319.327	-
Tổng cộng	**2.006.672.778.430**	**(30.805.636.747)**	**1.597.486.980.838**	**(14.518.245.083)**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Mua sắm tài sản cố định	**4.826.553.392**	**12.672.557.911**
• Máy móc thiết bị	4.826.553.392	12.672.557.911
Xây dựng cơ bản dở dang	**882.579.402.924**	**659.852.319.440**
• Dự án Nhà máy Đất Đỏ	423.170.960.141	-
• Nhà máy nước tại Bắc Giang	305.375.110.529	241.609.727.341
• Nhà máy nước Sơn Thạnh	19.938.942.071	300.341.326.429
• Hệ thống cấp nước mới Bình Hiệp	21.895.453.000	21.855.453.000
• Chi phí khác	112.198.937.183	96.045.812.670
Tổng cộng	**887.405.956.316**	**672.524.877.351**

Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị văn phòng (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2025	**2.176.002.101.058**	**3.432.040.034.685**	**5.864.485.054.387**	**41.034.802.304**	**11.513.561.992.434**
Mua trong năm	3.267.768.694	42.234.831.884	9.583.354.474	1.341.545.226	56.427.500.278
Đầu tư XDCB hoàn thành	176.356.159.280	183.877.321.644	188.709.379.312	4.500.501.343	553.443.361.579
Mua tài sản thuê tài chính	-	106.574.381.209	8.882.322.365	-	115.456.703.574
Thanh lý, nhượng bán	(47.821.677.430)	(797.658.113.723)	(53.389.416.155)	(1.539.905.512)	(900.409.112.820)
Phân loại lại	17.045.000	1.633.064.096	(1.248.351.818)	(401.757.278)	-
Tăng/(giảm) khác	(1.143.166.429)	(3.200.345.089)	(2.101.523.837)	-	(6.445.035.355)
Tại ngày 31/12/2025	**2.306.678.230.173**	**2.965.501.174.706**	**6.014.920.818.728**	**44.935.186.083**	**11.332.035.409.690**
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2025	**(1.181.994.461.378)**	**(2.352.511.695.923)**	**(2.244.080.944.147)**	**(24.460.620.352)**	**(5.803.047.721.800)**
Khấu hao trong năm	(112.188.263.006)	(225.708.891.914)	(251.044.952.929)	(4.899.222.477)	(593.841.330.326)
Mua tài sản thuê tài chính	-	(42.644.880.969)	(3.823.747.160)	-	(46.468.628.129)
Phân loại lại	116.217.886	(2.668.116.508)	2.254.592.737	297.305.885	-
Thanh lý, nhượng bán	48.450.023.652	611.737.755.870	37.301.257.537	1.446.333.879	698.935.370.937
(Tăng)/giảm khác	1.143.166.427	1.294.617.631	1.497.208.775	-	3.934.992.835
Tại ngày 31/12/2025	**(1.244.473.316.419)**	**(2.010.501.211.813)**	**(2.457.896.585.187)**	**(27.616.203.065)**	**(5.740.487.316.484)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	**994.007.639.680**	**1.079.528.338.762**	**3.620.404.110.240**	**16.574.181.952**	**5.710.514.270.634**
Tại ngày 31/12/2025	**1.062.204.913.754**	**954.999.962.893**	**3.557.024.233.541**	**17.318.983.018**	**5.591.548.093.206**

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2025 là: 3.808.546.788.253 đồng (tại 01/01/2025 là 2.857.530.024.111 đồng) (Thuyết minh số 23);

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2025 là: 1.698.873.981.988 đồng (tại 01/01/2025 là: 1.921.236.481.660 đồng).

Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm (VND)	Khác (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2025	**1.492.593.815.048**	**30.193.164.573**	**18.189.997.689**	**1.540.976.977.310**
Mua trong năm	-	14.447.128.000	-	14.447.128.000
Thanh lý, nhượng bán	(282.516.001.585)	-	-	(282.516.001.585)
Tăng/(giảm) khác	(1.208.351.000)	-	-	(1.208.351.000)
Tại ngày 31/12/2025	**1.208.869.462.463**	**44.640.292.573**	**18.189.997.689**	**1.271.699.752.725**
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2025	**(189.247.054.343)**	**(17.881.028.413)**	**(8.994.555.251)**	**(216.122.638.007)**
Phân bổ trong năm	(49.862.791.115)	(3.722.985.747)	(976.852.219)	(54.562.629.082)
Thanh lý, nhượng bán	13.294.870.662	-	-	13.294.870.662
Xóa sổ	163.630.871	-	-	163.630.871
Tại ngày 31/12/2025	**(225.651.343.925)**	**(21.604.014.160)**	**(9.971.407.470)**	**(257.226.765.555)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2025	**1.303.346.760.705**	**12.312.136.160**	**9.195.442.438**	**1.324.854.339.303**
Tại ngày 31/12/2025	**983.218.118.538**	**23.036.278.413**	**8.218.590.219**	**1.014.472.987.170**

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2025 là 17.701.562.852 đồng (tại 01/01/2025 là: 7.510.317.634 đồng).

Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2025	**271.205.549.183**	**11.923.371.505**	**283.128.920.688**
Thuê mới trong năm	73.188.361.316	2.246.653.717	75.435.015.033
Đầu tư XDCB hoàn thành	36.191.438.298	-	36.191.438.298
Mua lại tài sản thuê tài chính	(106.574.381.209)	(8.882.322.365)	(115.456.703.574)
Tăng/(giảm) khác	-	(195.757.037)	(195.757.037)
Tại ngày 31/12/2025	**274.010.967.588**	**5.091.945.820**	**279.102.913.408**
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2025	**(30.570.200.212)**	**(7.268.534.038)**	**(37.838.734.250)**
Khấu hao trong năm	(32.872.176.904)	(1.719.803.753)	(34.591.980.657)
Mua lại tài sản thuê tài chính	42.644.880.969	3.823.747.160	46.468.628.129
Tăng/(giảm) khác	-	72.644.811	72.644.811
Tại ngày 31/12/2025	**(20.797.496.147)**	**(5.091.945.820)**	**(25.889.441.967)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2025	**240.635.348.971**	**4.654.837.467**	**245.290.186.438**
Tại ngày 31/12/2025	**253.213.471.441**	**-**	**253.213.471.441**

Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2025 là 17.336.173.464 đồng (tại 01/01/2025 là 17.880.765.300 đồng)

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2025 là: 0 đồng (tại 01/01/2025 là: 732.500.000 đồng).

Lợi thế thương mại

	Giá trị (VND)
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025	**533.512.412.177**
GIÁ TRỊ PHÂN BỔ	
Tại ngày 01/01/2025	**(361.959.829.661)**
Phân bổ trong năm	(53.340.356.940)
Tại ngày 31/12/2025	**(415.300.186.601)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2025	**171.552.582.516**
Tại ngày 31/12/2025	**118.212.225.576**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc (VND)	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu (VND)
Đầu tư vào công ty liên kết	**147.512.500.000**	**104.394.658.783**	**147.512.500.000**	**100.655.251.951**
• Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	750.000.000	452.702.918	750.000.000	987.243.914
• Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải	2.500.000.000	3.076.370.501	2.500.000.000	2.751.658.988
• Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	97.100.000.000	94.545.279.769	97.100.000.000	93.046.043.454
• Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hạ tầng Meta	3.062.500.000	6.320.305.595	3.062.500.000	3.870.305.595
• Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	44.100.000.000	-	44.100.000.000	-
Tổng cộng	**147.512.500.000**	**104.394.658.783**	**147.512.500.000**	**100.655.251.951**

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Góp vốn vào đơn vị khác	**357.009.815.260**	**357.009.815.260**
• Đối tượng đầu tư 1	210.000.000.000	210.000.000.000
• Đối tượng đầu tư 2	143.153.395.000	143.153.395.000
• Đối tượng đầu tư 3	2.020.420.260	2.020.420.260
• Đối tượng đầu tư 4	1.836.000.000	1.836.000.000
Tổng cộng	**357.009.815.260**	**357.009.815.260**

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	31/12/2025 Giá gốc và giá trị hợp lý (VND)	01/01/2025 Giá gốc và giá trị hợp lý (VND)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn	**15.100.000.000**	**15.280.000.000**
• Trái phiếu (*)	15.100.000.000	15.100.000.000
• Các khoản đầu tư khác	-	180.000.000
Tổng cộng	**15.100.000.000**	**15.280.000.000**

(*) Các khoản trái phiếu có kỳ hạn trên một (1) năm với lãi suất từ 4,8% đến 7,6% hoặc lãi suất tham chiếu cộng (+) 1% - 3,5% được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại các ngân hàng. (Thuyết minh số 23)

Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 Giá trị và số có khả năng trả nợ (VND)	01/01/2025 Giá trị và số có khả năng trả nợ (VND)
Ngắn hạn	**904.282.708.777**	**775.205.342.563**
• Phải trả người bán phục vụ hoạt động kinh doanh	839.589.660.036	709.041.546.538
• Phải trả cho người bán phục vụ kinh Doanh ngành nhựa	397.489.566.678	325.196.436.571
• Phải trả cho người bán phục vụ kinh Doanh gạch ốp lát	196.896.738.279	242.757.627.428
• Phải trả cho người bán phục vụ kinh Doanh ngành nước	68.576.427.851	44.021.884.863
• Phải trả cho người bán phục vụ kinh doanh vật tư và thiết bị ngành nước	176.626.927.228	97.065.597.676
Phải trả người bán phục vụ mua sắm tài sản cố định	**48.848.508.005**	**55.440.755.477**
• Phải trả người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nước	46.717.569.346	50.651.339.509
• Phải trả người bán - Mua sắm đầu tư TSCĐ ngành nhựa	2.130.938.659	4.789.415.968
Phải trả người bán khác	**14.662.533.066**	**10.290.851.580**
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 36.2)	**1.182.007.670**	**432.188.968**
Tổng cộng	**904.282.708.777**	**775.205.342.563**

Người mua trả tiền trước

	31/12/2025 Giá trị và số có khả năng trả nợ (VND)	01/01/2025 Giá trị và số có khả năng trả nợ (VND)
Ngắn hạn	**53.569.453.237**	**33.655.671.216**
• Ứng trước tiền mua ống nhựa và phụ kiện ngành nước	27.499.541.916	14.882.184.590
• Ứng trước tiền cung cấp nước sạch	9.850.887.747	7.801.736.595
• Ứng trước tiền mua nhựa công nghiệp và gia dụng	8.019.828.353	6.091.828.625
• Ứng trước tiền mua gạch ốp lát	4.089.391.177	3.096.232.541
• Ứng trước tiền khác	4.109.804.044	1.783.688.865
Dài hạn	**5.500.063.450**	**44.744.959.832**
• Ứng trước tiền cung cấp nước sạch	5.500.063.450	28.670.147.800
• Ứng trước tiền từ bên liên quan (Thuyết minh số 36.2)	-	16.074.812.032
Tổng cộng	**59.069.516.687**	**78.400.631.048**

Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp

	01/01/2025 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm (VND)	31/12/2025 (VND)
• Thuế giá trị gia tăng phải nộp	28.863.223.344	449.157.004.652	(444.385.879.053)	33.634.348.943
• Thuế thu nhập doanh nghiệp	74.605.328.197	173.271.119.677	(104.647.579.300)	143.228.868.574
• Thuế thu nhập cá nhân	4.743.516.075	22.221.010.497	(21.786.362.402)	5.178.164.170
• Thuế tài nguyên	461.892.413	5.892.068.058	(5.907.834.852)	446.125.619
• Các loại thuế khác	12.548.468.600	72.935.673.626	(65.500.059.774)	19.984.082.452
Tổng cộng	**121.222.428.629**	**723.476.876.510**	**(642.227.715.381)**	**202.471.589.758**

Thuế và các khoản phải thu

	01/01/2025 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm (VND)	31/12/2025 (VND)
• Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	38.041.968	6.931.095.668	(6.370.763.484)	598.374.152
• Thuế thu nhập cá nhân	652.799.812	2.318.716.107	(1.676.197.934)	1.295.317.985
• Thuế giá trị gia tăng	2.576.427.746	59.455.354.476	(58.069.091.380)	3.962.690.842
• Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.862.089.625	141.257.498	(47.674.603)	9.955.672.520
• Các loại thuế khác	12.703.350	2.097.397.971	(1.387.193.887)	722.907.434
Tổng cộng	**13.142.062.501**	**70.943.821.720**	**(67.550.921.288)**	**16.534.962.933**

Chi phí phải trả

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Ngắn hạn	**170.181.365.906**	**140.530.390.661**
• Chi phí lãi vay	56.121.681.441	55.901.351.217
• Chi phí lãi hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	29.397.678.082	6.295.085.586
• Chi phí hoa hồng môi giới	31.594.793.815	20.591.138.780
• Trích trước lương tháng 13	10.993.224.688	8.539.550.194
• Cước vận chuyển	3.595.870.534	6.493.543.398
• Các khoản phải trả khác	38.478.117.346	42.709.721.486
Dài hạn	**49.651.410.233**	**41.727.969.317**
• Chi phí lãi vay	48.049.410.233	41.727.969.317
• Chi phí khác	1.602.000.000	-
Tổng cộng	**219.832.776.139**	**182.258.359.978**

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư đối với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Tập đoàn thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận hoặc chi phí cơ hội sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể hoặc khi các bên quyết toán các khoản đầu tư.

Phải trả khác

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Ngắn hạn	**315.503.031.419**	**141.314.616.277**
• Phải trả đại lý tiền chiết khấu đặt cọc	13.869.559.243	32.533.023.789
• Lãi vay phải trả	22.558.895.892	15.485.839.041
• Kinh phí công đoàn	3.992.114.982	3.800.888.132
• Phải trả cổ tức	3.204.677.650	3.073.673.654
• Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	112.000.000.000	3.000.000.000
• Phải trả khác	159.877.783.652	83.421.191.661
Dài hạn	**1.924.445.545.003**	**1.503.051.288.900**
• Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	1.234.750.000.000	786.200.000.000
• Phải trả hoạt động chuyển nhượng cổ phần	308.700.000.000	308.700.000.000
• Lãi vay phải trả	274.265.464.819	298.907.831.681
• Nhận ký cược, ký quỹ	13.538.859.344	11.308.063.414
• Phải trả khác	93.191.220.840	97.935.393.805
Tổng cộng	**2.239.948.576.422**	**1.644.365.905.177**

(*)Hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác doanh nghiệp, đối tác ủy thác cho Tập đoàn thực hiện đầu tư trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch và các ngành liên quan mà đối tác có nhu cầu. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được xác định tại từng thời điểm cụ thể khi 2 bên quyết toán các khoản đầu tư.

Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025	Trong năm		31/12/2025
	Giá trị và số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng (VND)	Giảm (VND)	Giá trị và số có khả năng trả nợ (VND)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**4.484.777.445.438**	**9.545.202.685.533**	**(9.396.747.564.794)**	**4.633.232.566.177**
• Vay ngắn hạn (23.1)	3.404.596.879.157	8.711.915.652.106	(8.135.036.582.070)	3.981.475.949.193
• Vay dài hạn đến hạn trả (23.2)	391.679.366.794	625.031.221.071	(670.748.415.610)	345.962.172.255
• Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (23.4)	596.884.166.667	102.015.833.333	(500.000.000.000)	198.900.000.000
• Nợ thuê tài chính đến hạn trả	46.473.307.333	52.121.024.098	(45.818.841.627)	52.775.489.804
• Các khoản nợ khác đến hạn trả (23.3)	45.143.725.487	54.118.954.925	(45.143.725.487)	54.118.954.925
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**3.809.149.970.420**	**1.390.953.830.904**	**(1.100.187.168.206)**	**4.099.916.633.118**
• Vay dài hạn (23.2)	2.291.997.691.342	1.317.797.056.010	(757.451.355.850)	2.852.343.391.502
• Trái phiếu dài hạn (23.4)	796.260.275.619	11.867.867.493	(236.495.833.333)	571.632.309.779
• Nợ thuê tài chính dài hạn	54.914.465.335	61.288.907.401	(52.121.024.098)	64.082.348.638
• Các khoản nợ khác (23.3)	665.977.538.124	-	(54.118.954.925)	611.858.583.199
Tổng cộng	**8.293.927.415.858**	**10.936.156.516.437**	**(10.496.934.733.000)**	**8.733.149.199.295**

Vay ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, phát hành thu tín dụng, phát hành bảo lãnh chi tiết như sau:

Tên đối tượng	Số dư cuối năm (VND)	Thời hạn thanh toán	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	652.539.939.268	Theo từng lần trả nợ	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất, Cổ phiếu của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.423.400.671.533	Theo từng lần trả nợ	Các khoản phải thu từ khách hàng, hàng tồn kho nhà xưởng, máy móc thiết bị, tài sản và quyền tài sản của dự án Củ Chi và Cổ phiếu của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	400.291.863.810	Theo từng lần trả nợ	Các khoản phải thu từ khách hàng, hàng tồn kho nhà xưởng, máy móc thiết bị và tài sản gắn liền trên đất
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	454.010.592.523	Theo từng lần trả nợ	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng và hàng tồn kho thuộc sở hữu của công ty. Cổ phiếu của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Quân đội	165.379.739.133	Theo từng lần trả nợ	Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Quốc Tế	302.529.504.183	Theo từng lần trả nợ	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu từ khách hàng và hàng tồn kho thuộc sở hữu của Công ty
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	183.858.032.473	Theo từng lần trả nợ	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu từ khách hàng và hàng tồn kho thuộc sở hữu của Công ty
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN	104.737.594.089	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp và một phần tài sản đảm bảo bằng các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	73.453.368.540	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp và một phần tài sản đảm bảo bằng các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn
Ngân hàng Sinopac	65.087.528.616	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp và một phần tài sản đảm bảo bằng các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Việt Á	134.540.000.000	Theo từng lần trả nợ	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần DNP Holding
Ngân hàng TMCP Á Châu	8.197.115.025	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp và một phần tài sản đảm bảo bằng hàng tồn kho, các khoản phải thu hình thành từ vốn vay
Vay cá nhân và tổ chức khác	13.450.000.000	Theo từng lần trả nợ	Tín chấp
Tổng cộng	**3.981.475.949.193**		

Vay dài hạn

Tên đối tượng	Số dư cuối năm (VND)	Thời hạn thanh toán	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	15.884.751.675	60 tháng	Máy móc thiết bị được tài trợ bởi ngân hàng bảo lãnh từ Công ty
Ngân hàng TMCP Việt Á	44.982.562.700	24 tháng	Cổ phiếu của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	622.776.000.000	120 tháng	Cổ phiếu của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	124.343.750.000	96 tháng	Quyền Khai thác, lợi ích phát sinh từ các thử đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng của Công ty
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.636.221.338.135	60 tháng - 180 tháng	Tài sản và quyền sử dụng tài sản của dự án, quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	72.934.000.000	36 tháng - 120 tháng	Xe ô tô, toàn bộ tài sản của dự án phát triển, quản lý hệ thống cấp nước
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	37.671.272.988	60 tháng -120 tháng	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	150.368.280.130	192 tháng - 25 năm	Tài sản hình thành sau đầu tư và giá trị quyền sử dụng đất, TS hình thành từ vốn vay
Quỹ đầu tư phát triển	146.544.567.149	72 - 240 tháng	Công trình thuộc dự án Trạm tăng áp Chợ Gạo. Tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác.
Ngân sách tỉnh Bình Thuận	37.671.997.156	180 tháng	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân Đội	12.303.694.029	48 tháng - 84 tháng	Quyền sử dụng đất của Công ty thành viên diện tích 14.532,3 m2
Bộ Tài chính	185.809.901.757	25 năm	Các công trình xây dựng hoàn thành
Vay các tổ chức khác	110.793.448.038	Khi dự án hoàn thành	Không có tài sản đảm bảo
Tổng cộng	**3.198.305.563.757**		
Trong đó:			
Đến hạn trả:	345.962.172.255		
Dài hạn:	2.852.343.391.502		

Các khoản nợ khác

Trong năm, Tập đoàn đã ký kết các hợp đồng chuyển nhượng tài sản phát sinh trong tương lai với một đối tác doanh nghiệp. Theo hợp đồng, Tập đoàn nhận trước khoản tiền và sẽ thanh toán lại trong tương lai bằng tiền thu được từ các hoạt động bán nước sạch. Ban Tổng Giám đốc cho rằng các hoạt động này bản chất là giao dịch tài chính, do đó ghi nhận các khoản nhận trước như một khoản nợ, phần chênh lệch giữa tổng khoản thanh toán trong tương lai và khoản tiền nhận trước được xem là chi phí lãi. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng khoản thanh toán trong tương lai (VND)	**Lãi (VND)**	**Nợ gốc (VND)**	**Tổng khoản thanh toán trong tương lai (VND)**	**Lãi (VND)**	**Nợ gốc (VND)**
Nợ đến hạn trả	68.959.367.495	14.840.412.570	54.118.954.925	60.976.154.223	15.832.428.736	45.143.725.487
Nợ dài hạn	927.275.045.076	315.416.461.877	611.858.583.199	1.031.455.764.473	365.478.226.349	665.977.538.124
	996.234.412.571	**330.256.874.447**	**665.977.538.124**	**1.092.431.918.696**	**381.310.655.085**	**711.121.263.611**

Trái phiếu dài hạn

Tên tổ chức phát hành/ trái chủ	**Kỳ hạn**	**Lãi suất**	**Số dư cuối năm (VND)**	**Mục đích**	**Tài sản đảm bảo**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng VNDirect	Từ 2 đến 5 năm	10% -11%	355.880.600.000	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Cổ phiếu của bên thứ ba
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam	4 năm	10,50%	129.071.875.000	Tái cơ cấu nợ các khoản nợ với Tổ chức khác theo các hợp đồng vay.	Cổ phiếu của bên thứ ba
Trái chủ	3 năm	11%	285.579.834.779	Cơ cấu lại các khoản nợ của doanh nghiệp và thực hiện đầu tư vào các dự án ngành nước	Cổ phần của Công ty tại một số Công ty con và cổ phiếu của các bên thứ ba
Tổng cộng			**770.532.309.779**		
Trong đó:					
Đến hạn trả:			198.900.000.000		
Dài hạn:			571.632.309.779		

Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Quỹ khác thuộc VCSH (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Tổng cộng (VND)
Tại ngày 01/01/2024	**1.189.099.130.000**	**270.847.905.480**	**45.780.003.942**	**(28.342.000)**	**3.513.332.924**	**60.583.409.261**	**3.088.702.929.526**	**4.658.498.369.133**
• Tăng vốn trong năm	220.649.330.000	236.050.670.000	-	-	-	-	140.000.000	456.840.000.000
• Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	43.496.470.384	148.294.838.474	191.791.308.858
• Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(21.282.141.598)	(21.282.141.598)
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(834.340.565)	(2.120.780.211)	(2.955.120.776)
• Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	13.672.680.518	(13.672.680.518)	-	-
• Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	-	-	793.267.224.595	793.267.224.595
• Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	3.629.196.031	(3.629.196.031)	-
• Khác	-	-	-	-	-	(303.002.525)	(575.097.710)	(878.100.235)
Tại ngày 31/12/2024	**1.409.748.460.000**	**506.898.575.480**	**45.780.003.942**	**(28.342.000)**	**17.186.013.442**	**92.899.052.068**	**4.002.797.777.045**	**6.075.281.539.977**
Tại ngày 01/01/2025	**1.409.748.460.000**	**506.898.575.480**	**45.780.003.942**	**(28.342.000)**	**17.186.013.442**	**92.899.052.068**	**4.002.797.777.045**	**6.075.281.539.977**
• Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	122.824.055.000	122.824.055.000
• Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	144.815.535.800	104.528.495.900	249.344.031.700
• Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(21.667.621.755)	(21.667.621.755)
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	4.619.413.377	(4.619.413.377)	-	-
• Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	(1.936.690.373)	(3.237.911.419)	(5.174.601.792)
• Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	-	2.143.968.234	(38.143.968.234)	(36.000.000.000)
• Khác	-	-	-	-	-	(1.929.311.613)	(4.528.715.577)	(6.458.027.189)
Tại ngày 31/12/2025	**1.409.748.460.000**	**506.898.575.480**	**45.780.003.942**	**(28.342.000)**	**21.805.426.819**	**231.373.140.740**	**4.162.572.110.960**	**6.378.149.375.941**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
• Công ty TNHH Tasco Investment	806.834.370.000	-
• Các cổ đông khác	602.914.090.000	1.409.748.460.000
Tổng cộng	**1.409.748.460.000**	**1.409.748.460.000**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối, cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Vốn cổ phần	1.409.748.460.000	1.409.748.460.000
• Vốn đầu năm	1.409.748.460.000	1.189.099.130.000
• Tăng vốn trong năm	-	220.649.330.000
• Vốn góp cuối năm	1.409.748.460.000	1.409.748.460.000
Cổ tức và lợi nhuận đã phân phối	-	-

Cổ phiếu

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.974.846	140.974.846
Số lượng cổ phiếu đã bán ta công chúng	140.974.846	140.974.846
• Cổ phiếu phổ thông	140.974.846	140.974.846
Số lượng cổ phiếu quỹ	8.810	8.810
• Cổ phiếu phổ thông	8.810	8.810
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	140.966.036	140.966.036
• Cổ phiếu phổ thông	140.966.036	140.966.036
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
• Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	9.566.340.649.303	8.990.787.539.696
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	86.474.349.811	69.673.627.533
• Doanh thu khác	24.353.558.127	20.533.245.959
Tổng cộng	**9.677.168.557.241**	**9.080.994.413.188**

Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Các khoản giảm trừ doanh thu	172.866.568.346	182.574.378.955
Trong đó:		
• Chiết khấu thương mại	148.860.985.041	170.191.675.178
• Hàng bán bị trả lại	24.005.583.305	12.318.424.575
• Giảm giá hàng bán	-	64.279.202
Tổng cộng	**172.866.568.346**	**182.574.378.955**

Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
• Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	7.774.908.425.634	7.318.524.221.554
• Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	70.897.231.538	58.697.360.289
• Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	16.287.391.664	248.455.452
• Giá vốn khác	16.130.786.641	12.880.070.031
Tổng cộng	**7.878.223.835.477**	**7.390.350.107.326**

Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
• Lãi từ hoạt động đầu tư	8.165.650.699	166.989.718.420
• Lãi tiền gửi, cho vay	351.514.963.113	270.411.511.097
• Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.193.128.081	21.163.956.343
• Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.863.354.852	11.476.614.034
Tổng cộng	**395.737.096.745**	**470.041.799.894**

Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
• Chi phí lãi vay	621.249.710.584	549.022.797.771
• Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.212.771.900	25.398.278.910
• Chi phí tài chính khác	64.559.041.504	75.272.659.258
Tổng cộng	**696.021.523.988**	**649.693.735.939**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	**462.317.847.332**	**467.256.252.225**
• Chi phí nhân viên quản lý	224.353.537.399	214.874.151.795
• Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.353.165.237	81.779.663.664
• Lợi thế thương mại phân bổ	53.340.356.940	52.728.355.572
• Chi phí dự phòng	3.887.086.687	17.720.466.508
• Chi phí khấu hao	16.284.284.644	25.423.552.084
• Chi phí đồ dùng văn phòng	6.337.990.734	4.341.767.824
• Thuế, phí và lệ phí	3.381.405.518	5.471.924.281
• Chi phí khác	70.380.020.173	64.916.370.497
Các khoản chi phí bán hàng	**535.991.841.064**	**527.120.243.660**
• Chi phí dịch vụ mua ngoài	187.773.054.352	204.031.949.801
• Chi phí nhân viên	164.548.625.810	146.101.005.032
• Chi phí hỗ trợ bán hàng	59.343.062.911	59.552.997.533
• Chi phí khấu hao	36.589.485.488	32.992.400.468
• Chi phí dụng cụ, đồ dùng	31.314.566.430	20.257.961.657
• Chi phí bảo hành	5.248.296.384	6.804.695.053
• Chi phí khác	51.174.749.689	57.379.234.116
Tổng cộng	**998.309.688.396**	**994.376.495.885**

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế. Một số các trường hợp hưởng ưu đãi thuế sau đây:

- Các công ty gồm Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội ("NS3), Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận ("Bình Thuận"), Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước nước DNP – Bắc Giang ("Bắc Giang"), Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh ("Tây Ninh"), Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa ("Ninh Hòa") và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước ("Bình Phước") được hưởng thuế suất là 10% đối với thu nhập từ sản xuất và kinh doanh nước sạch – hoạt động xã hội trong lĩnh vực môi trường trong suốt thời gian hoạt động;
- Công ty Cổ phần Bình Hiệp được miễn thuế TNDN trong bốn năm (từ 2016 đến 2019), giảm 50% thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028) và chịu thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế của dự án đầu tư mở rộng;
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Nước DNP - Bắc Giang được miễn thuế TNDN trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2020) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong năm năm tiếp theo tới năm 2025;
- Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa được miễn thuế TNDN trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Năm 2020 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% thuế TNDN;
- Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa được miễn thuế TNDN trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khan và đặc biệt khó khăn. Năm 2019 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% số thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy trình về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	173.271.119.677	101.016.434.885
Tổng cộng	**173.271.119.677**	**101.016.434.885**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế TNDN hoãn lại

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	31/12/2025	01/01/2025	Năm 2025	Năm 2024
• Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định	-	12.376.737.806	(12.376.737.806)	-
• Lợi nhuận chưa thực hiện	-	1.504.911.278	(1.504.911.278)	(2.270.399.999)
• **Tài sản thuế TNDN hoãn lại**	**-**	**13.881.649.085**		
• Chênh lệch từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý khi hợp nhất kinh doanh	(279.775.528.994)	(351.386.091.464)	71.610.562.469	66.358.186.894
• **Thuế TNDN hoãn lại phải trả**	**(279.775.528.994)**	**(351.386.091.464)**		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			**57.728.913.385**	**64.087.786.895**

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
• Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	6.309.570.759.525	5.982.755.503.111
• Chi phí nhân công	867.196.913.009	800.378.035.176
• Chi phí khấu hao tài sản cố định	682.995.940.064	659.651.692.105
• Lợi thế thương mại phân bổ	53.340.356.940	52.728.355.574
• Chi phí dự phòng	11.000.971.145	16.104.262.763
• Thuế, phí, lệ phí	7.678.000.845	2.560.817.013
• Chi phí khác	944.750.582.345	870.547.937.469
	8.876.533.523.873	**8.384.726.603.211**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
• Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	144.815.535.800	43.496.470.384
• Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	140.966.036	129.571.849
• **Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND /CP)**	**1.027**	**336**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm 2025 Cổ phiếu	Năm 2024 Cổ phiếu
• Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	140.966.036	118.901.103
• Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	-	22.064.933
• **Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm**	**140.966.036**	**129.571.849**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
• Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	144.815.535.800	43.496.470.384
• Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	140.966.036	129.571.849
• Số cổ phiếu dự kiến phát hành (cổ phiếu)	-	-
• **Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND /CP)**	**1.027**	**336**

Thông tin theo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên sơ cở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng ngành nhựa và vật liệu xây dựng.
- Sản xuất và kinh doanh ngành nước sạch và môi trường.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Ngành nhựa và vật liệu xây dựng (VND)	Ngành nước và môi trường (VND)	Tổng cộng (VND)
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025			
Doanh thu thuần bán hàng	8.026.241.974.276	1.478.060.014.619	9.504.301.988.895
Giá vốn hàng bán	6.872.528.310.917	1.005.695.524.560	7.878.223.835.477
Lợi nhuận gộp từ bán hàng	**1.153.713.663.359**	**472.364.490.059**	**1.626.078.153.418**
Tại ngày 31/12/2025			
Tài sản ngắn hạn	7.232.106.201.500	3.403.006.649.960	10.635.112.851.460
Tài sản dài hạn	2.088.595.539.533	6.440.736.843.803	8.529.332.383.336
Nợ ngắn hạn	5.533.247.938.472	888.137.351.726	6.421.385.290.198
Nợ dài hạn	2.144.778.132.736	4.220.132.435.921	6.364.910.568.657
Tài sản thuần	**1.642.675.669.825**	**4.735.473.706.116**	**6.378.149.375.941**

	Ngành nhựa và vật liệu xây dựng (VND)	Ngành nước và môi trường (VND)	Tổng cộng (VND)
Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024			
Doanh thu thuần bán hàng	7.510.109.506.931	1.388.310.527.302	8.898.420.034.233
Giá vốn hàng bán	6.416.157.349.478	974.192.757.848	7.390.350.107.326
Lợi nhuận gộp từ bán hàng	**1.093.952.157.453**	**414.117.769.454**	**1.508.069.926.907**
Tại ngày 31/12/2024			
Tài sản ngắn hạn	6.752.254.851.605	2.106.754.623.669	8.859.009.475.274
Tài sản dài hạn	4.187.351.445.702	4.627.102.410.880	8.814.453.856.582
Nợ ngắn hạn	5.221.174.668.931	621.033.720.666	5.842.208.389.597
Nợ dài hạn	2.011.678.299.790	3.744.295.102.492	5.755.973.402.282
Tài sản thuần	**3.706.753.328.586**	**2.368.528.211.391**	**6.075.281.539.977**

Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm và có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

STT	Tên	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty liên kết
2	Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Công ty liên kết
3	Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải	Công ty liên kết

Số dư với các bên liên quan

	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Phải trả người bán ngắn hạn			
• Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Bán nước sạch	1.182.007.670	432.188.968
		1.182.007.670	**432.188.968**
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
• Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Cho vay	112.661.134.593	119.661.134.593
		112.661.134.593	**119.661.134.593**
Người mua trả tiền trước dài hạn			
• Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Bán nước sạch	-	16.074.812.032
		-	**16.074.812.032**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Những nghiệp vụ trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Bán nước sạch	62.287.860.508	67.603.535.355
	Cổ tức được chia	2.585.235.000	2.620.863.156
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải	Mua nước sạch	5.213.228.573	5.665.105.524
	Cổ tức được chia	275.000.000	90.054.072

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
Hội đồng quản trị	**-**	**-**
Thành viên	-	-
Ban Tổng Giám đốc	**3.814.470.999**	**3.791.330.434**
Tổng Giám đốc	1.630.358.819	1.105.347.826
Phó Tổng Giám đốc	1.080.000.000	1.080.000.000
Phó Tổng Giám đốc	1.104.112.180	825.391.304
Phó Tổng Giám đốc	-	780.591.304
Tổng cộng	**3.814.470.999**	**3.791.330.434**

Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần DNP Holding.

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Văn Định
Người lập biểu

Phạm Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Trịnh Kiên
Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật
CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING

Trịnh Kiên
Tổng Giám đốc

DNP | A Member of Tasco

Văn phòng Hà Nội
Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,
P.Từ Liêm, TP.Hà Nội

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh
Tòa nhà Tasco, 220 Bis Nguyễn Hữu Cảnh,
P.Thạnh Mỹ Tây, TP.Hồ Chí Minh

DNP water
A Member of Tasco

Trụ sở chính
Thôn Càn, Xã Kép, Tỉnh Bắc Ninh

DONGNAI Plastics
A Member of Tasco

Trụ sở chính
Đường số 09, Khu công nghiệp
Biên Hòa 1, P.Trấn Biên,
Tỉnh Đồng Nai

DNP HAWACO
A Member of Tasco

Trụ sở chính
Tầng 18 toà nhà Ngọc Khánh,
số 1 Phạm Huy Thông, P.Giảng Võ, TP.Hà Nội

CMC
A Member of Tasco

Trụ sở chính
Lô B10 - B11 Khu công nghiệp Thụy Vân,
P.Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ

TANPHU
A Member of Tasco

Trụ sở chính
314 Lũy Bán Bích, P.Tân Phú,
TP.Hồ Chí Minh